



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

# CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ BAN NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

# DDCI 2023

BÌNH PHƯỚC



**CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH  
CẤP SỞ BAN NGÀNH VÀ  
ĐỊA PHƯƠNG**

**DDCI** 2023  
BÌNH PHƯỚC

**Nhóm nghiên cứu**

ThS. Đinh Tuấn Minh

ThS. Nguyễn Thùy Liên

Đặng Thị Thu Phượng

Thân Vũ Bằng Giang

Nguyễn Vân Anh

Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Đoàn Dũng

Nguyễn Thu Hương

Và các cộng sự

# LỜI CẢM ƠN

Báo cáo đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở ban ngành và Địa phương – DDCI Bình Phước 2023 là kết quả triển khai hoạt động đánh giá thường niên năm thứ 3 của tỉnh Bình Phước theo Đề án “Xây dựng bộ chỉ số và triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 – DDCI” (Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh). Bộ chỉ số DDCI là công cụ quan trọng để đánh giá nỗ lực điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền tỉnh Bình Phước nhằm góp phần tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, hướng tới một nền kinh tế xanh, phát triển bền vững hơn tại Bình Phước.

Báo cáo được thực hiện độc lập bởi nhóm nghiên cứu của VietAnalytics. Với sự hỗ trợ của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước, sự gợi ý của các lãnh đạo tỉnh và tham vấn với các chuyên gia của Ban pháp chế, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), nhóm nghiên cứu đã cập nhật bộ chỉ số và phương pháp đánh giá DDCI Bình Phước 2023 nhằm phản ánh tốt nhất cảm nhận của doanh nghiệp đối với chất lượng điều hành của các cơ quan chính quyền tỉnh Bình Phước.

Báo cáo này do ThS. Đinh Tuấn Minh cùng các cộng sự hoàn thành. Nhóm nghiên cứu bày tỏ lòng biết ơn đến các chuyên gia dưới đây về những góp ý bình luận và thời gian quý báu dành cho phương pháp, quá trình triển khai xây dựng DDCI: ông Đậu Anh Tuấn, ông Phạm Ngọc Thạch (Ban pháp chế, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)); PGS. TS. Phạm Thế Anh và PGS.TS Nguyễn Thị Minh (Đại học Kinh tế Quốc dân), TS. Đinh Thị Thanh Bình và TS. Chu Thị Mai Phương (Đại học Ngoại thương) đã có những đóng góp quan trọng về việc tính toán chỉ số DDCI.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn Tỉnh Ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh và các cơ quan liên quan đã luôn quan tâm, sát sao trong công tác chỉ đạo điều hành về lĩnh vực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh PCI, DDCI của tỉnh; từ đó tạo niềm tin cho cộng đồng nhà đầu tư, doanh nghiệp tỉnh; tạo động lực cho các cơ quan đơn vị trong quá trình tham mưu và nhóm tư vấn của chúng tôi trong quá trình đồng hành triển khai với tỉnh Bình Phước về khảo sát DDCI.

Đặc biệt, trân trọng cảm ơn sự lãnh đạo chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 và sự quan tâm sâu sắc của Bà Trần Tuệ Hiền - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh trong lãnh đạo chỉ đạo công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI, cấp Sở, ban, ngành và Địa phương DDCI, từ đó tạo được sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị tỉnh.

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn sự điều hành sâu sát và nhiệt tâm của ông Trần Văn Mi, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước. Ông đã đưa ra những chỉ đạo, gợi ý quý báu về những vấn đề, nội dung cần tìm hiểu để Báo cáo DDCI Bình Phước 2023 thực sự hữu ích cho các cơ quan chính quyền ở cấp tỉnh cũng như cấp địa phương và sở ngành trong việc phát hiện vấn đề và tìm kiếm giải pháp để thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh. Chúng tôi chân thành cảm ơn ông Võ Sá - Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước vì sự ủng hộ và những ý kiến quý báu cho báo cáo DDCI. Chúng tôi xin cảm ơn ông Nguyễn Đức Thành, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước đã hỗ trợ và đóng góp ý kiến giá trị cho cuộc khảo sát. Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn ông Nguyễn Duy Hải, ông

Huỳnh Quốc Toàn và các cán bộ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước đã hỗ trợ hiệu quả chúng tôi trong quá trình triển khai.

Chúng tôi cũng xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo và các cán bộ phụ trách PCI/DDCI ở các Sở, ban, ngành và chính quyền UBND cấp huyện đã phối hợp cùng chúng tôi rà soát, cung cấp danh sách các doanh nghiệp tương tác. Nhờ những hỗ trợ này, khảo sát DDCI Bình Phước 2023 cho phép đánh giá xếp hạng 11 đơn vị thuộc khối Địa phương và 19 đơn vị thuộc khối Sở, ban, ngành, tăng 03 đơn vị so với năm trước.

Chúng tôi biết ơn và trân trọng công sức và những đóng góp của các thành viên trong nhóm nghiên cứu của VietAnalytics cho DDCI 2023. Nếu không có sự làm việc cần mẫn của họ, chúng tôi không thể hoàn thành Báo cáo này.

Cuối cùng và rất quan trọng, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các doanh nghiệp đã dành thời gian quý báu tham gia DDCI Bình Phước 2023 và cung cấp những thông tin đầy đủ, trung thực và khách quan thể hiện trên các phiếu khảo sát; những lãnh đạo doanh nghiệp đã dành thời gian tiếp đón các cán bộ khảo sát trực tiếp, cung cấp những góc nhìn toàn diện về những vấn đề các doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh tại Bình Phước đang gặp phải, và đề xuất những kiến nghị có giá trị thực tiễn cao để đưa vào Báo cáo. Những thông tin trên mỗi phiếu khảo sát, mỗi cuộc gặp trực tiếp đều được chúng tôi tổng hợp và phản ánh tới các Cơ quan Chính quyền địa phương và Sở, ban, ngành nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, từ đó góp phần mang lại lợi ích thiết thực cho sự phát triển của chính cộng đồng doanh nghiệp tại tỉnh Bình Phước.

*Các nhận định và mọi ý kiến đánh giá trình bày trong báo cáo này là của nhóm nghiên cứu, không nhất thiết đại diện cho quan điểm của Tổ công tác DDCI Bình Phước và những cá nhân chúng tôi nêu trên hoặc cơ quan của các tác giả.*

# MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	3
MỤC LỤC.....	5
DANH MỤC HÌNH.....	7
DANH MỤC BẢNG.....	10
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	11
MỞ ĐẦU.....	12
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN XÂY DỰNG CHỈ SỐ DDCI VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP TỈNH BÌNH PHƯỚC.....	14
1.1. Mục tiêu, ý nghĩa của bộ chỉ số DDCI.....	14
1.2. Cấu trúc chỉ số DDCI 2023 – Các chỉ số thành phần.....	15
1.3. Phương pháp thu thập số liệu.....	16
1.4. Một số đổi mới trong phương pháp tính bộ chỉ số DDCI Bình Phước 2023.....	20
1.5. Thống kê doanh nghiệp tham gia khảo sát DDCI Bình Phước 2023.....	20
1.6. Tổng quan đặc điểm Doanh nghiệp Bình Phước qua mẫu khảo sát.....	24
CHƯƠNG II. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH.....	30
2.1. Xếp hạng DDCI 2023 khối Sở, ban, ngành.....	30
2.2. Chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số khối Sở, ban, ngành.....	37
2.3. Chỉ số Chi phí không chính thức khối Sở, ban, ngành.....	41
2.4. Chỉ số Chi phí thời gian khối Sở, ban, ngành.....	44
2.5. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng khối Sở, ban, ngành.....	48
2.6. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp khối Sở, ban, ngành.....	52
2.7. Chỉ số Thiết chế pháp lý khối Sở, ban, ngành.....	55
2.8. Chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động khối Sở, ban, ngành.....	59
2.9. Chỉ số Vai trò người đứng đầu khối Sở, ban, ngành.....	63
CHƯƠNG III. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG.....	67
3.1. Xếp hạng DDCI 2023 khối Địa phương.....	67
3.2. Chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số khối Địa phương.....	73
3.3. Chỉ số Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh khối địa phương.....	77
3.4. Chỉ số Chi phí không chính thức khối Địa phương.....	81
3.5. Chỉ số Chi phí thời gian khối Địa phương.....	84

3.6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng khối Địa phương .....	87
3.7. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp khối Địa phương .....	90
3.8. Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự khối Địa phương .....	94
3.9. Chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động khối Địa phương .....	97
3.10. Chỉ số Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền Địa phương .....	101
CHƯƠNG IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH .....	105
4.1. Kết luận .....	105
4.2. Khuyến nghị chính sách .....	107
PHỤ LỤC .....	111
Phụ lục 1: Bảng trọng số chỉ số thành phần DDCI khối Sở, ban, ngành .....	111
Phụ lục 2: Bảng trọng số chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương .....	112
Phụ lục 3: Tổng hợp điểm số chỉ số thành phần DDCI khối Sở, ban, ngành .....	113
Phụ lục 4: Tổng hợp điểm số chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương .....	115
Phụ lục 5: Các chỉ tiêu không được tính điểm cho khối Sở, ban, ngành .....	117
Phụ lục 6: Các chỉ tiêu không được tính điểm cho khối Địa phương .....	120

# DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Quy trình triển khai DDCI Bình Phước 2023.....	17
Hình 2: Số phiếu đánh giá và tỷ lệ hồi đáp trung bình theo Địa phương .....	23
Hình 3: Số phiếu đánh giá của các Sở, Ban, Ngành .....	24
Hình 4: Thống kê về loại hình doanh nghiệp tham gia khảo sát.....	24
Hình 5: Thống kê về lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp .....	25
Hình 6: Thống kê về tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại Bình Phước năm 2023 .....	25
Hình 7: Thống kê về số lượng lao động tại các doanh nghiệp tại thời điểm khảo sát .....	26
Hình 8: Thống kê về tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm 2023 .....	26
Hình 9: Thống kê về tình hình hoạt động của Doanh nghiệp trong năm 2023.....	27
Hình 10: Thống kê về tình hình hoạt động của Doanh nghiệp trong năm 2022.....	27
Hình 11: Dự kiến quy mô kinh doanh trong năm 2024 .....	27
Hình 12: Mức độ khó khăn của doanh nghiệp năm 2023.....	28
Hình 13: Nhu cầu của doanh nghiệp về các hoạt động hỗ trợ của chính quyền.....	29
Hình 14: Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2023 khối Sở, ban, ngành.....	30
Hình 15: Mức độ thay đổi điểm số DDCI của khối SBN năm 2023 so với năm 2022 .....	31
Hình 16: Sự thay đổi thứ hạng của các đơn vị khối SBN năm 2023 so với năm 2022 .....	32
Hình 17: Điểm trung bình toàn tỉnh các chỉ số thành phần DDCI 2023 của khối SBN .....	33
Hình 18: Mức độ thay đổi điểm trung bình của các chỉ số thành phần khối SBN năm 2023 so với năm 2022 .....	33
Hình 19: Mức độ biến thiên của giá trị các chỉ số thành phần khối SBN năm 2023 .....	34
Hình 20: Xếp hạng và điểm số chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số của khối SBN năm 2023.....	37
Hình 21: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số năm 2023 so với năm 2022 .....	38
Hình 22: Xếp hạng và điểm số của chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023.....	41
Hình 23: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023 so với năm 2022 .....	42
Hình 24: Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023.....	44
Hình 25: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023 so với năm 2022 ....	45
Hình 26: Xếp hạng và điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023 .....	48
Hình 27: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023 so với 2022....	49
Hình 28: Xếp hạng và điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN năm 2023 .....	52
Hình 29: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN năm 2023 so với 2022 .....	53



Hình 30: Xếp hạng và điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023.....	55
Hình 31: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023 so với 2022 .....	56
Hình 32: Xếp hạng và điểm số chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN năm 2023 .....	59
Hình 33: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN năm 2023 so với 2022 .....	60
Hình 34: Xếp hạng và điểm số chỉ số Vai trò người đứng đầu SBN năm 2023 .....	63
Hình 35: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Vai trò người đứng đầu SBN năm 2023 so với 2022 .....	64
Hình 36: Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2023 khối Địa phương .....	67
Hình 37: Mức độ thay đổi điểm số DDCI của khối Địa phương năm 2023 so với năm 2022 .....	68
Hình 38: Sự thay đổi về thứ hạng của các đơn vị khối Địa phương năm 2023 so với năm 2022 .....	69
Hình 39: Điểm trung bình các chỉ số thành phần DDCI 2023 của khối Địa phương .....	69
Hình 40: Mức độ thay đổi điểm số của 09 chỉ số thành phần khối Địa phương năm 2023 so với năm 2022 .....	70
Hình 41: Mức độ biến thiên của giá trị các chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương năm 2023.....	71
Hình 42: Xếp hạng và điểm số chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số của khối Địa phương năm 2023 .....	73
Hình 43: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số của khối Địa phương năm 2023 so với 2022 .....	74
Hình 44: Xếp hạng và điểm số chỉ số Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh của khối Địa phương năm 2023.....	77
Hình 45: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh của khối Địa phương năm 2023 so với 2022.....	78
Hình 46: Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối Địa phương năm 2023.....	81
Hình 47: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối Địa phương năm 2023 so với 2022 .....	82
Hình 48: Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối Địa phương năm 2023.....	84
Hình 49: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối Địa phương năm 2023 so với 2022 .....	85
Hình 50: Xếp hạng và điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối Địa phương năm 2023 .....	87
Hình 51: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối Địa phương năm 2023 so với 2022 .....	88
Hình 52: Xếp hạng và điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối Địa phương năm 2023 .....	90
Hình 53: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối Địa phương năm 2023 so với 2022 .....	91
Hình 54: Xếp hạng và điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối Địa phương năm 2023 .....	94
Hình 55: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối Địa phương năm 2023 so với 2022 .....	95

Hình 56: Xếp hạng và điểm số chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền Địa phương năm 2023 .....	97
Hình 57: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền Địa phương năm 2023 so với 2022 .....	98
Hình 58: Xếp hạng và điểm số chỉ số Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền Địa phương năm 2023 .....	101
Hình 59: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền Địa phương năm 2023 so với 2022 .....	102

# DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Các bước và kết quả xây dựng danh sách chọn mẫu .....	21
Bảng 2: Phân bổ mẫu khối Địa phương .....	21
Bảng 3: Phân bổ mẫu theo Sở ban ngành .....	22
Bảng 4: Bảng thống kê số phiếu thu về của khối Địa phương và SBN.....	23
Bảng 5: Vị trí của các đơn vị trên bảng xếp hạng chỉ số tổng hợp và các chỉ số thành phần.....	35
Bảng 6: Các chỉ tiêu của chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số của khối SBN năm 2023 .....	38
Bảng 7: Các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023 .....	42
Bảng 8: Các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023 .....	45
Bảng 9: Các chỉ tiêu của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023.....	49
Bảng 10: Các chỉ tiêu của chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN năm 2023 .....	53
Bảng 11: Các chỉ tiêu của chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023 .....	57
Bảng 12: Các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN năm 2023 .	60
Bảng 13: Các chỉ tiêu của chỉ số Vai trò người đứng đầu SBN năm 2023 .....	64
Bảng 14: Vị trí của các đơn vị trên bảng xếp hạng chỉ số tổng hợp và các chỉ số thành phần.....	72
Bảng 15: Các chỉ tiêu của chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số của khối Địa phương năm 2023 .....	74
Bảng 16: Các chỉ tiêu của chỉ số Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh của khối Địa phương năm 2023 .....	78
Bảng 17: Các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí không chính thức của khối Địa phương năm 2023 .....	82
Bảng 18: Các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí thời gian của khối Địa phương năm 2023 .....	85
Bảng 19: Các chỉ tiêu của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối Địa phương năm 2023.....	88
Bảng 20: Các chỉ tiêu của chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối Địa phương năm 2023.....	91
Bảng 21: Các chỉ tiêu của chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối Địa phương năm 2023....	95
Bảng 22: Các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền Địa phương năm 2023 .....	98
Bảng 23: Tình hình giải ngân vốn đầu tư công các địa phương của Bình Phước năm 2023.....	100
Bảng 24: Các chỉ tiêu của chỉ số Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền Địa phương năm 2023...	102
Bảng 25: Các chỉ tiêu không được tính điểm cho tất cả các đơn vị ở khối Sở Ban Ngành .....	117
Bảng 26: Các chỉ tiêu không được tính điểm cho một số đơn vị do không đảm bảo số quan sát ở khối Sở Ban Ngành .....	117
Bảng 27: Các chỉ tiêu không được tính điểm cho tất cả các đơn vị ở khối Địa phương.....	120
Bảng 28: Các chỉ tiêu không được tính điểm cho một số đơn vị do không đảm bảo số quan sát ở khối Địa phương.....	120

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
CNTT	Công nghệ thông tin
DDCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, Ban, Ngành và Địa phương
DN	Doanh nghiệp
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
FDI	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh
SBN	Sở, Ban, Ngành
Sở GTVT	Sở Giao thông Vận tải
Sở KH&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Sở KH&CN	Sở Khoa học và Công nghệ
Sở LĐ,TB&XH	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Sở TN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
Sở TT&TT	Sở Thông tin và Truyền thông
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TTĐT	Thông tin điện tử
TTHC	Thủ tục hành chính
TTPVHCC	Trung tâm Phục vụ hành chính công
UBND tỉnh	UBND tỉnh Bình Phước
UBND huyện	UBND huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh Bình Phước
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VHTT&DL	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
VietAnalytics	Công ty Nghiên cứu thị trường Viet Analytics

# MỞ ĐẦU

Đây là năm thứ ba tỉnh Bình Phước chủ trương thực hiện khảo sát DDCI, giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn rút kinh nghiệm từ việc khảo sát DDCI năm trước để xây dựng, điều chỉnh bộ chỉ số DDCI 2023. Hoạt động đánh giá được thực hiện độc lập và khách quan bởi đơn vị tư vấn (VietAnalytics). Báo cáo này là kết quả của nhiều tháng triển khai khảo sát ý kiến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các nhà đầu tư hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Phước về chất lượng công tác điều hành kinh tế của các đơn vị cấp huyện và các Sở, ban, ngành của Tỉnh.

Bộ chỉ số DDCI Bình Phước năm 2023 có nhiều điểm mới so với năm trước, đặc biệt khi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố Báo cáo PCI 2022 với nhiều thay đổi so với các báo cáo trước đó, trong đó có nhiều chỉ tiêu mới được VCCI đưa vào. Tổng cộng, đối với khối Sở, ban, ngành, nhóm nghiên cứu đã bổ sung 08 chỉ tiêu mới, chỉnh sửa 04 chỉ tiêu, giữ nguyên 52 chỉ tiêu, và loại bỏ 11 chỉ tiêu. Đối với khối Địa phương, chúng tôi bổ sung thêm 17 chỉ tiêu mới, chỉnh sửa 09 chỉ tiêu, giữ nguyên 58 chỉ tiêu, và loại bỏ 11 chỉ tiêu so với năm 2022. Đặc biệt, nhóm nghiên cứu đã bổ sung thêm chiều cạnh “Tăng trưởng xanh” vào chỉ số “Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và phát triển xanh” cho khối Địa phương. Đây là một chiều cạnh mới hoàn toàn trong bộ chỉ số PCI 2022 của VCCI mà VietAnalytics đã nghiên cứu tiếp nhận những chỉ tiêu phù hợp nhất.

Phương pháp luận DDCI về cơ bản tương tự như phương pháp luận PCI. Chi tiết sẽ được chúng tôi trình bày trong Chương 1. Nhìn chung, chỉ số DDCI được xây dựng theo quy trình 3 bước, gồm: (i) Thu thập thông tin từ dữ liệu điều tra; (ii) Tính toán các chỉ số thành phần và chuẩn hóa trên thang điểm 10; và (iii) Gán trọng số và tính điểm số DDCI tổng hợp gồm điểm trung bình có trọng số của các chỉ số thành phần trên thang điểm tối đa 100.

Trong năm thứ ba triển khai DDCI, có 11 thành phố, huyện, thị xã và 20 Sở, ban, ngành tiếp tục được lựa chọn đánh giá. Chương trình khảo sát thu hút được tổng cộng 622 DN tham gia, đạt tỷ lệ 32,7% trên quy mô khảo sát (1.900 DN). So với năm 2022, khối SBN có thêm 3 đơn vị được đưa vào xếp hạng. Như vậy, bảng xếp hạng khối SBN có sự góp mặt của 19 đơn vị khảo sát.

Báo cáo gồm 4 nội dung:

- Chương 1 trình bày tổng quan về bộ chỉ số DDCI Bình Phước và kết quả hoạt động triển khai khảo sát.
- Chương 2 trình bày kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh của khối Sở, ban, ngành.
- Chương 3 trình bày kết quả đánh giá năng lực khối Địa phương tỉnh Bình Phước.
- Chương 4 trình bày tóm tắt lại những điểm chính của báo cáo và đưa ra các khuyến nghị về chính sách giúp tỉnh Bình Phước cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh trong thời gian tới.

Tất cả các chương đều có phần phân tích, so sánh kết quả với năm 2022 để độc giả không chỉ nắm bắt được kết quả của DDCI năm nay, mà còn có thể có hình dung về những thay đổi của từng chỉ số và các chỉ tiêu trong bộ chỉ số DDCI của tỉnh Bình Phước trong 3 năm, qua đó có được cái nhìn sâu sắc hơn về

đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh với các Sở, ban, ngành và UBND chính quyền cấp huyện theo thời gian.

# CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN XÂY DỰNG CHỈ SỐ DDCI VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP TỈNH BÌNH PHƯỚC

## 1.1. MỤC TIÊU, Ý NGHĨA CỦA BỘ CHỈ SỐ DDCI

DDCI (viết tắt của Department and District Competitiveness Index) là Bộ chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp Sở, ban, ngành và Địa phương thuộc Tỉnh. Khảo sát DDCI trên cơ sở thăm dò mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã đang đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Tỉnh để nghiên cứu giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh hàng năm, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại của những lĩnh vực được khảo sát.

DDCI cho thấy những khác biệt về năng lực điều hành kinh tế của cấp Sở ban ngành và Địa phương. Mỗi chỉ số thành phần đều được quy ra các điểm số có sự tương đồng để so sánh giữa các Sở ban ngành và Địa phương trong lĩnh vực liên quan. Mỗi chỉ số thành phần được xây dựng từ nhiều chỉ tiêu nhỏ. Mỗi chỉ tiêu được chuẩn hóa theo thang điểm 10, đơn vị có thực tiễn tốt nhất sẽ đạt điểm 10, đơn vị có thực tiễn kém nhất tương ứng với điểm 1; các đơn vị còn lại sẽ có số điểm nằm giữa 1 và 10. Giá trị cao nhất và thấp nhất sẽ được cập nhật theo khoảng thời gian khảo sát.

Căn cứ vào Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Quyết định về việc phê duyệt Đề án: Xây dựng Bộ chỉ số và triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025. Đây là năm thứ 3 liên tiếp tỉnh Bình Phước triển khai chương trình đánh giá này, cho thấy cam kết mạnh mẽ của tỉnh trong việc lắng nghe đánh giá của doanh nghiệp để cải thiện môi trường kinh doanh. Theo đó, DDCI Bình Phước có 07 mục tiêu chính như sau:

- 1) Xây dựng hình ảnh chính quyền thân thiện, năng động và cầu thị.
- 2) Cung cấp công cụ hiệu quả cho cơ quan nhà nước cấp trên tiến hành giám sát và thúc đẩy nâng cao chất lượng điều hành đối với cơ quan nhà nước cấp dưới.
- 3) Hỗ trợ lãnh đạo các cơ quan nhà nước nắm được các đánh giá từ doanh nghiệp, nhà đầu tư về tình hình hoạt động của đơn vị, từ đó có thể lựa chọn và triển khai các biện pháp cải thiện.

4) Tạo sự cạnh tranh, thi đua lành mạnh giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc cải thiện mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

5) Xác định được và nhân rộng, lan tỏa những thực tiễn tốt trong cải cách hành chính tại chính các đơn vị.

6) Tạo ra kênh thông tin phản hồi rộng rãi, minh bạch và tin cậy để nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến đối với các cơ quan quản lý nhà nước.

7) Kích hoạt và thúc đẩy có định hướng tư duy sáng tạo trong công việc, thông qua thay đổi cách thức làm việc nhằm giảm thiểu những nhiễu trong thực hiện thủ tục hành chính.

## 1.2. CẤU TRÚC CHỈ SỐ DDCI 2023 – CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

DDCI là khảo sát 2 trong 1, bao gồm bộ chỉ số cho khối Sở, ban, ngành và bộ chỉ số DDCI cho khối Địa phương. Bộ chỉ số DDCI tính cho khối SBN gồm 08 chỉ số thành phần. Bộ chỉ số DDCI tính cho khối Địa phương có 09 chỉ số thành phần. Mỗi chỉ số thành phần được tính toán từ một số các chỉ tiêu nhất định. Tương ứng với mỗi chỉ tiêu sẽ là một hoặc một số câu hỏi trong phiếu khảo sát.

08 chỉ số thành phần trùng lặp để đánh giá khối SBN và khối Địa phương và 01 chỉ số riêng cho khối Địa phương, cụ thể như sau:

### ***(1) Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số***

Đo lường khả năng tiếp cận các kế hoạch, các văn bản pháp lý, thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh của DN khi tương tác với SBN, Địa phương. Chỉ số này cũng đánh giá liệu DN có thể tiếp cận một cách công bằng và công khai các văn bản này; mức độ tiện dụng của cổng thông tin điện tử, trang web các đơn vị hành chính của Tỉnh đối với DN. Đồng thời, chỉ số này cũng đo lường mức độ hài lòng của doanh nghiệp với chất lượng dịch vụ giải quyết TTHC trực tuyến của các SBN và địa phương.

### ***(2) Chi phí không chính thức***

Đo lường các khoản chi phí không chính thức mà DN phải trả, các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của DN, xu hướng tăng-giảm của hiện tượng này và liệu các cán bộ Nhà nước có sử dụng các quy định của địa phương để trục lợi hay không.

### ***(3) Chi phí thời gian***

Đo lường thời gian DN phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian DN phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan Nhà nước của địa phương thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

### ***(4) Cạnh tranh bình đẳng***

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng nhằm đánh giá nỗ lực và kết quả điều hành của các đơn vị Sở, ban, ngành và Địa phương nhằm tạo môi trường kinh doanh không phân biệt đối xử giữa DN lớn và DN nhỏ, giữa DN nhà nước và DN tư nhân, giữa DN FDI và khối DN trong nước. Chỉ số này đặc biệt có ý nghĩa với hoạt động khởi nghiệp và phát triển DN về lâu dài cho Tỉnh.

### ***(5) Hỗ trợ doanh nghiệp***



Chỉ số này dùng để đo lường mức độ sẵn sàng và hiệu quả của các chương trình hỗ trợ DN do các SBN và Địa phương cung cấp. Chỉ số này cũng phản ánh mức độ hiệu quả trong việc hỗ trợ DN thông qua các hoạt động gặp gỡ, đối thoại DN để giải quyết các khó khăn mà DN gặp phải trong quá trình đầu tư và triển khai kinh doanh tại tỉnh Bình Phước.

#### **(6) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự**

Chỉ số này dùng để đo lường năng lực thực thi pháp luật, giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu nại các hành vi nhũng nhiễu của cán bộ công quyền cấp cơ sở. Đối với khối SBN, chỉ số này còn đo lường khả năng phổ biến, tuyên truyền, thực thi hiệu quả các văn bản pháp luật của các SBN tới cộng đồng DN.

Đối với khối địa phương, chỉ số về *An ninh trật tự* liên quan đến khả năng của chính quyền địa phương tạo cảm giác an toàn cho DN kinh doanh trên địa bàn, mức độ DN phải bỏ ra các chi phí để thuê các dịch vụ bảo vệ, an ninh để bảo vệ tài sản của DN hoặc các chi phí cho các tổ chức phi chính thống để được yên ổn làm ăn trên địa bàn.

#### **(7) Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động**

Đo lường tính sáng tạo và khả năng phản ứng linh động của các phòng ban, bộ phận chuyên môn thuộc SBN và Địa phương trong quá trình thực thi chính sách của Tỉnh cũng như trong việc đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đồng thời đánh giá khả năng hỗ trợ của Sở, ban, ngành hoặc chính quyền địa phương trong việc triển khai các hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn Tỉnh.

#### **(8) Vai trò của người đứng đầu**

Chỉ số này đo lường tính sáng tạo, sáng suốt của lãnh đạo đơn vị, sự nghiêm minh với cấp dưới trong quá trình thực thi chính sách của Tỉnh cũng như trong việc đưa ra các sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực DN, đồng thời đánh giá khả năng lắng nghe doanh nghiệp và thực hiện các lời hứa giải quyết các khó khăn vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp.

#### **(9) Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh**

Chỉ số Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và phát triển xanh được tính riêng cho khối Địa phương. Chỉ số này đo lường về các khía cạnh của vấn đề đất đai, cơ sở hạ tầng và chất lượng môi trường mà DN phải đối mặt: việc tiếp cận đất đai có dễ dàng không, chất lượng cơ sở hạ tầng kết nối với cơ sở kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương có tốt hay không, các hoạt động quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương cũng như hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại địa phương có tốt hay không và những nỗ lực phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường có hiệu quả không.

### **1.3. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU**

#### ***Phương pháp và quy trình chọn mẫu khảo sát***

Mẫu khảo sát DDCI Bình Phước 2023 được rút từ danh sách đã được xác minh, sử dụng phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên với từng Địa phương và SBN. Dựa trên tổng thể các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*gọi tắt bằng thuật ngữ “doanh nghiệp”*), Đơn vị tư vấn thực hiện theo ba bước xây dựng khung chọn mẫu và chọn mẫu khảo sát:

i) Nhận và tổng hợp danh sách các DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể do các đơn vị (Sở, ban, ngành và Địa phương) được đánh giá cung cấp. Tổng cộng có 11 Địa phương và 18 SBN đã tổng hợp và gửi danh sách DN cho Đơn vị tư vấn. Trên cơ sở dữ liệu này, Đơn vị tư vấn tiến hành ghép, nối các mảnh dữ liệu thành cơ sở dữ liệu tổng hợp và loại bỏ trùng lặp. Kết quả là khung chọn mẫu ban đầu.

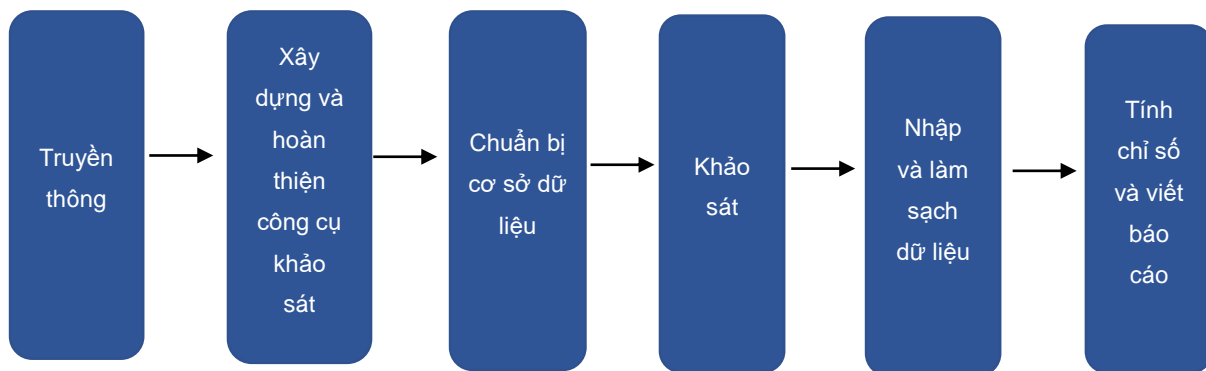
ii) Gọi điện thoại xác minh thông tin và cập nhật vào cơ sở dữ liệu, từ đó xây dựng khung chọn mẫu cho cả hai khối Sở, ban ngành và Địa phương.

iii) Chọn mẫu khảo sát theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo tỷ lệ. Đối với khối Địa phương, tỷ lệ chọn mẫu được đưa ra dựa trên tỷ lệ số DN ở địa phương đó trên tổng số DN của tổng mẫu. Đối với khối SBN, tỷ lệ chọn mẫu được thiết lập thông qua số lượng DN tương tác với SBN. Nhằm hạn chế sự mất cân đối trong phân bổ mẫu giữa các SBN, Đơn vị tư vấn tiến hành chọn thêm mẫu cho các SBN có ít DN tương tác bằng cách xét thêm yếu tố ngành nghề kinh doanh của DN.

### **Phương pháp và quy trình triển khai khảo sát**

Để thu thập được các số liệu cần thiết, quy trình thực hiện khảo sát được triển khai theo 6 bước, được thể hiện tại Hình 1 dưới đây.

**Hình 1: Quy trình triển khai DDCI Bình Phước 2023**



Nội dung và công tác thực hiện cụ thể ở mỗi bước được mô tả dưới đây.

#### **Bước 1: Truyền thông**

Để tăng tỷ lệ DN tham gia khảo sát, Đơn vị tư vấn phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc tăng cường thông tin về kế hoạch, mục đích khảo sát tới cộng đồng DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn Tỉnh. Nhiều kênh thông tin khác nhau đã được sử dụng như thông tin trực tiếp trong các cuộc họp của các cơ quan hay các địa phương thuộc Tỉnh; phổ biến trên các phương tiện truyền thông đại chúng; thông tin trên Cổng thông tin điện tử các các cơ quan, hiệp hội, đoàn thể.

#### **Bước 2: Hoàn thiện công cụ khảo sát**

Bước 2 bao gồm 02 công việc chính:

- Hoàn thành bộ chỉ số và phiếu hỏi DDCI 2023
- Tập huấn cán bộ nghiên cứu

Đơn vị tư vấn tiến hành xây dựng bộ chỉ số và phiếu khảo sát DDCI Bình Phước 2023. Sau đó, đơn vị tư vấn trình UBND Tỉnh Bình Phước và được UBND Tỉnh phê duyệt Bộ chỉ số tại Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 22/01/2024. Sau đó, đơn vị tư vấn tiếp tục thực hiện các hướng dẫn kỹ thuật liên quan và tập huấn đối với các cán bộ nghiên cứu nhằm củng cố kiến thức cơ bản về bảng hỏi, thống kê và khảo sát.

### **Bước 3: Chuẩn bị cơ sở dữ liệu**

Đây là bước chuẩn bị quan trọng giúp Đơn vị tư vấn xây dựng danh sách chọn mẫu. Do sự khác biệt trong đặc điểm thống kê của các đơn vị, địa phương, Đơn vị tư vấn phải dành nhiều nguồn lực để bổ sung các quan sát còn thiếu, các thông tin còn thiếu và cập nhật các trường thông tin quan trọng cho việc gửi phiếu như địa chỉ, số điện thoại liên hệ. Ngoài ra, việc chuẩn bị cơ sở dữ liệu còn bao gồm các công việc sau:

- Tổ chức lại số liệu (ghép nối các mảnh dữ liệu)
- Phân tích và loại bỏ trùng lặp
- Cập nhật lại thông tin vào danh sách dữ liệu khi xác minh
- Chọn mẫu

Để thực hiện Bước 3 có hiệu quả, cán bộ nghiên cứu đã được tập huấn về mục đích nghiên cứu, đặc điểm DN và các kỹ năng xác minh thông tin. Trong đó, công việc chọn mẫu bao gồm việc xây dựng tiêu chí chọn mẫu và sử dụng phần mềm thống kê để rút mẫu.

### **Bước 4: Khảo sát**

Khảo sát được thực hiện thông qua 2 hình thức chính: (1) Khảo sát trực tuyến và (2) Khảo sát qua thư tín.

- Khảo sát trực tuyến: Đơn vị tư vấn xây dựng nền tảng khảo sát chuyên dụng dành riêng cho DDCI Bình Phước 2023 tại địa chỉ: <https://binhphuoc.khaosatddci.com.vn/>. Đơn vị tư vấn gửi thông tin đăng nhập cho DN theo địa chỉ email/tài khoản zalo được DN xác nhận. Sau đó, DN sử dụng tài khoản được cấp để đăng nhập vào nền tảng khảo sát trực tuyến để thực hiện khảo sát. Sau khi DN hoàn thành khảo sát, kết quả khảo sát sẽ tự động được lưu lại trên hệ thống. Bên cạnh đó, Đơn vị tư vấn sẽ gửi thư xác nhận kèm phiếu khảo sát DN đã thực hiện (định dạng PDF) đến địa chỉ email/tài khoản zalo của DN.

- Khảo sát qua thư tín (đường bưu điện): Đây là phương thức khảo sát truyền thống để triển khai DDCI Bình Phước 2023, với việc nhận và gửi thư qua đường bưu điện. Địa chỉ gửi thư mời và nhận thư phiếu khảo sát DN gửi về được đặt tại Hà Nội. Các thư gửi đi tới DN chứa phiếu khảo sát và phong bì gửi về.

Trong trường hợp DN có khó khăn, vướng mắc khi điền phiếu, cán bộ của Đơn vị tư vấn sẽ hỗ trợ hướng dẫn, giải đáp thắc mắc cho DN. Ngoài ra, trong suốt thời gian khảo sát, Đơn vị tư vấn luôn có cán bộ hỗ trợ 24/7 tại đường dây nóng: 0271.7300.399.

### **Bước 5: Nhập và làm sạch số liệu**

Bước nhập và làm sạch số liệu sẽ có 2 giai đoạn:

*Giai đoạn 1: Xử lý data phiếu khảo sát trực tuyến*

Sau khi DN hoàn thành phiếu khảo sát, kết quả điền phiếu của DN sẽ được ghi nhận trên hệ thống và tự động tổng hợp. Đơn vị tư vấn sẽ tiến hành ghép nối kết quả khảo sát để tiến hành làm sạch dữ liệu.

Các bước làm sạch dữ liệu gồm có:

- **Chỉnh sửa dữ liệu:** Với những DN phản hồi muốn thay đổi kết quả điền phiếu, đơn vị tư vấn sẽ tiến hành chỉnh sửa lại kết quả dữ liệu theo ý kiến phản hồi của DN để đảm bảo kết quả khi đưa vào phân tích được chính xác.

- **Loại bỏ dữ liệu:** Sau khi kiểm tra dữ liệu, đơn vị tư vấn sẽ loại bỏ một vài phiếu đánh giá điền sơ sài, không đủ thông tin để đưa vào phân tích.

#### *Giai đoạn 2: Nhập số liệu phiếu khảo sát bưu điện*

Các công việc cần chuẩn bị trước khi nhập liệu:

- Thiết kế Form nhập liệu
- Tập huấn quy trình nhập liệu

Bước này bao gồm nhiều quá trình như: nhập số liệu, kiểm tra chéo tính đúng sai trong quá trình nhập liệu, nối số liệu, xuất số liệu. Các phiếu được nhập 2 lần bởi 2 người khác nhau để đảm bảo nhập đúng thông tin. Sau khi nhập, Đơn vị tư vấn kết xuất dữ liệu để tiến hành làm sạch, xử lý thông tin qua phần mềm thống kê. Kết quả sẽ được các chuyên gia sử dụng, phân tích và tính toán các chỉ số.

Sau đó, Đơn vị tư vấn sẽ ghép dữ liệu của phiếu khảo sát bưu điện và dữ liệu của phiếu khảo sát trực tuyến. Sau khi ghép nối dữ liệu, đơn vị tư vấn kiểm tra kết quả lần cuối và tiến hành phân tích dữ liệu.

#### **Bước 6. Tính chỉ số và viết báo cáo**

Đơn vị tư vấn tiến hành tính chỉ số theo phương pháp chuẩn hóa điểm theo hệ số 10.

Với các thang điểm thuận công thức chuẩn hóa là:

$$\text{Điểm chuẩn hóa} = 9 * \frac{\text{Điểm của đơn vị đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất}}{\text{Điểm lớn nhất} - \text{Điểm nhỏ nhất}} + 1$$

Với các thang điểm nghịch công thức chuẩn hóa là:

$$\text{Điểm chuẩn hóa} = 10 - 9 * \frac{\text{Điểm của đơn vị đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất}}{\text{Điểm lớn nhất} - \text{Điểm nhỏ nhất}}$$

Việc xếp hạng nhóm các đơn vị trong mỗi khối, Đơn vị tư vấn áp dụng có chỉnh sửa phương pháp nhóm xếp hạng theo khái niệm thống kê về độ lệch chuẩn của PCI áp dụng từ năm 2017. Đơn vị tư vấn cũng tiếp thu thực tế triển khai Chương trình DDCI các năm trước về cách xếp hạng nhóm các đơn vị. Cụ thể, chúng tôi phân hạng các đơn vị trong mỗi khối thành 04 nhóm: Rất tốt, Tốt, Khá và Chưa tốt như sau:

- Nhóm Rất tốt: Nhóm ba đơn vị đứng đầu
- Nhóm Tốt: Các đơn vị có thứ hạng tiếp theo và có điểm lớn hơn so với trung vị
- Nhóm Khá: Các đơn vị có điểm nằm trong một độ lệch chuẩn nhỏ hơn so với trung vị
- Nhóm Chưa Tốt: Các đơn vị có điểm nhỏ hơn một độ lệch chuẩn so với trung vị

Các tính toán trong Báo cáo DDCI 2023 bao gồm:

- Tính điểm các chỉ số thành phần từ các chỉ tiêu đánh giá được gán trọng số

- Tính chỉ số DDCI của mỗi đơn vị tổng hợp từ các chỉ số thành phần
- Tính các chỉ tiêu tổng hợp của các SBN và Địa phương
- Phân tích xếp hạng, đối chiếu với các thông tin định tính, phỏng vấn sâu (nếu có)
- Rút ra các kết luận chính

#### 1.4. MỘT SỐ ĐỔI MỚI TRONG PHƯƠNG PHÁP TÍNH BỘ CHỈ SỐ DDCI BÌNH PHƯỚC 2023

DDCI Bình Phước 2023 có nhiều điểm mới so với năm trước. Đặc biệt khi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố Báo cáo PCI 2022 với nhiều thay đổi so với các báo cáo trước đó, trong đó có nhiều chỉ tiêu mới được VCCI đưa vào.

Bộ chỉ số DDCI Bình Phước 2023 do VietAnalytics xây dựng dựa trên nguyên tắc kế thừa các bộ chỉ số DDCI đã được xây dựng trong những năm trước, có tham chiếu chặt chẽ với bộ chỉ số PCI 2022 của VCCI, và tương hợp với tính đặc thù trong mục đích và yêu cầu của tỉnh Bình Phước.

Cụ thể, Đơn vị tư vấn VietAnalytics đã có những điều chỉnh sau với Bộ chỉ số:

- Thứ nhất, bổ sung thêm chiều cạnh “Tăng trưởng xanh” vào chỉ số “Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và phát triển xanh” cho khối Địa phương. Đây là một chiều cạnh mới hoàn toàn trong Bộ chỉ số PCI 2022 của VCCI mà VietAnalytics đã nghiên cứu tiếp nhận những chỉ tiêu phù hợp nhất.

- Thứ hai, bổ sung 08 chỉ tiêu mới, chỉnh sửa 04 chỉ tiêu, giữ nguyên 52 chỉ tiêu, và loại bỏ 11 chỉ tiêu cũ ở khối SBN.

- Thứ ba, bổ sung thêm 17 chỉ tiêu mới, chỉnh sửa 09 chỉ tiêu, giữ nguyên 58 chỉ tiêu, và loại bỏ 11 chỉ tiêu ở khối Địa phương.

#### 1.5. THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP THAM GIA KHẢO SÁT DDCI BÌNH PHƯỚC 2023

##### ***Mô tả quy trình chọn mẫu khảo sát***

Quy mô khảo sát của DDCI Bình Phước 2023 là 1.900 DN. Trong đó có 822 DN chỉ tham gia đánh giá khối Địa phương; 700 DN chỉ tham gia đánh giá khối SBN và 378 DN tham gia đánh giá cả hai khối Địa phương và khối SBN. So với năm 2022, quy mô khảo sát năm 2023 đã tăng thêm 316 DN.

Đầu tiên, Đơn vị tư vấn tổng hợp danh sách DN từ dữ liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư, 11 Địa phương và 17 Sở, ban, ngành (Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông Vận tải; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Quản lý khu kinh tế; Sở Tư pháp; Cục Thuế; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Cục Hải quan; Công an tỉnh) cung cấp, với tổng cộng 21.606 DN. Sau đó, Đơn vị tư vấn tiến hành xác minh qua điện thoại các DN đang hoạt động sản xuất kinh doanh để thành lập cơ sở chọn mẫu.

**Bảng 1: Các bước và kết quả xây dựng danh sách chọn mẫu**

Bước	Danh sách doanh nghiệp	Số DN
1	Danh sách ban đầu (được tổng hợp từ nhiều nguồn Sở Kế hoạch Đầu tư; 17 Sở, ban, ngành và UBND 11 địa phương)	21.606
2	Danh sách DN xác minh được qua điện thoại, thiết lập cơ sở chọn mẫu	2.290
3	Danh sách DN chọn mẫu cho từng Địa phương và SBN	1.900

**Đối với chọn mẫu DN đánh giá khối Địa phương**

Lựa chọn 1.200 DN theo quy tắc cân đối với tổng mẫu để đảm bảo đủ lượng doanh nghiệp tham gia nhưng vẫn phản ánh những địa phương có nhiều doanh nghiệp hơn sẽ được lựa chọn nhiều hơn. Cụ thể: đối với Thành phố Đồng Xoài, Thị xã Phước Long, Thị xã Bình Long, Thị xã Chơn Thành: chọn tối đa 120 doanh nghiệp; Huyện Đồng Phú và Huyện Bù Đăng: chọn 110 doanh nghiệp; các địa phương còn lại chọn 100 doanh nghiệp.

Kết quả phân bổ mẫu khối Địa phương được thể hiện ở Bảng 2.

**Bảng 2: Phân bổ mẫu khối Địa phương**

STT	Địa phương	Số lượng mẫu	Tỷ lệ
1	Thành phố Đồng Xoài	120	10,00%
2	Thị xã Phước Long	120	10,00%
3	Thị xã Bình Long	120	10,00%
4	Thị xã Chơn Thành	120	10,00%
5	Huyện Đồng Phú	110	9,17%
6	Huyện Bù Đăng	110	9,17%
7	Huyện Bù Đốp	100	8,33%
8	Huyện Bù Gia Mập	100	8,33%
9	Huyện Lộc Ninh	100	8,33%
10	Huyện Hớn Quản	100	8,33%
11	Huyện Phú Riềng	100	8,33%
	<b>Tổng</b>	<b>1.200</b>	<b>100%</b>

**Đối với chọn mẫu DN đánh giá khối SBN**

Lựa chọn 1.078 DN theo quy tắc: Phân bổ mẫu để doanh nghiệp đánh giá SBN đầu tiên sao cho phản ánh được mức độ đại diện tốt nhất cho các SBN.

- Đối với các Sở, ban, ngành có số doanh nghiệp tương tác nhiều (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Bảo hiểm xã hội tỉnh): chọn tối đa 100 doanh nghiệp.

- Đối với các Sở, ban, ngành có số doanh nghiệp tương tác ít: chọn tất cả các doanh nghiệp

- Đối với các Sở, ban, ngành còn lại: phân bổ mẫu theo tỷ lệ tương ứng với phân bổ mẫu theo Sở, ban, ngành.

Kết quả phân bổ mẫu theo SBN được thể hiện ở Bảng 3.

**Bảng 3: Phân bổ mẫu theo Sở, ban, ngành**

STT	Sở, ban, ngành	Số lượng mẫu	Tỷ lệ
1	Văn phòng UBND Tỉnh	0	0%
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100	9,28%
3	Sở Tài chính	0	0%
4	Sở Công thương	42	3,89%
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	22	2,04%
6	Sở Giao thông Vận tải	68	6,31%
7	Sở Xây dựng	24	2,22%
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	59	5,47%
9	Sở Thông tin và Truyền thông	54	5,01%
10	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	26	2,41%
11	Sở Khoa học và Công nghệ	46	4,27%
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	36	3,34%
13	Sở Y tế	46	4,27%
14	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	57	5,29%
15	Ban Quản lý khu kinh tế	95	8,81%
16	Sở Tư pháp	47	4,36%
17	Cục Thuế	100	9,28%
18	Bảo hiểm xã hội Tỉnh	100	9,28%
19	Cục Hải quan	80	7,42%
20	Công an Tỉnh	76	7,05%
	<b>Tổng</b>	<b>1.078</b>	<b>100%</b>

### Số lượng, tỷ lệ hồi đáp theo Địa phương và SBN

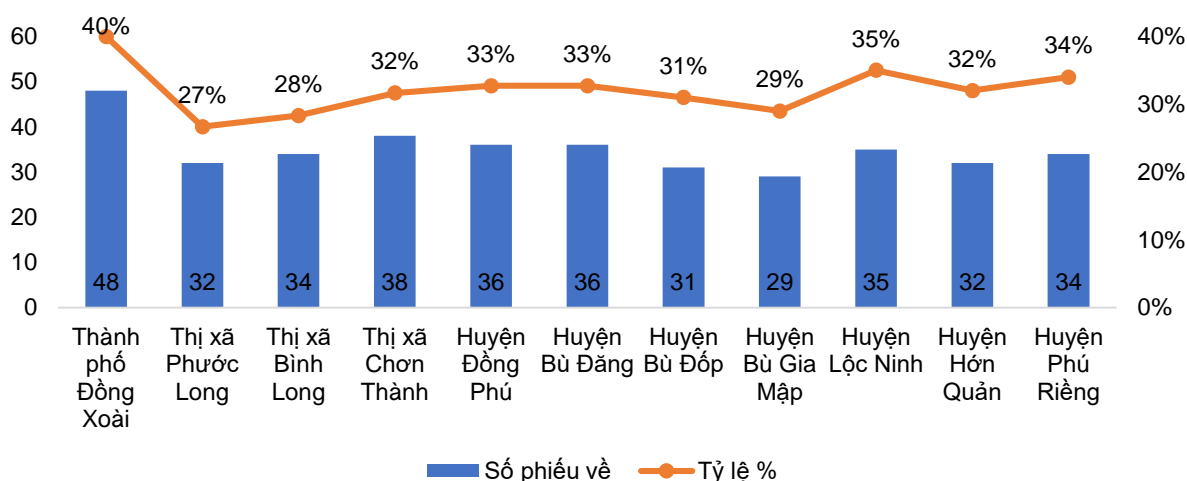
Tổng cộng 622 DN đã tham gia khảo sát DDCI Bình Phước 2023, đạt tỷ lệ hồi đáp 32,7% trên tổng số 1.900 doanh nghiệp được gửi phiếu khảo sát. Cụ thể, 271 doanh nghiệp đánh giá khối Địa phương, 237 doanh nghiệp đánh giá khối SBN và 114 doanh nghiệp đánh giá cả hai khối. Về tỷ lệ hồi đáp theo khối, khối Địa phương đạt 32,1%, trong khi khối SBN đạt 32,6%.

**Bảng 4: Bảng thống kê số phiếu thu về của khối Địa phương và SBN**

	Khối Địa phương năm 2023 (phiếu A)	Khối Sở, ban, ngành năm 2023 (phiếu B)	DDCI 2023
Số DN gửi phiếu	1.200	1.078	1.900
Số DN tham gia khảo sát	385	351	622
Tỷ lệ hồi đáp	32,1%	32,6%	32,7%

Ở khối Địa phương, Thành phố Đồng Xoài là địa phương có số phiếu thu về cao nhất (48 phiếu) và Huyện Bù Gia Mập là địa phương có số phiếu thu về thấp nhất (29 phiếu). Các địa phương còn lại có số phiếu đồng đều nhau, dao động từ 31 đến 38 phiếu.

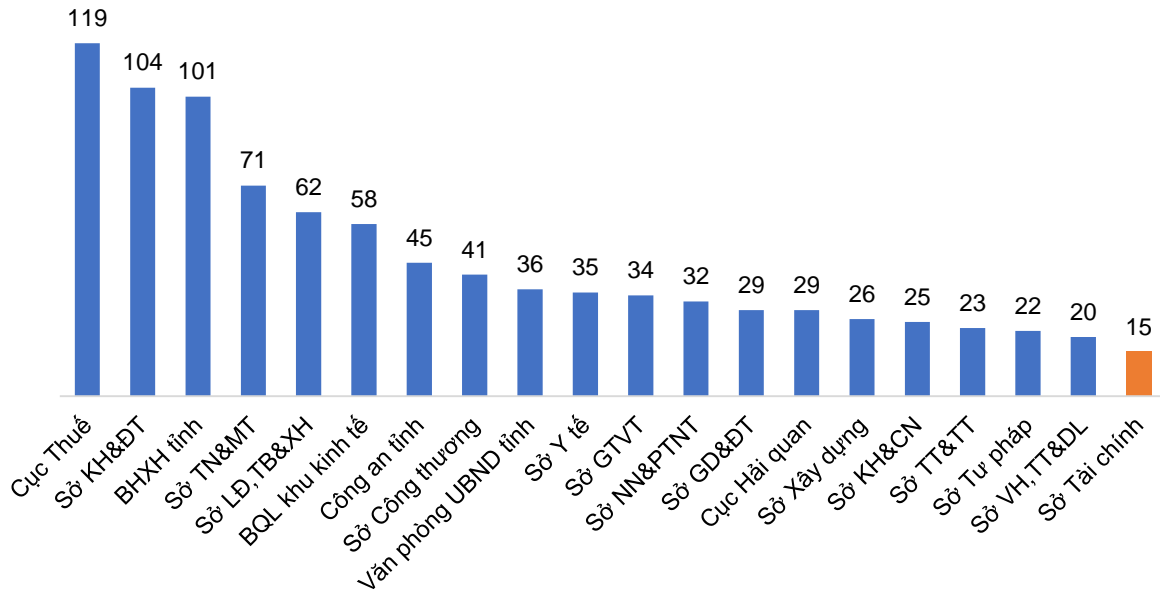
**Hình 2: Số phiếu đánh giá và tỷ lệ hồi đáp trung bình theo Địa phương**



Ở khối SBN, Đơn vị tư vấn thu về 351 bộ phiếu trong tổng số 1.078 bộ phiếu phát ra. Với mỗi bộ phiếu SBN, DN có thể đánh giá tối đa 3 phiếu (1 phiếu DN được đề nghị và 2 phiếu DN tự chọn SBN đánh giá). Do đó, khảo sát thu về tổng cộng 927 phiếu đánh giá khối SBN. Về các phiếu đánh giá của từng SBN, Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bảo hiểm xã hội Tỉnh là 3 đơn vị có số phiếu đánh giá cao nhất, lần lượt là 119, 104 và 101 phiếu. Ở chiều ngược lại, Sở Tài chính có số phiếu đánh giá thấp nhất (15 phiếu). Do số phiếu đánh giá thấp, Sở Tài chính cũng là đơn vị duy nhất trong khối SBN chưa được đưa vào đánh giá xếp hạng DDCI năm 2023.



Hình 3: Số phiếu đánh giá của các Sở, Ban, Ngành



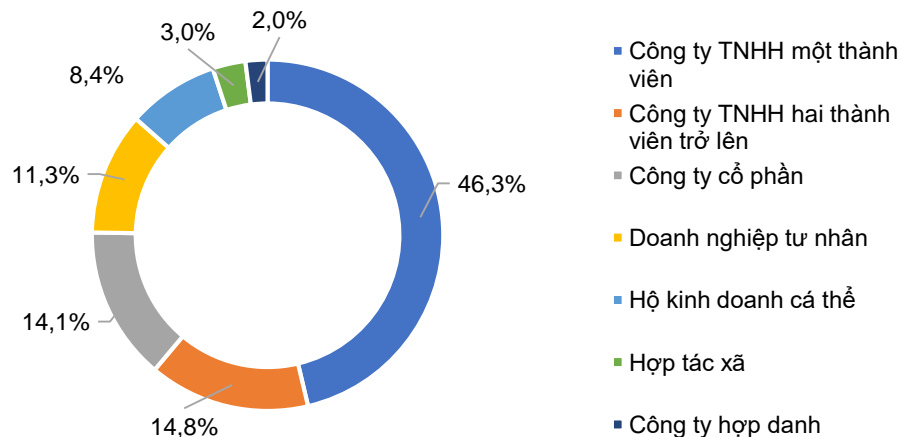
## 1.6. TỔNG QUAN ĐẶC ĐIỂM DOANH NGHIỆP BÌNH PHƯỚC QUA MẪU KHẢO SÁT

### Loại hình các doanh nghiệp tham gia khảo sát

Tổng cộng có 622 DN tham gia khảo sát DDCI Bình Phước 2023, đạt tỷ lệ 32,7% trên quy mô khảo sát (1.900 DN). Trong đó, khoảng 30% là các DN trẻ, mới được thành lập trong khoảng 3 năm trở lại đây; 48,4% DN thành lập trong giai đoạn trên 3 năm đến 10 năm và khoảng 21,6% DN thành lập trên 10 năm.

Về loại hình DN tham gia khảo sát DDCI, chiếm tỷ trọng lớn nhất là các công ty TNHH (61,1%), gồm công ty TNHH một thành viên và hai thành viên trở lên. Nhóm công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân lần lượt chiếm tỷ lệ 14,1% và 11,3%. Các hộ kinh doanh cá thể chiếm tỷ trọng 8,4%.

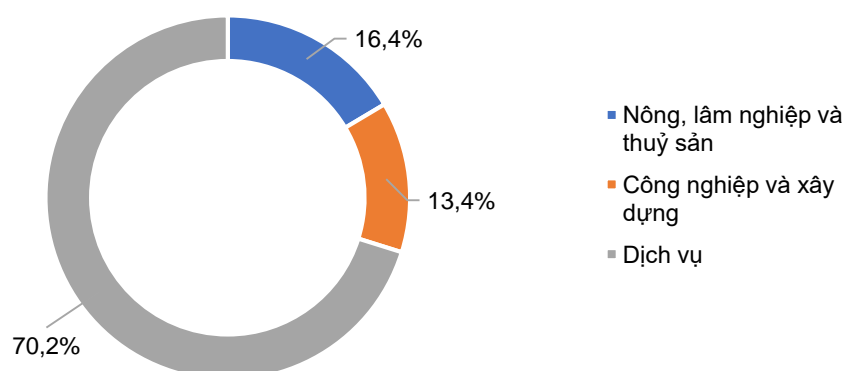
Hình 4: Thống kê về loại hình doanh nghiệp tham gia khảo sát



### Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp

Về lĩnh vực hoạt động của DN, nhóm DN hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 16,4%. Nhóm DN hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ lệ 13,4%. Còn lại là các DN hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, chiếm 70,2%.

**Hình 5: Thống kê về lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp**

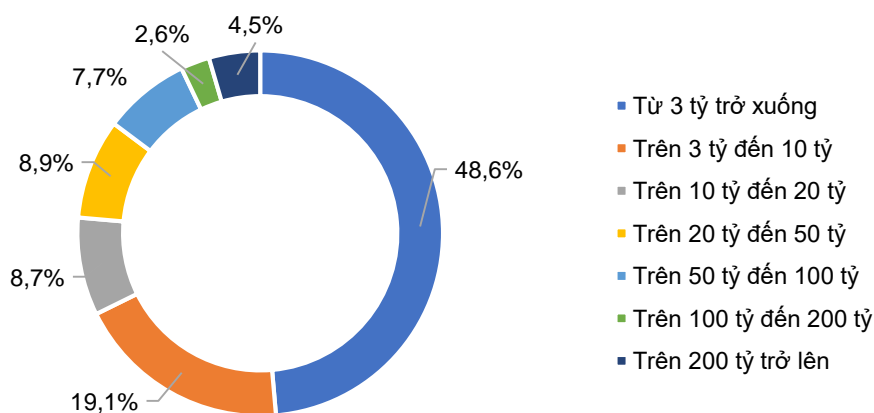


### Quy mô doanh nghiệp theo vốn, lao động, và doanh thu

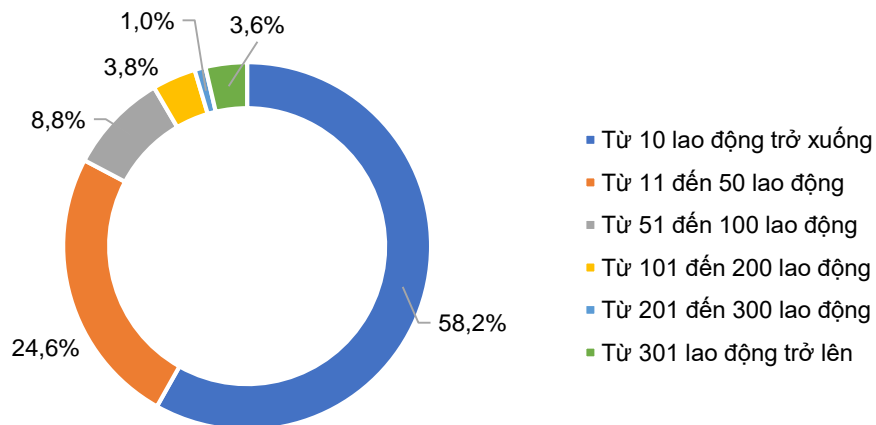
Xét về tổng vốn đầu tư của DN tại tỉnh Bình Phước năm 2023, khoảng 48,6% DN có quy mô đầu tư từ 3 tỷ trở xuống và 19,1% DN có quy mô đầu tư trên 3 tỷ đến 10 tỷ. Trong khi đó, nhóm DN có quy mô đầu tư trên 10 tỷ đến 100 tỷ chiếm khoảng 25,3% và trên 100 tỷ chiếm khoảng 7,1%.

**Hình 6: Thống kê về tổng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại Bình Phước năm 2023**

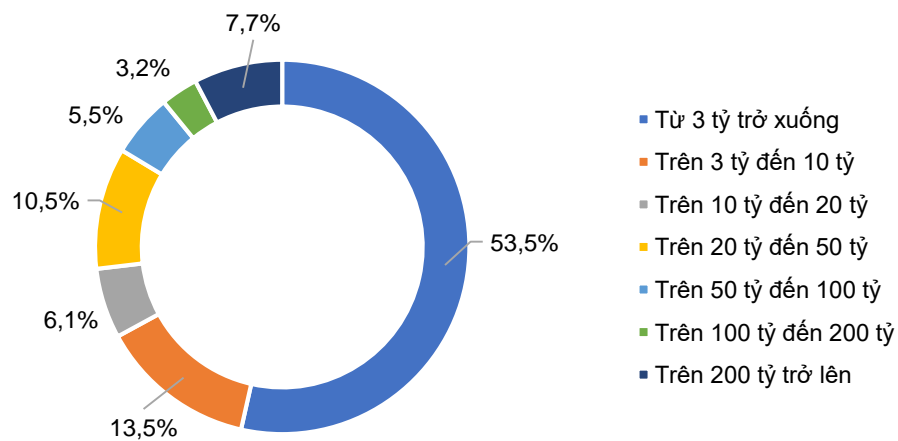
(Đơn vị: Việt Nam Đồng)



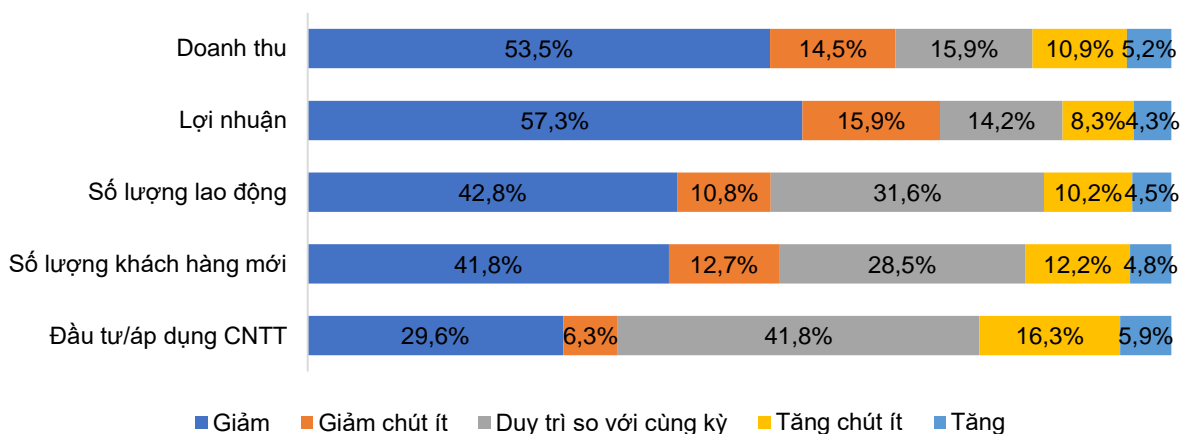
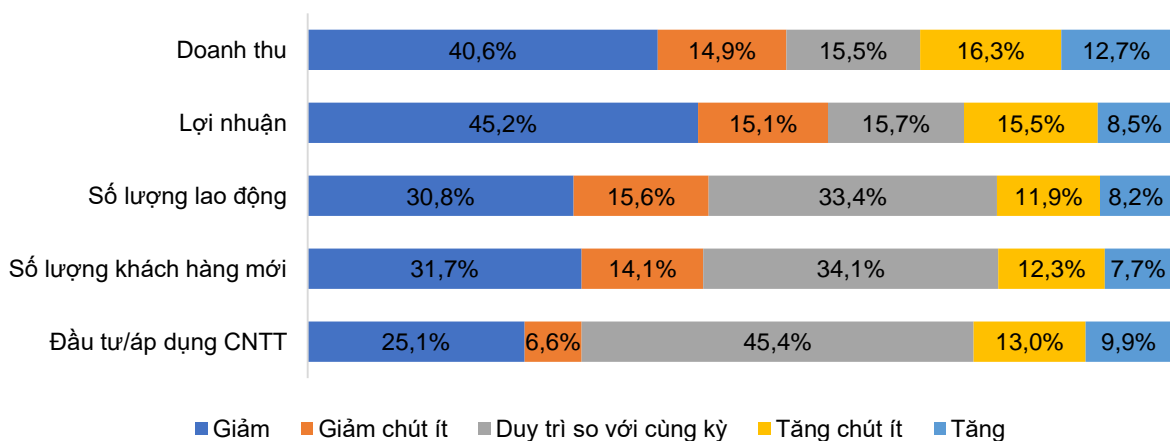
Về số lượng lao động đang làm việc tại thời điểm khảo sát, thống kê cho thấy 58,2% DN có từ 10 lao động trở xuống. Trong khi đó, tỷ lệ DN có số lượng lao động từ 11 đến 50 chiếm khoảng 24,6%. Còn lại, khoảng 17% DN có trên 50 lao động.

**Hình 7: Thống kê về số lượng lao động tại các doanh nghiệp tại thời điểm khảo sát**

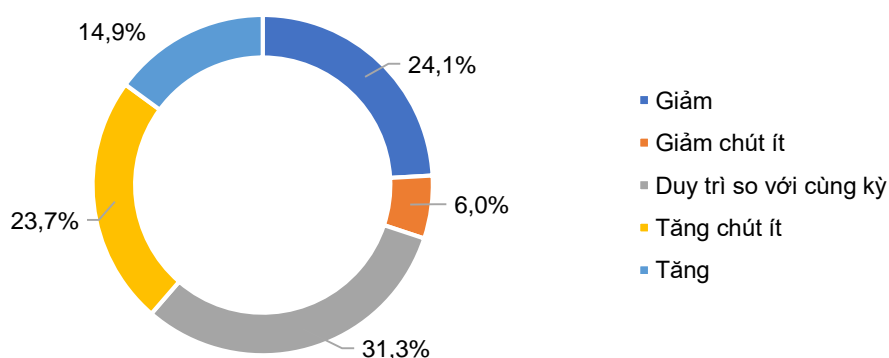
Về tổng doanh thu của DN năm 2023, có đến 53,5% DN có doanh thu đạt từ 3 tỷ trở xuống. Các DN có doanh thu đạt trên 3 tỷ đến 50 tỷ chiếm khoảng 30,1%. Còn lại chỉ có khoảng 16,4% DN có doanh thu đạt trên 50 tỷ.

**Hình 8: Thống kê về tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm 2023***(Đơn vị: Việt Nam Đồng)***Tình hình hoạt động của Doanh nghiệp**

Năm 2023 là năm cộng đồng DN tiếp tục gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Khảo sát cho thấy, có đến 68% DN có doanh thu giảm; 73,2% DN có lợi nhuận giảm; 53,6% DN có số lượng lao động giảm; 54,5% DN có số lượng khách hàng mới giảm và 35,9% DN cắt giảm đầu tư CNTT. Những sự sụt giảm này đều ở mức tương đối đáng kể. Trong khi đó, tỷ lệ DN có doanh thu tăng chiếm 16,1%; các DN có lợi nhuận tăng chiếm 12,6%; số lượng lao động tăng chiếm 14,7%; số lượng khách hàng mới tăng chiếm 17% và tỷ lệ DN tăng đầu tư CNTT chiếm 22,2%. Những con số thống kê trên cho thấy tình hình hoạt động của các DN trên địa bàn tỉnh chưa có nhiều sự cải thiện tích cực so với năm 2022.

**Hình 9: Thống kê về tình hình hoạt động của Doanh nghiệp trong năm 2023****Hình 10: Thống kê về tình hình hoạt động của Doanh nghiệp trong năm 2022**

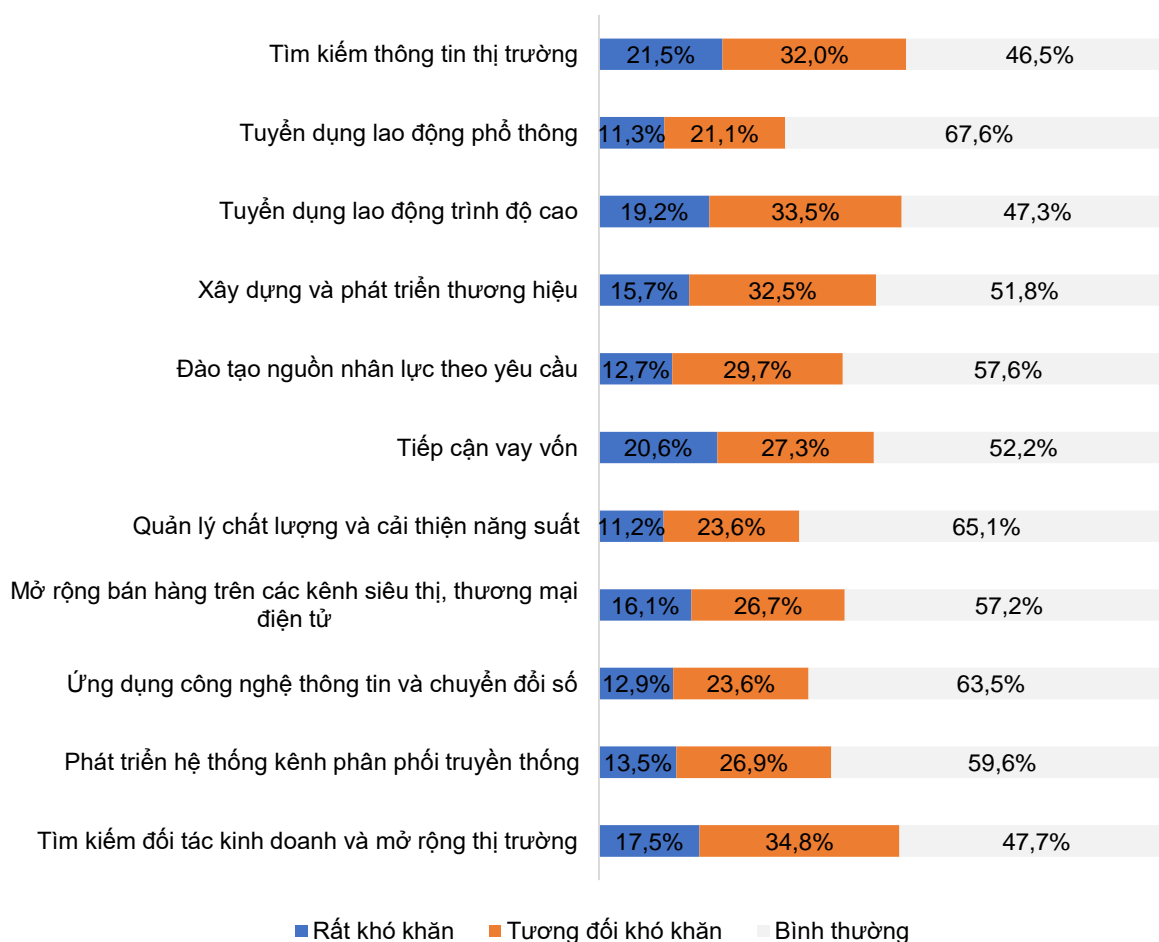
Tuy nhiên, khi xét đến quy mô kinh doanh dự kiến trong năm 2024, nhiều DN vẫn cho thấy sự lạc quan. Cụ thể, có 38,6% DN dự kiến quy mô tăng (cao hơn một chút so với khảo sát năm 2022, với tỷ lệ 37%). Tỷ lệ DN dự kiến quy mô tăng cao hơn 8,5% so với tỷ lệ DN dự kiến quy mô giảm. Trong khi đó, có 31,3% DN dự kiến quy mô kinh doanh duy trì so với cùng kỳ.

**Hình 11: Dự kiến quy mô kinh doanh trong năm 2024**

### Mức độ khó khăn của doanh nghiệp khi thực hiện các chiến lược trong hoạt động kinh doanh

Đối với mức độ khó khăn của Doanh nghiệp khi thực hiện các chiến lược trong hoạt động kinh doanh, “Tìm kiếm thông tin thị trường” là hoạt động mà DN gặp nhiều khó khăn nhất, với hơn 53% DN đánh giá khó khăn. Ngoài ra, “Tuyển dụng lao động trình độ cao” và “Tìm kiếm đối tác kinh doanh và mở rộng thị trường” cũng là những hoạt động khiến nhiều DN gặp khó khăn, với cùng tỷ lệ DN phản ánh rất khó khăn và tương đối khó khăn lần lượt là 52,7% và 52,3%. Trong khi đó, hoạt động hỗ trợ mà DN thấy ít khó khăn là “Tuyển dụng lao động phổ thông”.

**Hình 12: Mức độ khó khăn của doanh nghiệp năm 2023**

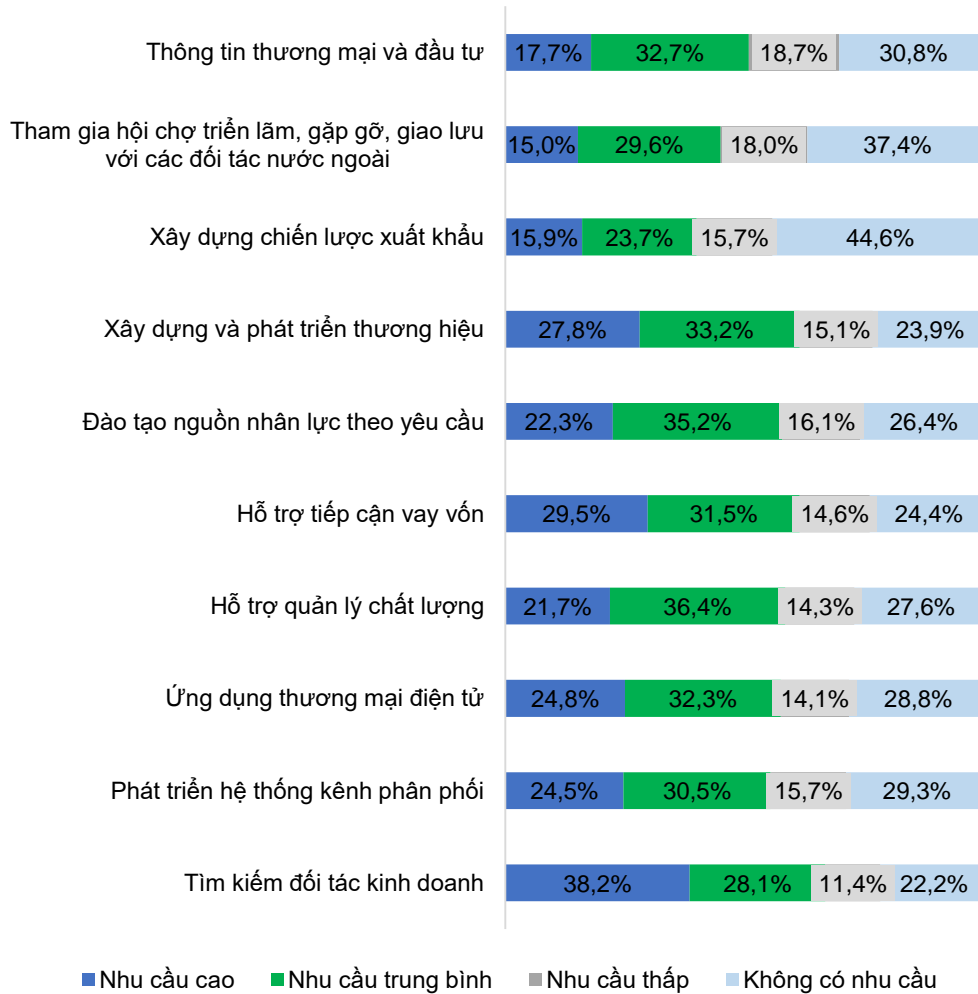


### Nhu cầu của doanh nghiệp về các hoạt động hỗ trợ

Đối với nhu cầu của DN về các hoạt động hỗ trợ của chính quyền, “Tìm kiếm đối tác kinh doanh” là hoạt động có nhiều DN mong muốn được hỗ trợ nhất, với 38,2% DN có nhu cầu cao và 28,1% DN có nhu cầu trung bình. Ngoài ra, “Hỗ trợ tiếp cận vay vốn” và “Xây dựng và phát triển thương hiệu” cũng là những hoạt động có nhiều DN bày tỏ nguyện vọng được hỗ trợ, với cùng tỷ lệ DN phản ánh có nhu cầu cao hoặc nhu cầu trung bình là 61%. Trong khi đó, hoạt động hỗ trợ mà DN ít có nhu cầu nhất là “Xây dựng chiến lược xuất khẩu”, với 44,6% DN cho biết không có nhu cầu. Đối với các hoạt động còn lại, tỷ lệ DN có nhu cầu

cần được hỗ trợ từ mức trung bình trở lên nằm trong khoảng 44 – 58%. Điều này cho thấy, mong muốn nhận được sự hỗ trợ từ phía chính quyền của cộng đồng DN trong tỉnh ở mức rất cao. Vì vậy, các cấp chính quyền cần đẩy mạnh hơn nữa công tác hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để DN có thể phát triển trong tình hình kinh tế khó khăn và nhiều biến động hiện nay.

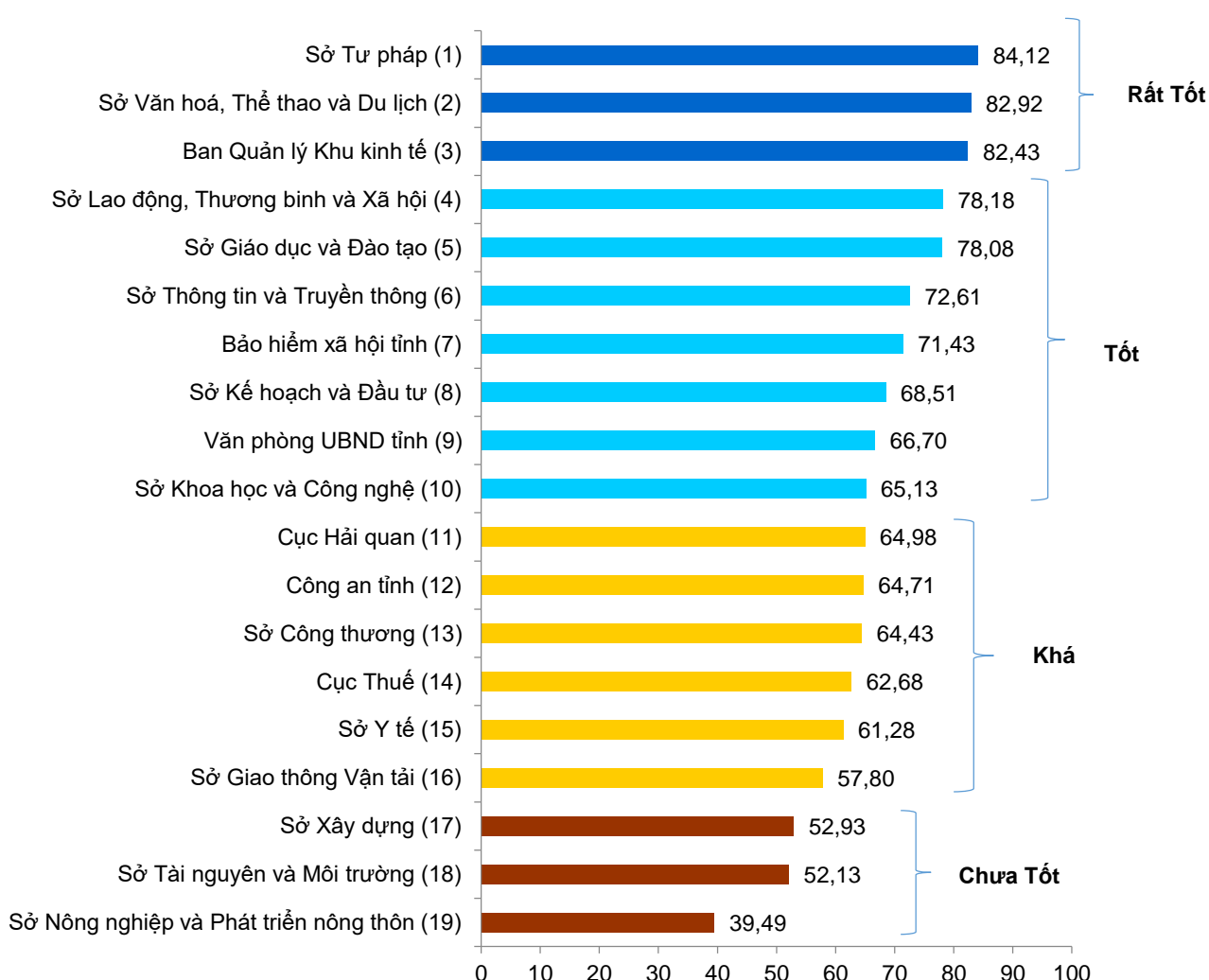
**Hình 13: Nhu cầu của doanh nghiệp về các hoạt động hỗ trợ của chính quyền**



# CHƯƠNG II. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

## 2.1. XẾP HẠNG DDCI 2023 KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

Hình 14: Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2023 khối Sở, ban, ngành



Khảo sát DDCI Bình Phước 2023 khối Sở, ban, ngành tiếp tục được triển khai với 20 đơn vị. Khảo sát năm nay ghi nhận 19 đơn vị có đủ số lượt đánh giá để được đưa vào xếp hạng (nhiều hơn 3 đơn vị so với năm 2022).

Theo kết quả khảo sát, Sở Tư pháp là đơn vị duy trì vị trí dẫn đầu trong 2 năm liên tiếp, với 84,12 điểm. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục xếp thứ 2, với 82,92 điểm. Ban Quản lý Khu kinh tế xếp thứ 3, với 82,43 điểm. Đây cũng đồng thời là 3 đơn vị được xếp hạng “Rất tốt”.

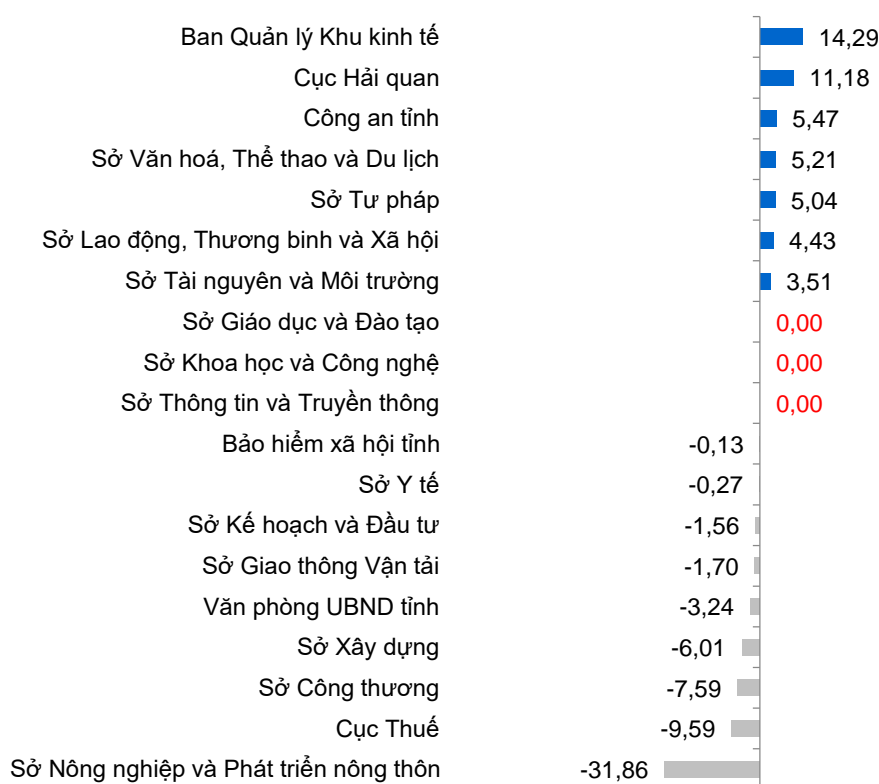
Tiếp theo là 7 đơn vị thuộc nhóm “Tốt”, bao gồm: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (78,18 điểm, xếp thứ 4); Sở Giáo dục và Đào tạo (78,08 điểm, xếp thứ 5); Sở Thông tin và Truyền thông (72,61 điểm, xếp thứ 6); Bảo hiểm xã hội tỉnh (71,43 điểm, xếp thứ 7); Sở Kế hoạch và Đầu tư (68,51 điểm, xếp thứ 8); Văn phòng UBND tỉnh (66,70 điểm, xếp thứ 9); Sở Khoa học và Công nghệ (65,13 điểm, xếp thứ 10);

Nhóm “Khá” bao gồm 6 đơn vị: Cục Hải quan (64,98 điểm, xếp thứ 11); Công an tỉnh (64,71 điểm, xếp thứ 12); Sở Công thương (64,43 điểm, xếp thứ 13); Cục Thuế (62,68 điểm, xếp thứ 14); Sở Y tế (61,28 điểm, xếp thứ 15); Sở Giao thông Vận tải (57,80 điểm, xếp thứ 16).

Nhóm “Chưa tốt” bao gồm 3 đơn vị: Sở Xây dựng (52,93 điểm, xếp thứ 17); Sở Tài nguyên và Môi trường (52,13 điểm, xếp thứ 18); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (39,49 điểm, xếp thứ 19).

Điểm DDCI trung vị của khối SBN là 65,13 điểm, thấp hơn so với năm 2022 (70,01 điểm). Tuy nhiên, đây vẫn là một mức điểm khá cao, phản ánh sự đánh giá nhìn chung là tích cực của cộng đồng DN với công tác điều hành của các Sở, ban, ngành tỉnh Bình Phước.

**Hình 15: Mức độ thay đổi điểm số DDCI của khối SBN năm 2023 so với năm 2022**



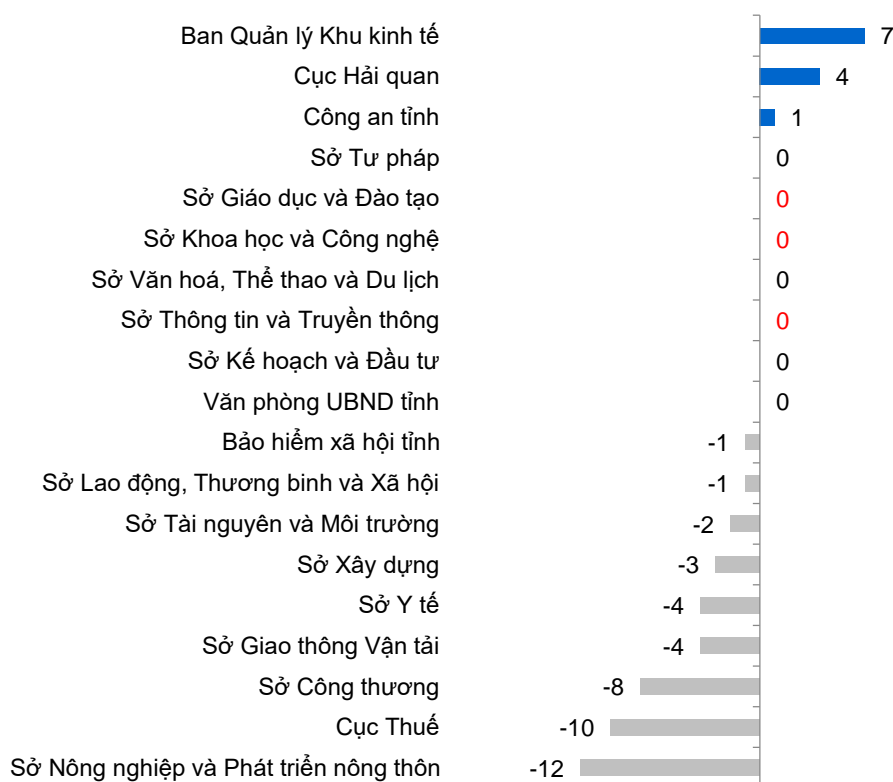
(\* Các đơn vị có giá trị 0 được tô màu đỏ là các đơn vị không được xếp hạng năm 2022

Hình 15 miêu tả mức độ thay đổi điểm số của 16 đơn vị khối SBN năm 2023 so với năm 2022. Tổng cộng có 7/16 đơn vị có điểm số tăng, còn lại là những đơn vị có điểm số giảm so với năm trước. Các đơn



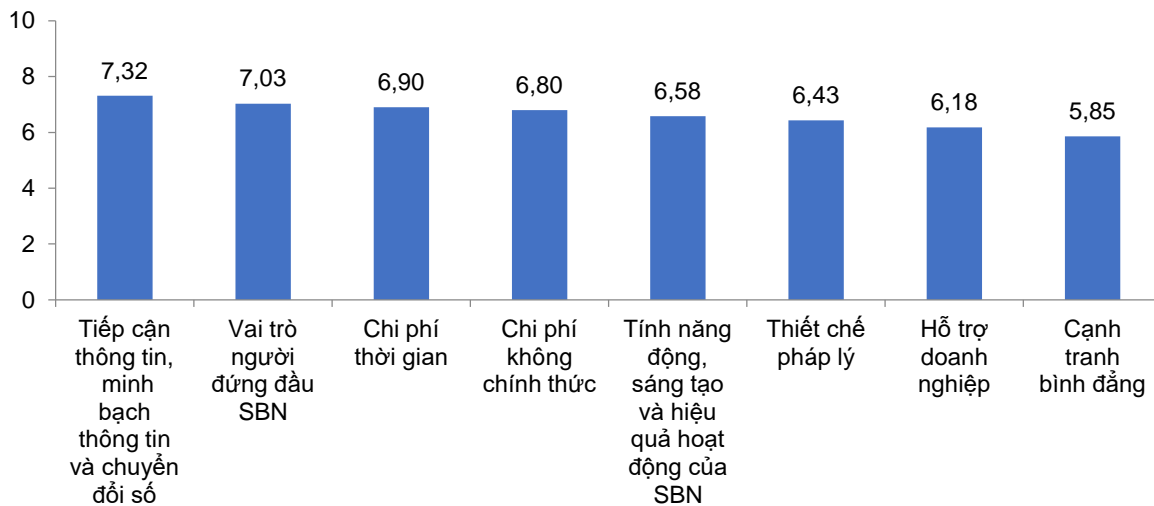
vị có mức điểm tăng ấn tượng nhất là: Ban Quản lý Khu kinh tế (+14,29 điểm); Cục Hải quan (+11,18 điểm). Ở chiều ngược lại, các đơn vị có mức điểm giảm mạnh nhất là: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (-31,86 điểm); Cục Thuế (-9,59 điểm); Sở Công thương (-7,59 điểm).

**Hình 16: Sự thay đổi thứ hạng của các đơn vị khối SBN năm 2023 so với năm 2022**

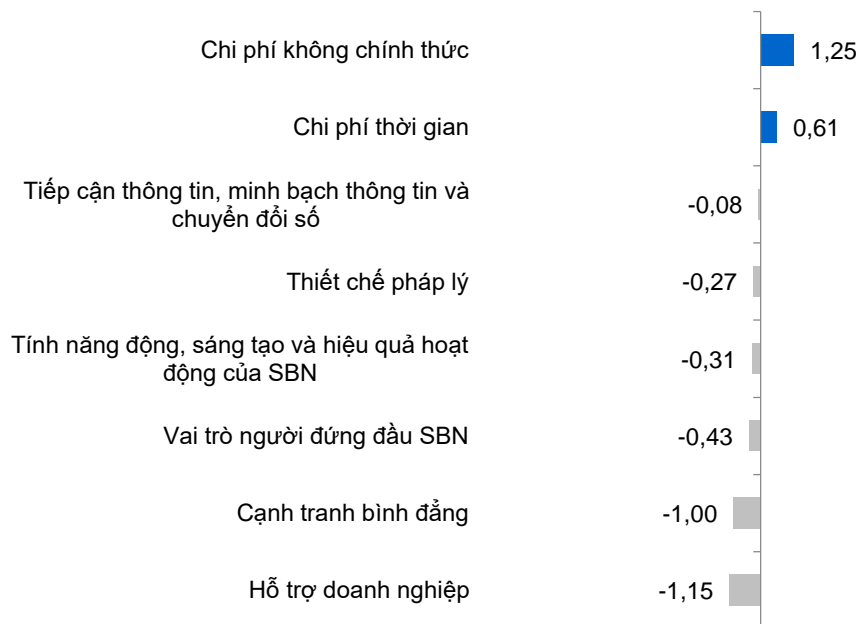


(\* Các đơn vị có giá trị 0 được tô màu đỏ là các đơn vị không được xếp hạng năm 2022

Những thay đổi về điểm số nêu trên dẫn tới sự thay đổi khá mạnh về thứ hạng của các đơn vị khối SBN năm 2023 so với năm 2022 (Hình 16). Ban Quản lý Khu kinh tế là đơn vị có thứ hạng cải thiện nhất (+7 bậc), từ vị trí thứ 10/16 năm 2022 lên vị trí thứ 3/19 năm 2023, và quay trở lại nhóm Rất Tốt sau một năm rời khỏi nhóm này (năm 2021, đơn vị này đứng thứ nhất). Cục Hải quan tăng 4 bậc, từ vị trí thứ 15/16 năm 2022 lên vị trí thứ 11/19 năm 2023. Công an tỉnh tăng 1 bậc, đồng thời là đơn vị cuối cùng trong nhóm 3 SBN có thứ hạng tăng. Ngoài Sở Tư pháp và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các đơn vị có thứ hạng không thay đổi là các đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư (xếp thứ 8); Văn phòng UBND tỉnh (xếp thứ 9). Đơn vị giảm thứ hạng nhiều nhất là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (-12 bậc), từ vị trí thứ 7/16 năm 2022 xuống vị trí thứ 19/19 năm 2023. Cục Thuế (-10 bậc) và Sở Công thương (-8 bậc) cũng là những đơn vị giảm thứ hạng đáng kể.

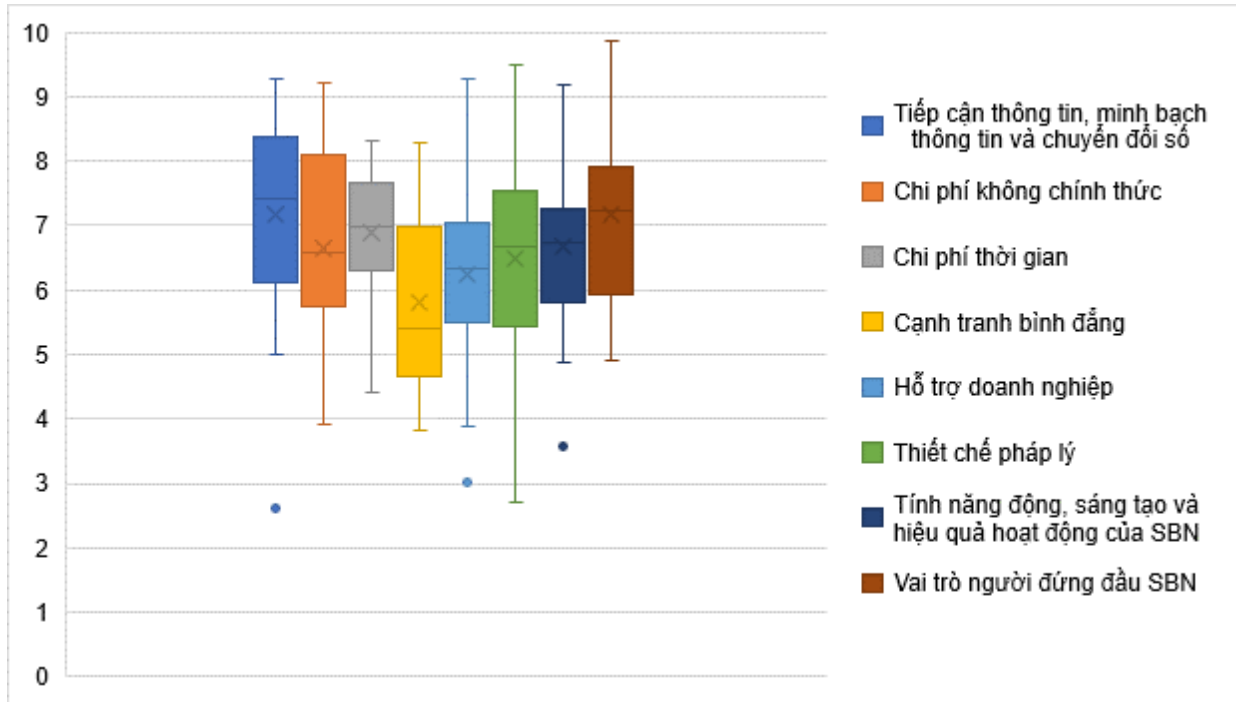
**Hình 17: Điểm trung bình toàn tỉnh các chỉ số thành phần DDCI 2023 của khối SBN**

Hình 17 miêu tả điểm trung bình chung toàn khối SBN. Chỉ số có điểm trung bình cao nhất là “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số”, với 7,32 điểm. Tiếp theo là chỉ số “Vai trò người đứng đầu SBN”, với 7,03 điểm. Các chỉ số “Chi phí thời gian”, “Chi phí không chính thức”, “Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN” và “Thiết chế pháp lý” có mức điểm khá. Hai chỉ số có mức điểm thấp nhất trong các chỉ số thành phần là “Hỗ trợ doanh nghiệp” (6,18 điểm) và “Cạnh tranh bình đẳng” (5,85 điểm).

**Hình 18: Mức độ thay đổi điểm trung bình của các chỉ số thành phần khối SBN năm 2023 so với năm 2022**

Hình 18 miêu tả mức độ thay đổi điểm trung bình của các chỉ số thành phần khối SBN năm 2023 so với năm 2022. Chỉ có 2/8 chỉ số tăng điểm, trong khi có tới 6/8 chỉ số giảm điểm. Hai chỉ số duy nhất có điểm trung bình tăng là: “Chi phí không chính thức” (+1,25 điểm); “Chi phí thời gian” (+0,61 điểm). Ở chiều ngược lại, “Hỗ trợ doanh nghiệp” là chỉ số có mức giảm điểm mạnh nhất (-1,15 điểm); trong khi “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số” có mức giảm điểm ít nhất (-0,08 điểm).

**Hình 19: Mức độ biến thiên của giá trị các chỉ số thành phần khối SBN năm 2023**



Hình 19 minh họa mức độ biến thiên của các chỉ số thành phần DDCI khối SBN năm 2023. Độ dài của các hộp và râu phản ánh mức độ phân tán của dải điểm. Chỉ số có râu càng dài hàm ý sự khác biệt điểm số giữa đơn vị đứng đầu và đơn vị đứng cuối càng lớn. Theo đó, các chỉ số “Thiết chế pháp lý”, “Hỗ trợ doanh nghiệp” và “Chi phí không chính thức” là những chỉ số có sự chênh lệch điểm số lớn nhất, trong khoảng 5,3 – 7,0 điểm. “Chi phí thời gian” là chỉ số có sự chênh lệch điểm số thấp nhất, ở mức dưới 4 điểm. Trong khi đó, độ dài của hộp (tứ phân vị) biểu thị mức độ hội tụ của dải điểm: hộp càng ngắn thì mức độ hội tụ càng cao và ngược lại. Chỉ số có độ hội tụ cao nhất là “Chi phí thời gian”, với tứ phân vị khoảng 1,3 điểm. Trong khi đó, chỉ số có mức độ hội tụ thấp nhất là “Cạnh tranh bình đẳng”, với tứ phân vị ở mức khoảng 2,3 điểm.

Bảng 5: Vị trí của các đơn vị trên bảng xếp hạng chỉ số tổng hợp và các chỉ số thành phần

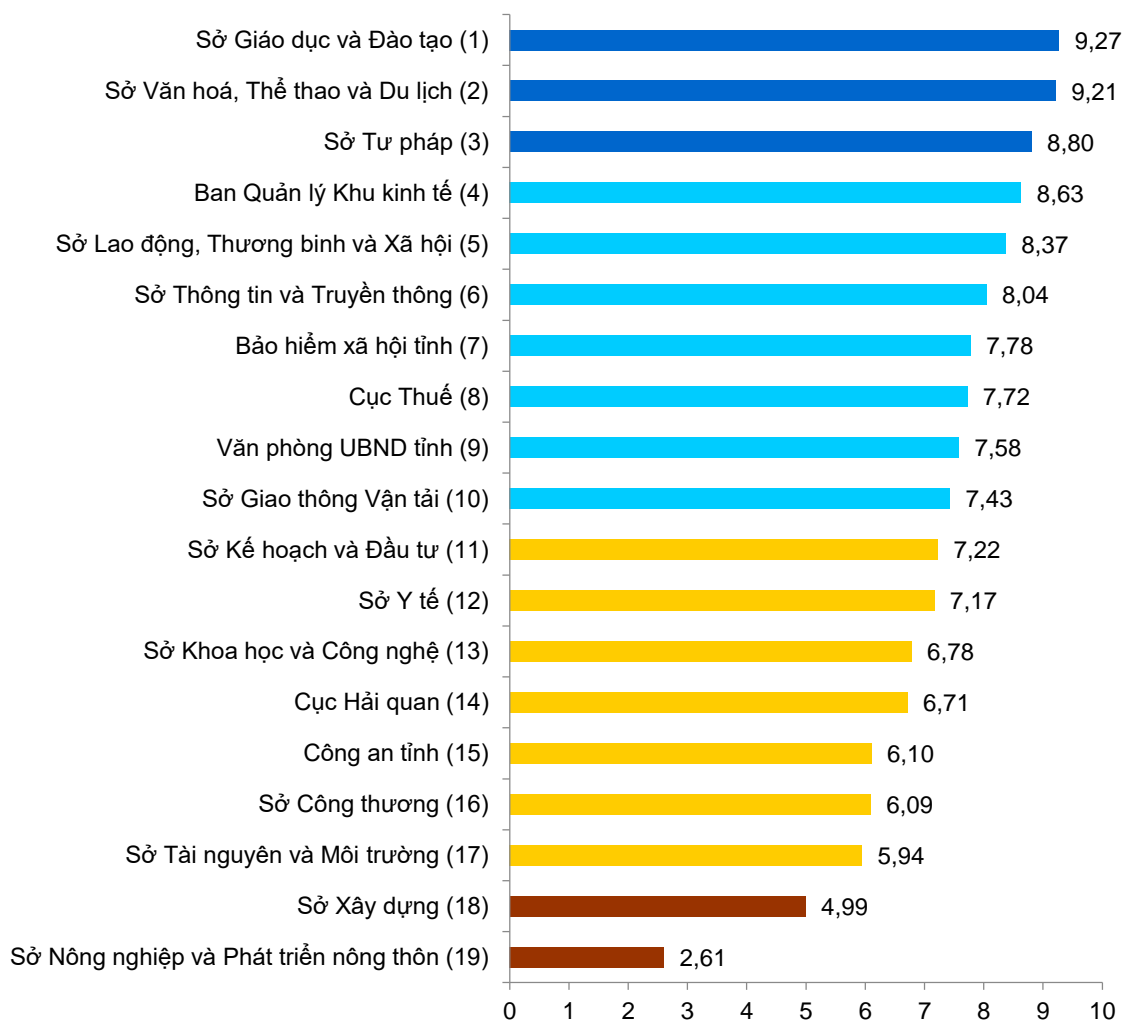
STT	Điểm tổng hợp	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số	Chi phí không chính thức	Chi phí thời gian	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN	Vai trò người đứng đầu SBN
1	Sở Tư pháp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Tư pháp	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Tư pháp
2	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Tư pháp	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
3	Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tư pháp	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Văn phòng UBND tỉnh	Ban Quản lý Khu kinh tế
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Ban Quản lý Khu kinh tế	Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ban Quản lý Khu kinh tế	Văn phòng UBND tỉnh
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Ban Quản lý Khu kinh tế	Công an tỉnh	Sở Y tế	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
6	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Cục Hải quan	Sở Công thương	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Công an tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Hải quan	Sở Công thương	Sở Thông tin và Truyền thông	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Sở Công thương	Công an tỉnh
9	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Cục Thuế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Bảo hiểm xã hội tỉnh
10	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giao thông Vận tải	Sở Công thương	Sở Y tế	Cục Hải quan	Cục Thuế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo
11	Cục Hải quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông	Cục Thuế	Sở Công thương	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cục Hải quan

STT	Điểm tổng hợp	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số	Chi phí không chính thức	Chi phí thời gian	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN	Vai trò người đứng đầu SBN
12	Công an tỉnh	Sở Y tế	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giao thông Vận tải	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Sở Y tế	Cục Hải quan	Sở Công thương
13	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Xây dựng	Sở Tư pháp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Công an tỉnh	Cục Hải quan	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Cục Thuế	Cục Hải quan	Sở Giao thông Vận tải	Sở Xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giao thông Vận tải	Cục Thuế	Sở Xây dựng	Cục Thuế
15	Sở Y tế	Công an tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Công thương	Sở Xây dựng	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh	Cục Thuế	Sở Y tế
16	Sở Giao thông Vận tải	Sở Công thương	Cục Hải quan	Sở Giao thông Vận tải	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Xây dựng	Công an tỉnh	Sở Xây dựng
17	Sở Xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Y tế	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng	Văn phòng UBND tỉnh	Cục Thuế	Sở Y tế	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giao thông Vận tải	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bảng 5 miêu tả vị trí của các đơn vị trên bảng xếp hạng chỉ số tổng hợp và các chỉ số thành phần của khối SBN năm 2023. Sở Tư pháp, đơn vị dẫn đầu bảng xếp hạng chỉ tổng hợp, có đến 7/8 chỉ số nằm trong Tốp 3 được đánh giá tốt nhất. Trong đó, có 3 chỉ số mà đơn vị này đều xếp thứ nhất là: “Cạnh tranh bình đẳng”; “Thiết chế pháp lý”; và “Vai trò người đứng đầu SBN”. Ở phía ngược lại, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị đứng ở vị trí cuối cùng trên bảng xếp hạng tổng, có 7/8 chỉ số bị đánh giá thấp nhất so với các SBN còn lại.

## 2.2. CHỈ SỐ TIẾP CẬN THÔNG TIN, MINH BẠCH THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

Hình 20: Xếp hạng và điểm số chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số của khối SBN năm 2023

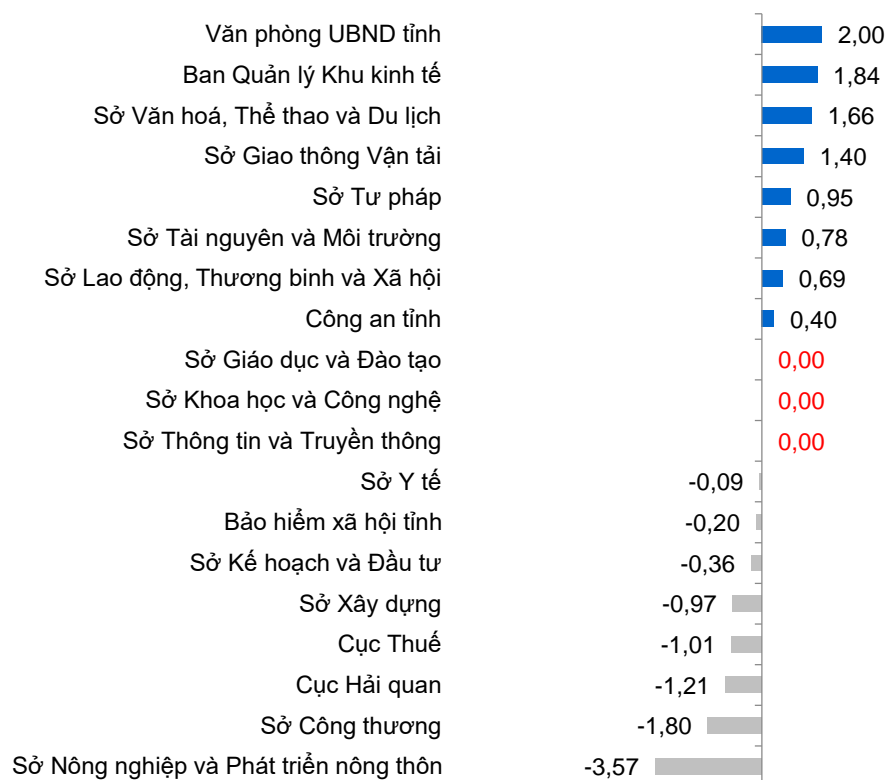


Hình 20 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số” của khối SBN. Đơn vị đứng đầu bảng xếp hạng là Sở Giáo dục và Đào tạo, với 9,27 điểm. Hai đơn vị còn lại được xếp hạng “Rất tốt” là: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (9,21 điểm); Sở Tư pháp (8,80 điểm).

Nhóm “Tốt” gồm 7 đơn vị, với điểm số dao động ở mức từ 7,43 đến 8,63 điểm. Nhóm “Khá” gồm 7 đơn vị, với điểm số dao động từ 5,94 đến 7,22 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm 2 đơn vị, với điểm số lần lượt là 4,99 và 2,61 điểm.

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Sở Giáo dục và Đào tạo) và đơn vị đứng cuối (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) là 6,66 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 7,43 điểm, thuộc mức cao trong các chỉ số thành phần.

**Hình 21: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số năm 2023 so với năm 2022**



(\*) Các đơn vị có giá trị 0 được tô màu đỏ là các đơn vị không được xếp hạng năm 2022

Hình 21 miêu tả mức độ thay đổi điểm số của chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số” của các đơn vị khối SBN năm 2023 so với 2022. Có 8/16 đơn vị có điểm số tăng, còn lại là những đơn vị có điểm số giảm so với năm trước. Các đơn vị có điểm số tăng ấn tượng nhất là: Văn phòng UBND tỉnh (+2,00 điểm); Ban Quản lý Khu kinh tế (+1,84 điểm); Sở VH TT & DL (+1,66 điểm); Sở GTVT (+1,40 điểm). Ở chiều ngược lại, Sở NN & PTNT là đơn vị giảm điểm mạnh nhất (-3,57 điểm). Sở Công thương cũng giảm điểm đáng kể (-1,80 điểm).

**Bảng 6: Các chỉ tiêu của chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số của khối SBN năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
1	Mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin	T	0,94	0,94	0,84	0,99
2	DN nhận được thông tin, văn bản mà DN cần khi yêu cầu SBN cung cấp	T	0,88	0,88	0,74	1,00

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
3	Tỷ lệ DN thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập cổng thông tin điện tử	T	0,60	0,58	0,23	0,86
4	Tỷ lệ DN cho biết DN luôn nhận được thông báo về kết quả thanh kiểm tra riêng của SBN	T		0,89	0,69	1,00
5	Tỷ lệ DN cho biết SBN tuyên truyền, phổ biến, giải thích, hướng dẫn quy trình, thủ tục đấu thầu công khai, rõ ràng, đầy đủ	T		1,00	1,00	1,00
6	Tỷ lệ DN đã thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến	T	0,73	0,79	0,50	0,96
7	Tỷ lệ DN cho rằng việc thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến là không khó khăn	T	0,95	0,96	0,82	1,00
8	Tỷ lệ DN cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp DN tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	T	0,98	0,97	0,89	1,00
9	Tỷ lệ DN cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp cho DN tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	T	0,96	0,95	0,80	1,00
10	Khi thực hiện TTHC trực tuyến, DN không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	T	0,86	0,89	0,33	1,00

Bảng 6 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số” của khối SBN năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 10 chỉ tiêu, tất cả đều là chỉ tiêu Thuận. Trong đó, có 8/10 chỉ tiêu được giữ nguyên như năm 2022, còn lại là các chỉ tiêu mới. Đối với các chỉ tiêu được giữ nguyên, hầu hết đều có điểm số cao và chỉ thay đổi (tăng hoặc giảm) nhẹ so với năm 2022. Cụ thể, có tới 94% DN đánh giá thông tin của SBN được tiếp cận dễ dàng (Chỉ tiêu 1); 88% DN đánh giá có thể tiếp cận các thông tin không được công bố công khai nếu DN cần và yêu cầu SBN cung cấp (Chỉ tiêu 2).

Liên quan tới Chỉ tiêu 3, Tỷ lệ DN thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập cổng TTĐT, tỷ lệ của năm 2023 là 58%, giảm một chút so với năm 2022 (60%).



Đối với nhóm chỉ tiêu mới, nhìn chung các chỉ tiêu đều có điểm số cao. Cụ thể, 89% DN cho biết luôn nhận được thông báo về kết quả thanh kiểm tra riêng của SBN (Chỉ tiêu 4); 100% DN ghi nhận SBN truyền, phổ biến, giải thích, hướng dẫn quy trình, thủ tục đấu thầu công khai, rõ ràng, đầy đủ (Chỉ tiêu 5).

Liên quan tới việc thực hiện TTHC trực tuyến: Có khoảng 79% DN cho biết đã từng thực hiện TTHC trực tuyến tại các SBN (Chỉ tiêu 6). Đây là một tỷ lệ khá cao. Tuy nhiên, đáng lưu ý là ở SBN thấp nhất, chỉ có khoảng 50% DN cho biết từng thực hiện TTHC trực tuyến.

Đối với các DN từng thực hiện TTHC trực tuyến, hầu hết đều đánh giá cao các khía cạnh lợi ích của hình thức này. Cụ thể, trên 95% DN ghi nhận việc thực hiện TTHC trực tuyến là không khó khăn (Chỉ tiêu 7), giúp DN tiết kiệm thời gian hơn (Chỉ tiêu 8) và tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (Chỉ tiêu 9). Đồng thời, 89% DN đánh giá phương thức trực tuyến giúp DN không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống (Chỉ tiêu 10). Tuy nhiên, đáng lưu ý là ở SBN có điểm thấp nhất, tỷ lệ này chỉ đạt mức 33%.

Như vậy nhìn tổng thể, khối SBN đã có những thay đổi tích cực hơn về thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến. Tuy nhiên, chất lượng cổng thông tin điện tử lại chậm được cải thiện, ảnh hưởng đến việc tiếp cận thông tin của các DN.

### **Ý kiến doanh nghiệp**

1. Ngoài thông tin trên website thì nên có một trang thông tin mạng xã hội cập nhật tình hình, chính sách mới, thông tin hỗ trợ để doanh nghiệp nắm bắt kịp thời. Việc cập nhật như vậy sẽ tăng tương tác gắn kết và phổ rộng thông tin hơn. (Nếu đã có thì nên gửi email để các doanh nghiệp nắm thông tin)
2. Tập huấn, họp online dành cho doanh nghiệp. Hình thức online là một trong những hình thức tiết kiệm thời gian, di chuyển. Dù ở đâu thì đối tượng tiếp cận thông tin đều có thể tiếp cận.

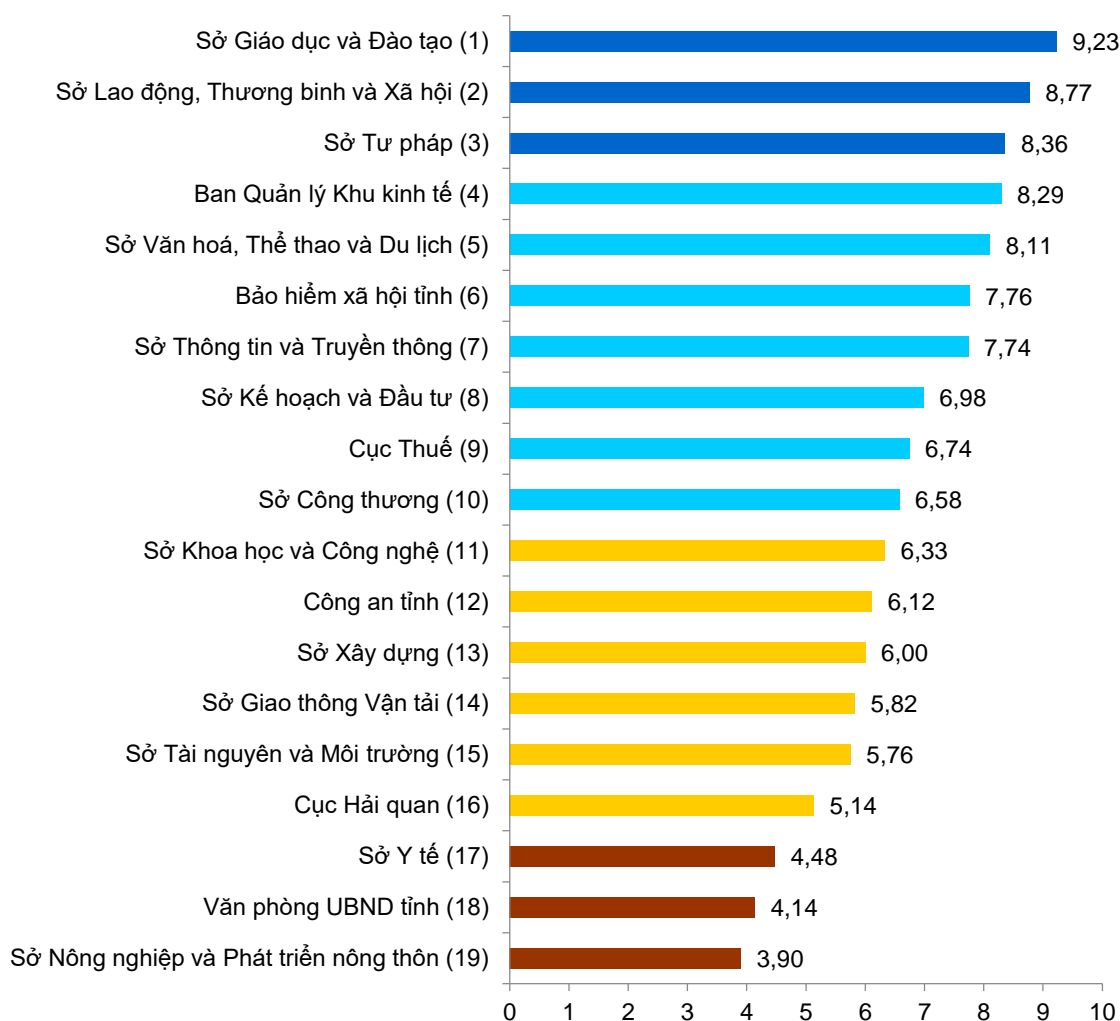
**Doanh nghiệp SBN012 đánh giá Sở Giao thông Vận tải**

- Các mẫu giấy tờ yêu cầu rõ ràng hơn
- Có thể tư vấn trực tuyến để thuận tiện hơn cho doanh nghiệp

**Doanh nghiệp SBN024 đánh giá Sở Thông tin và Truyền thông**

## 2.3. CHỈ SỐ CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

Hình 22: Xếp hạng và điểm số của chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023

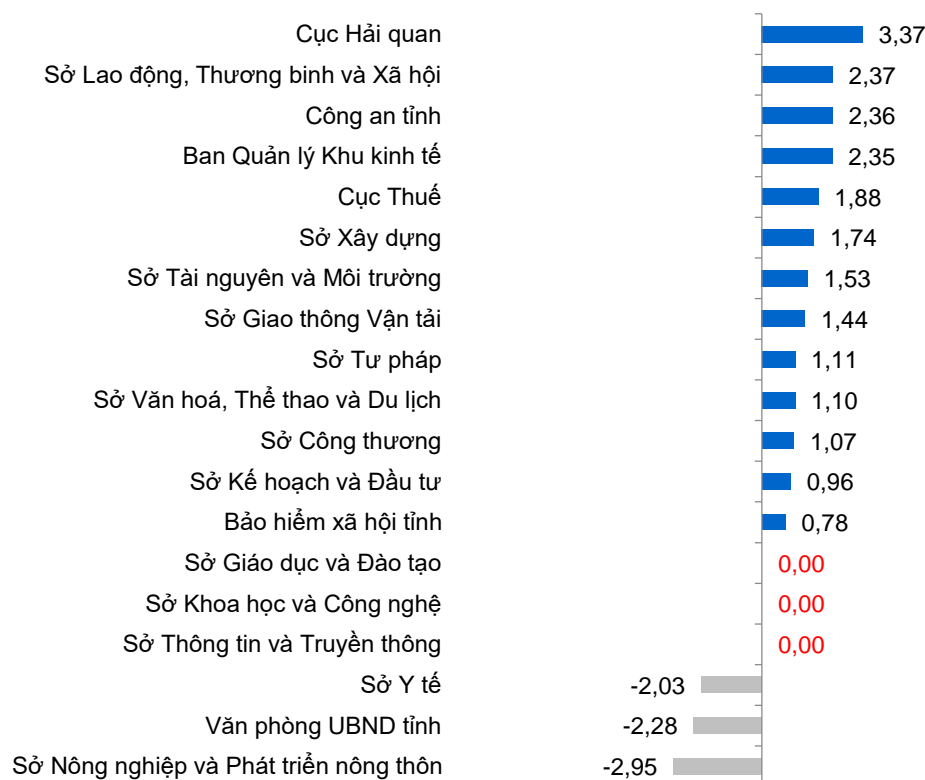


Hình 22 miêu tả thứ hạng và điểm số của chỉ số “Chi phí không chính thức” của khối SBN năm 2023. Chỉ số này bao gồm 3 đơn vị được xếp hạng “Rất tốt”, 7 đơn vị hạng “Tốt”, 6 đơn vị hạng “Khá” và 3 đơn vị hạng “Chưa tốt”.

Đơn vị đứng đầu chỉ số “Chi phí không chính thức” là Sở GD&ĐT, với 9,23 điểm. Ngoài Sở GD&ĐT, Sở LĐ, TB&XH và Sở Tư pháp cũng được đánh giá “Rất tốt”. Các đơn vị thuộc nhóm “Tốt” có điểm số dao động từ 6,58 đến 8,29 điểm. Tiếp theo, 6 đơn vị thuộc nhóm “Khá” có điểm số dao động từ 5,14 đến 6,33 điểm. Trong khi đó, cả 3 đơn vị thuộc nhóm “Chưa tốt” đều có điểm số thấp, ở mức dưới 5 điểm.

Mức chênh lệch điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Sở GD&ĐT) và đứng cuối (Sở NN&PTNT) là 5,33 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 6,58 điểm, thuộc mức trung bình trong các chỉ số thành phần.

**Hình 23: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023 so với năm 2022**



(\* Các đơn vị có giá trị 0 được tô màu đỏ là các đơn vị không được xếp hạng năm 2022

Hình 23 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Chi phí không chính thức” của các đơn vị khối SBN năm 2023 so với 2022. Đây là chỉ số có mức cải thiện điểm lớn nhất trong các chỉ số thành phần, với 13/16 đơn vị tăng điểm so với năm trước. Đơn vị tăng điểm mạnh nhất là Cục Hải quan (+3,37 điểm). Các đơn vị khác cũng có điểm số tăng đáng kể là: Sở LĐ,TB&XH (+2,37 điểm); Công an tỉnh (+2,36 điểm); Ban Quản lý Khu kinh tế (+2,35 điểm); Cục Thuế (+1,88 điểm).

**Bảng 7: Các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
11	Tỷ lệ DN đánh giá hiện tượng nhũng nhiễu là phổ biến	N	0,15	0,20	0,07	0,35
12	Tỷ lệ DN đánh giá “có mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC	N	0,21	0,16	0,00	0,41
13	Tỷ lệ DN đánh giá “có mối quan hệ” sẽ giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp	N	0,47	0,42	0,35	0,59

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
	cận các thông tin, tài liệu quan trọng của SBN					
14	Tỷ lệ DN đánh giá có hiện tượng cán bộ gây khó khăn để trực lợi	N	0,05	0,06	0,00	0,28
15	Tỷ lệ DN cho rằng chi phí không chính thức là đương nhiên tại SBN	N	0,17	0,19	0,07	0,31
16	Tình trạng DN phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ các cơ quan SBN	N	0,10	0,06	0,02	0,16
17	Tỷ lệ DN cho rằng xu hướng chi phí không chính thức tăng so với năm trước	N	0,44	0,44	0,00	0,58

Bảng 7 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Chi phí không chính thức” của khối SBN năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 7 chỉ tiêu, tất cả đều là chỉ tiêu Nghịch và được giữ nguyên như năm 2022. Nhìn chung, có 3/7 chỉ tiêu có điểm số kém tích cực hơn so với năm trước, và 3/7 chỉ tiêu có kết quả tích cực hơn.

Cụ thể, có khoảng 20% DN đánh giá hiện tượng những nhiễu là phổ biến tại các SBN (Chỉ tiêu 11), tăng 5% so với năm trước. Trong khi đó, khoảng 6% DN cho rằng có hiện tượng cán bộ gây khó khăn để trực lợi (Chỉ tiêu 14); 19% DN đánh giá chi phí không chính thức là đương nhiên tại SBN (Chỉ tiêu 15). Tất cả những con số này đều kém tích cực hơn so với năm 2022.

Bên cạnh đó, vẫn có những điểm sáng đáng ghi nhận ở chỉ số này. Khoảng 16% DN cho rằng “có mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” sẽ giúp các DN thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC (Chỉ tiêu 12); 42% DN cho rằng “có mối quan hệ” sẽ giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của SBN (Chỉ tiêu 13). Cả hai chỉ tiêu này đều giảm 5% so với tỷ lệ của năm 2022. Ngoài ra, tỷ lệ DN phản ánh chi phí không chính thức mà DN phải trả cho cán bộ SBN là đáng kể so với doanh thu (Chỉ tiêu 16) và có xu hướng tăng so với năm trước (Chỉ tiêu 17).

Như vậy, nhìn tổng thể, so với năm trước, tình trạng chi phí không chính thức tại khối SBN của Tỉnh đã có những cải thiện rất đáng ghi nhận. Mặc dù vậy, thái độ của một bộ phận cán bộ đối với chi phí không chính thức trong các SBN vẫn chưa thực sự có chuyển biến.

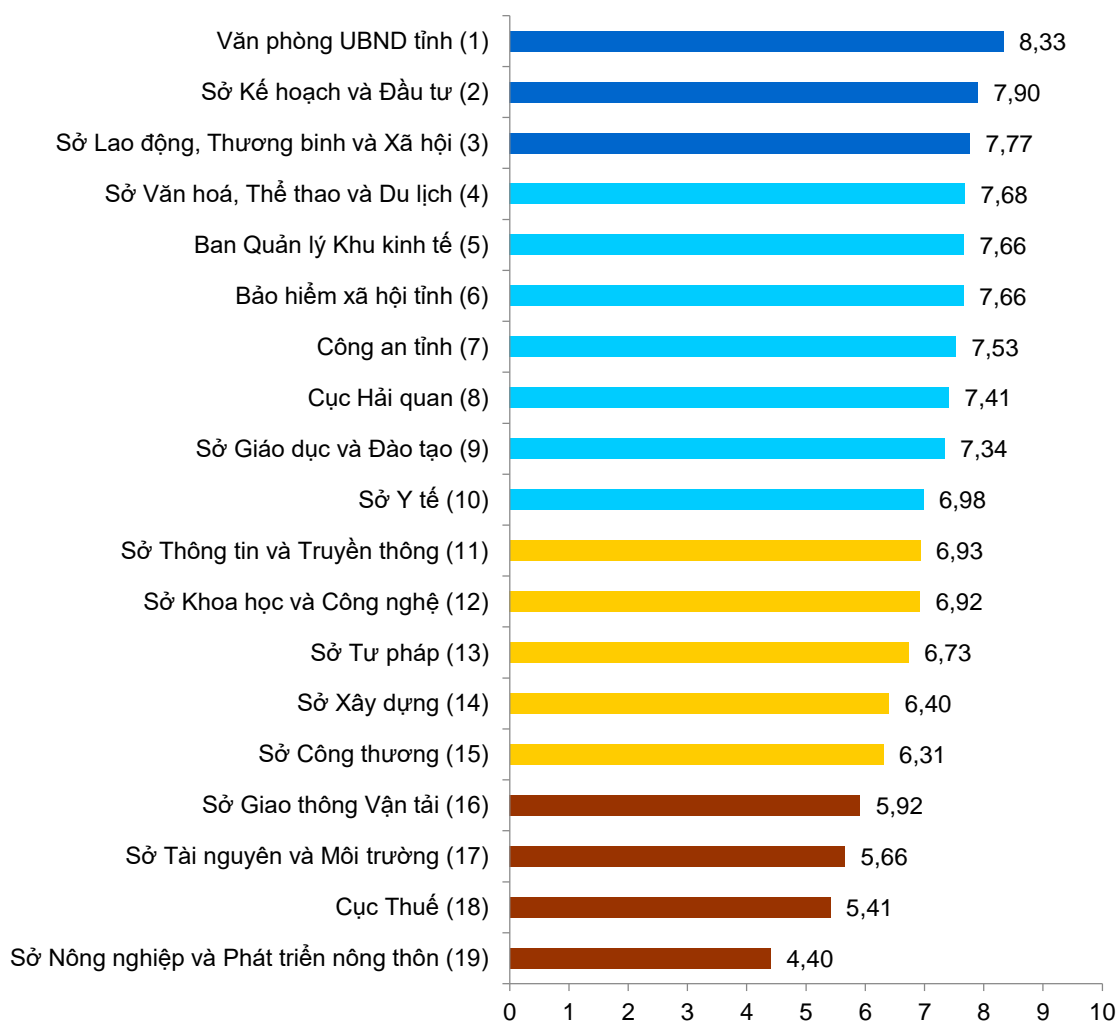
### **Ý kiến doanh nghiệp**

*Nghiêm trị nghiêm minh những hành động nhiễu doanh nghiệp*

**Doanh nghiệp SBN050 đánh giá Sở Tài nguyên và Môi trường**

## 2.4. CHỈ SỐ CHI PHÍ THỜI GIAN KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

Hình 24: Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023

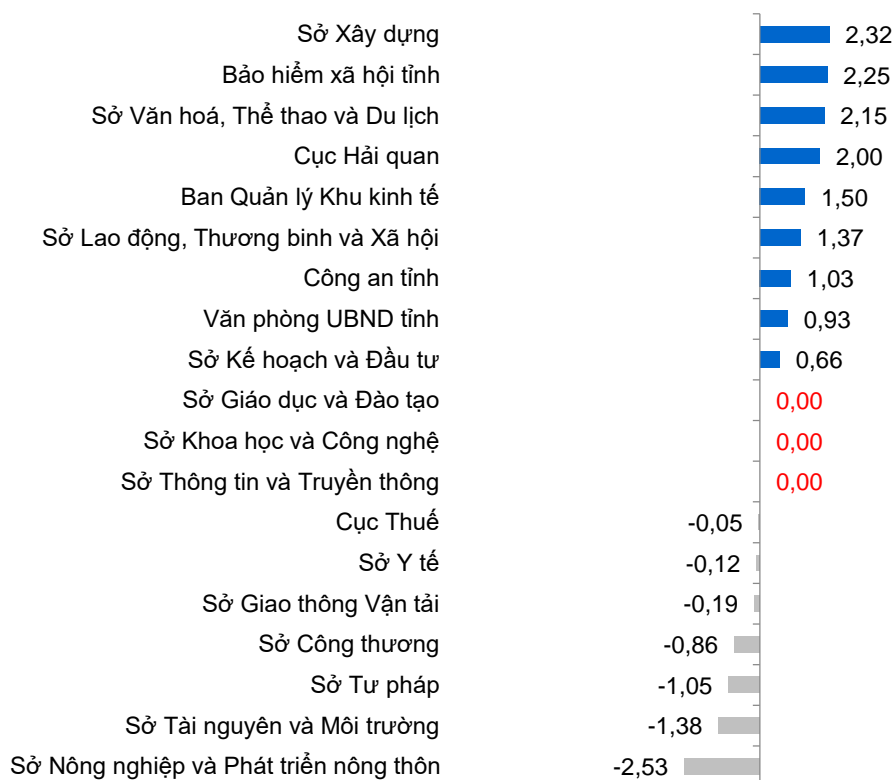


Hình 24 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Chi phí thời gian” của các đơn vị khối SBN năm 2023. Bảng xếp hạng ghi nhận Văn phòng UBND tỉnh là đơn vị đứng đầu, với 8,33 điểm. Hai đơn vị còn lại được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này là: Sở KH&ĐT (7,90 điểm); Sở LĐ,TB&XH (7,77 điểm).

Nhóm “Tốt” gồm 7 đơn vị, với điểm số dao động trong khoảng từ 6,98 đến 7,68 điểm. Nhóm “Khá” gồm 6 đơn vị, với mức điểm từ 6,31 đến 6,93 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm 4 đơn vị, với điểm số dao động từ 4,40 đến 5,92 điểm.

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Văn phòng UBND tỉnh) và đơn vị đứng cuối (Sở NN&PTNT) là 3,93 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 6,98 điểm, thuộc mức trung bình trong các chỉ số thành phần.

**Hình 25: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023 so với năm 2022**



(\* Các đơn vị có giá trị 0 được tô màu đỏ là các đơn vị không được xếp hạng năm 2022

Hình 25 miêu tả mức độ thay đổi điểm số của chỉ số “Chi phí thời gian” của các đơn vị khối SBN năm 2023 so với 2022. Tổng cộng có 9/16 đơn vị có điểm số tăng và 7/16 đơn vị có điểm số giảm so với năm trước. Sở Xây dựng là đơn vị có điểm số tăng mạnh nhất (+2,32 điểm). Bảo hiểm xã hội tỉnh (+2,25 điểm), Sở VH TT&DL (+2,15 điểm) và Cục Hải quan (+2,00 điểm) cũng là những đơn vị tăng điểm đáng kể.

**Bảng 8: Các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
18	Tỷ lệ DN phản ánh còn mất nhiều thời gian chờ đợi đến lượt giải quyết TTHC	N	0,42	0,25	0,07	0,44
19	Thời gian nhận được phản hồi "Hồ sơ đã được tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ" khi gửi hồ sơ trực tuyến	N	0,27	0,29	0,11	0,50
20	Tỷ lệ DN gặp phải tình trạng hồ sơ TTHC đã được chấp nhận hợp lệ	N	0,18	0,26	0,10	0,45

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
	nhưng bị trả lại để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ					
21	Số lần DN phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sau khi đã được tiếp nhận hợp lệ	N	0,07	0,12	0,04	0,23
22	Mức độ chủ động phối hợp giải quyết công việc liên ngành giữa các SBN	T		0,94	0,89	1,00
23	Tỷ lệ DN đánh giá cán bộ tại trung tâm hành chính công (hoặc các bộ phận có giao dịch với DN) ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực	T	0,98	0,94	0,78	1,00
24	Số lần thanh kiểm tra trong 1 năm	N	0,11	0,12	0,02	0,20
25	Thời gian của lần thanh tra, kiểm tra riêng kéo dài nhất	N	0,08	0,11	0,01	0,25
26	Tỷ lệ DN đánh giá thời gian làm việc trong những lần thanh, kiểm tra riêng là hợp lý hoặc chấp nhận được	T		0,98	0,91	1,00
27	Tỷ lệ DN đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh	N	0,10	0,11	0,00	0,50

Bảng 8 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Chi phí thời gian” của các đơn vị khối SBN năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 10 chỉ tiêu, trong đó có 3 chỉ tiêu Thuận và 7 chỉ tiêu Nghịch.

Liên quan tới công tác giải quyết TTHC, trung bình toàn tỉnh có khoảng 25% DN phản ánh còn mất nhiều thời gian chờ đợi tại Bộ phận một cửa hoặc các địa điểm tiếp nhận hồ sơ của các SBN để đến lượt giải quyết TTHC (Chỉ tiêu 18), cải thiện đáng kể so với tỷ lệ của năm 2022 (42%). Khoảng 26% DN cho biết từng gặp phải tình trạng hồ sơ TTHC đã được chấp nhận hợp lệ nhưng bị trả lại để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Chỉ tiêu 20).

Đối với các hồ sơ TTHC được thực hiện theo phương thức trực tuyến: 47% DN nhận được phản hồi “Hồ sơ đã được tiếp nhận” trong 8 giờ làm việc hoặc trong ngày; 48% DN nhận được phản hồi trong vòng từ 2 đến 5 ngày làm việc; và 5% DN cho biết nhận được thông báo sau khoảng thời gian trên 5 ngày làm việc.

Nhìn chung, chất lượng giải quyết TTHC của các SBN năm 2023 được cộng đồng DN đánh giá tích cực. Điều này được thể hiện qua tỷ lệ 94% DN nhận định cán bộ tại cơ quan chủ động phối hợp giải quyết công việc liên ngành giữa các SBN (Chỉ tiêu 22), và cán bộ ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực (Chỉ tiêu 23).

Về hoạt động thanh tra, kiểm tra, có khoảng 11% DN được thanh kiểm tra cho biết, hoạt động này gây cản trở đáng kể tới quá trình sản xuất - kinh doanh của DN (Chỉ tiêu 27). Đáng lưu ý, ở một số đơn vị, tỷ lệ này thậm chí lên tới 50%.

Như vậy, so với năm trước, nhìn chung các SBN đã có cải thiện trong việc giảm thời gian chờ làm TTHC cho các DN. Tuy nhiên, tình trạng mất thời gian do phải chỉnh sửa lại tăng lên. Hoạt động thanh kiểm tra vẫn gây khó khăn cho một số DN.

### **Ý kiến doanh nghiệp**

*Hỗ trợ giải quyết nhanh các thủ tục hành chính.*

**Doanh nghiệp SBN055 đánh giá Sở Tài nguyên và Môi trường**

*Rút gọn các thủ tục hành chính, tránh làm mất thời gian quá nhiều cho doanh nghiệp. Các thủ tục hành chính nên đơn giản, dễ hiểu hơn.*

**Doanh nghiệp SBN059 đánh giá Ban Quản lý khu kinh tế**

*1. Ứng dụng các thủ tục nhanh gọn, tiết kiệm thời gian chi phí cho Doanh nghiệp.*

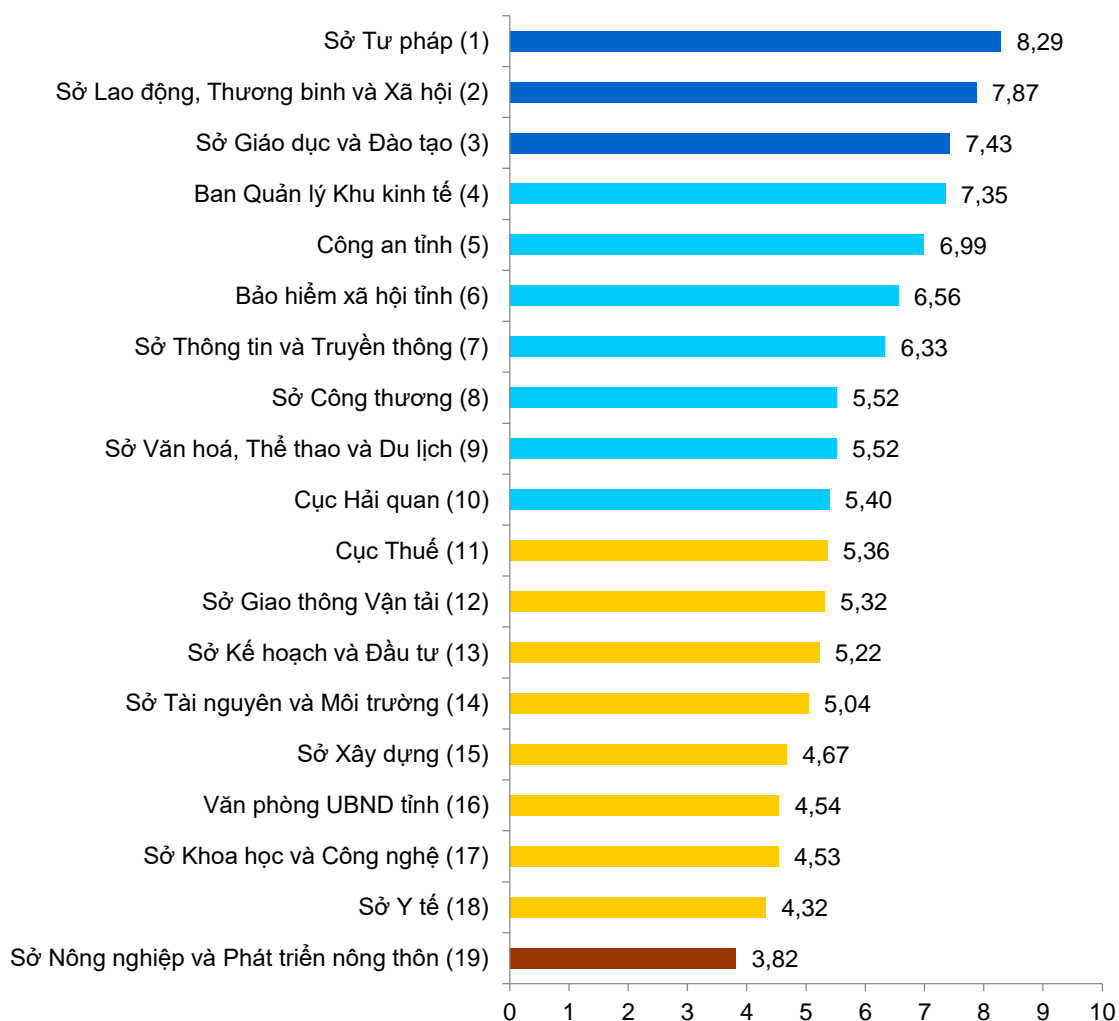
*2. Cập nhật, tương tác linh động với Doanh nghiệp trong ứng dụng chính sách mới.*

**Doanh nghiệp SBN063 đánh giá Công an tỉnh**



## 2.5. CHỈ SỐ CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

Hình 26: Xếp hạng và điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023

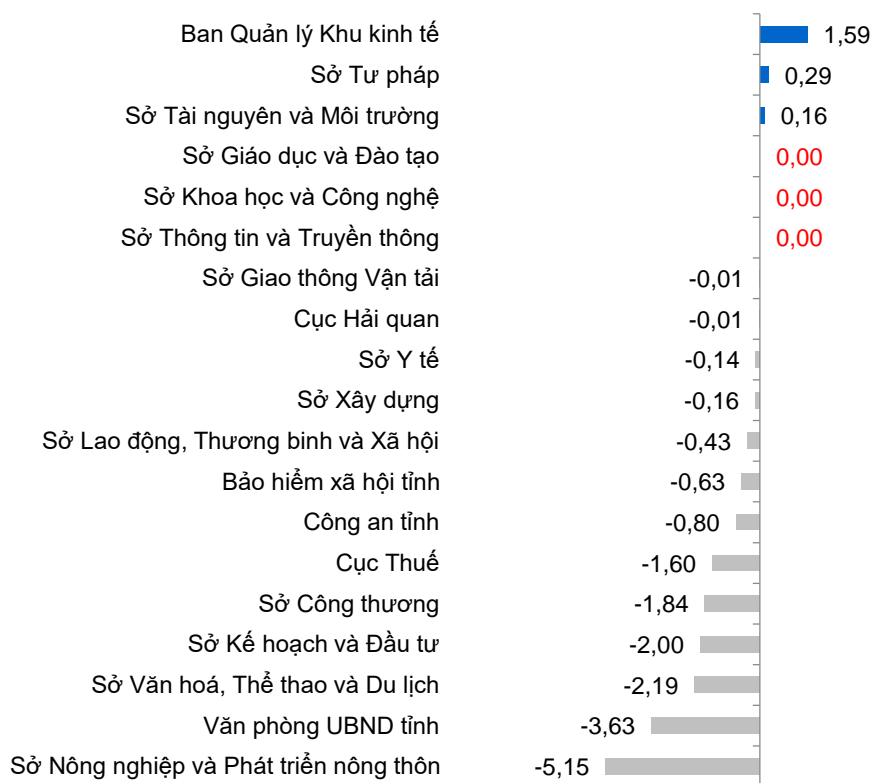


Hình 26 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” của các đơn vị khối SBN năm 2023. Đứng đầu là Sở Tư pháp, với 8,29 điểm. Theo sau lần lượt là Sở LĐ, TB&XH (7,87 điểm) và Sở GD&ĐT (7,43 điểm), hai đơn vị cũng được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.

Nhóm “Tốt” bao gồm 7 đơn vị, với điểm số dao động ở mức từ 5,40 đến 7,35 điểm. Nhóm “Khá” gồm 8 đơn vị, với điểm số dao động từ 4,32 đến 5,36 điểm. Đơn vị duy nhất thuộc nhóm “Chưa tốt” là Sở NN&PTNT, với 3,82 điểm.

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối là 4,47 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 5,40 điểm, thuộc mức thấp trong các chỉ số thành phần.

**Hình 27: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023 so với 2022**



(\* Các đơn vị có giá trị 0 được tô màu đỏ là các đơn vị không được xếp hạng năm 2022

Hình 27 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” của các đơn vị khối SBN năm 2023 so với 2022. Có 3/16 đơn vị tăng điểm và 13/16 đơn vị giảm điểm so với năm trước. Ba đơn vị duy nhất có sự cải thiện điểm số là: Ban Quản lý Khu kinh tế (+1,59 điểm); Sở Tư pháp (+0,29 điểm); Sở TN&MT (+0,16 điểm).

**Bảng 9: Các chỉ tiêu của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
28	Tỷ lệ DN phản ánh Hồ sơ mời thầu dường như có “cài cắm” nhiều tiêu chí, điều kiện hạn chế sự tham gia của các DN có năng lực	N		0,54	0,00	1,00
29	Mức độ hiện diện của DN sâu sau và DN thân hữu của SBN	N	0,18	0,19	0,04	0,30

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
30	Tỷ lệ DN nhận định SBN ưu tiên thu hút đầu tư từ các DN lớn hơn là phát triển DN nhỏ và vừa	N	0,24	0,31	0,14	0,47
31	Tỷ lệ DN đánh giá việc SBN dành ưu tiên cho các DN lớn gây khó khăn cho DN nhỏ và vừa	N	0,25	0,27	0,09	0,45
32	Tỷ lệ DN phản ánh SBN có thái độ tích cực với hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân	T	0,74	0,85	0,74	0,93
33	Tỷ lệ DN cho rằng hoạt động đối thoại DN chủ yếu tập hợp DN lớn	N	0,33	0,31	0,11	0,63
34	Tỷ lệ DN cho rằng sự quan tâm của SBN dành cho DN không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của DN	T	0,68	0,75	0,63	0,86

Bảng 9 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” của khối SBN năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 7 chỉ tiêu, bao gồm 2 chỉ tiêu Thuận và 5 chỉ tiêu Nghịch.

Về khía cạnh ưu ái dành cho DN thân hữu và DN lớn, trung bình 54% DN phản ánh hồ sơ mời thầu dường như có “cài cắm” nhiều tiêu chí, điều kiện hạn chế sự tham gia của các DN có năng lực (Chỉ tiêu 28); 19% DN cho biết có sự hiện diện của DN thân hữu và DN thân hữu với cán bộ của SBN (Chỉ tiêu 29); 31% DN nhận định SBN ưu tiên thu hút đầu tư từ các DN lớn hơn là phát triển DN nhỏ và vừa (Chỉ tiêu 30); 27% DN cho rằng những ưu tiên của SBN dành cho các DN lớn gây khó khăn cho DN nhỏ và vừa (Chỉ tiêu 31).

Về khía cạnh đối xử bình đẳng, khoảng 85% DN phản ánh SBN có thái độ tích cực với hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân (Chỉ tiêu 32) và 75% DN đánh giá sự quan tâm của SBN dành cho DN không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của DN (Chỉ tiêu 34). Tuy nhiên, vẫn có khoảng 31% DN cho rằng hoạt động đối thoại chủ yếu tập hợp DN lớn (Chỉ tiêu 33).

Như vậy, mặc dù có một số chỉ tiêu được DN đánh giá tích cực hơn so với năm trước (như hoạt động đối thoại), các SBN cần tiếp tục cải thiện chỉ số Cạnh tranh bình đẳng và dành sự quan tâm hơn nữa đến nhóm DNNVV.

### **Ý kiến doanh nghiệp**

- Có kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Đẩy mạnh công tác phát triển kinh tế của tỉnh nhà

**Doanh nghiệp SBN075 đánh giá Công an tỉnh**

- Cần thông tin các danh mục đấu thầu, đầu tư cho doanh nghiệp tư rộng rãi trên nhiều nền tảng, trang mạng xã hội, để doanh nghiệp dễ tiếp cận

- Công khai hạng mục đầu tư trước thời hạn dài ngày

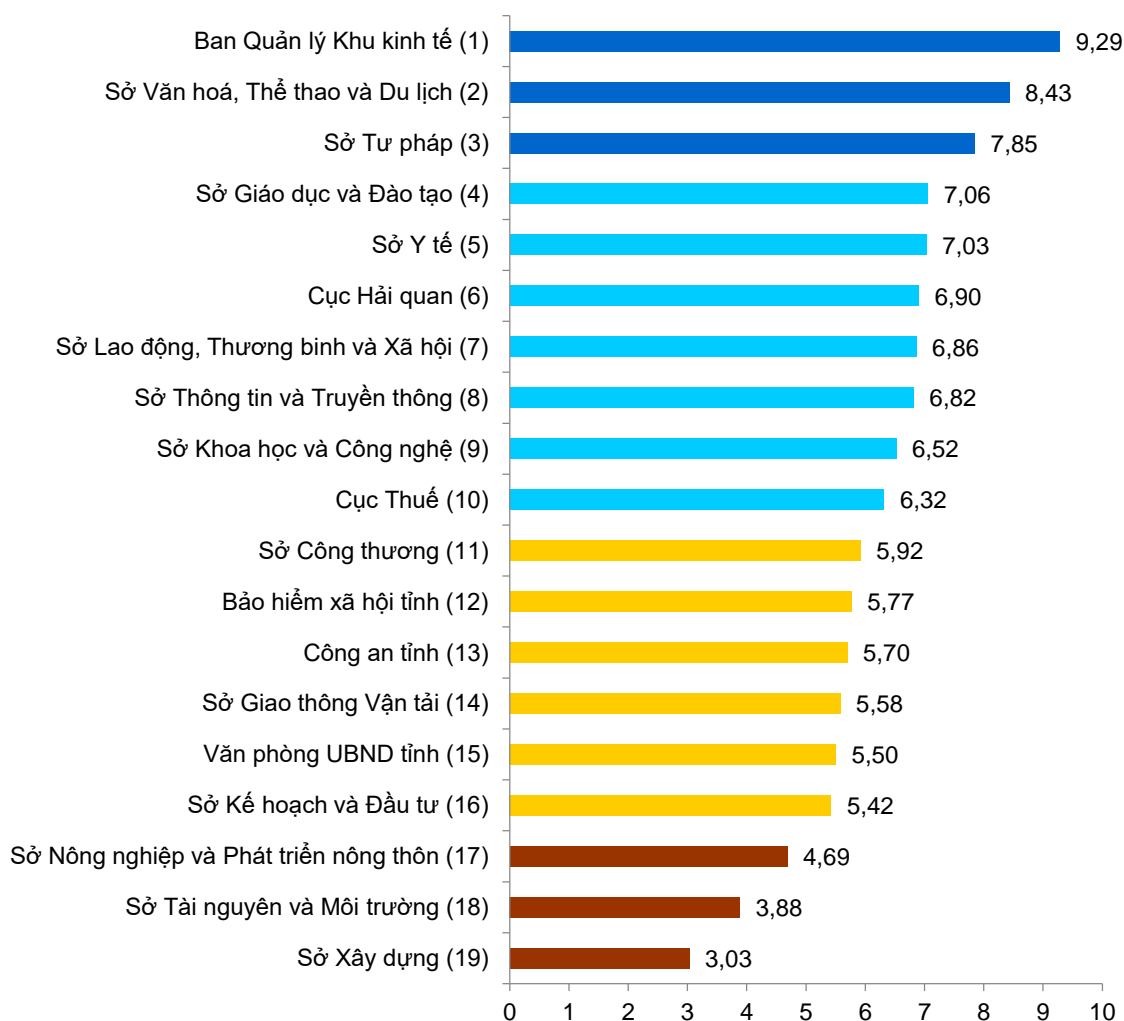
**Doanh nghiệp SBN064 đánh giá Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Doanh nghiệp mong muốn Sở tiếp tục quan tâm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện, ưu tiên cho các doanh nghiệp trên địa bàn để các doanh nghiệp cải thiện nâng cao đời sống công nhân viên.

**Doanh nghiệp SBN105 đánh giá Sở Y tế**

## 2.6. CHỈ SỐ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

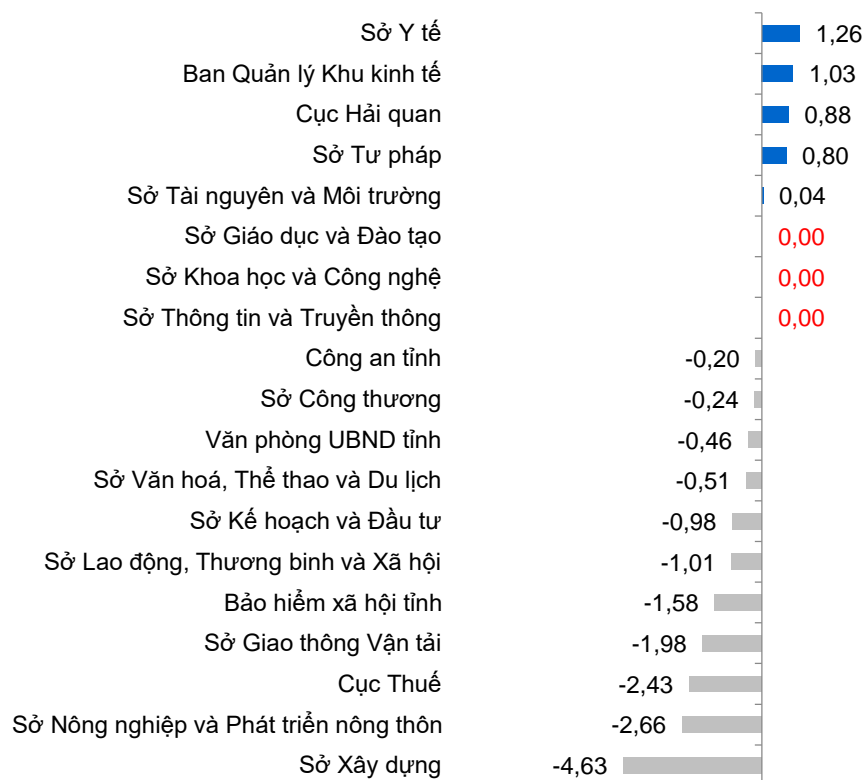
Hình 28: Xếp hạng và điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN năm 2023



Hình 28 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” của các đơn vị khối SBN năm 2023. Đứng đầu bảng xếp hạng là Ban Quản lý Khu kinh tế, với 9,29 điểm. Theo sau lần lượt là Sở VH TT&DL (8,43 điểm) và Sở Tư pháp (7,85 điểm). Đây cũng là 3 đơn vị được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.

Nhóm “Tốt” gồm 7 đơn vị, với điểm số dao động ở mức từ 6,32 đến 7,06 điểm. Nhóm “Khá” gồm 6 đơn vị, với điểm số trong khoảng từ 5,42 đến 5,92 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm 3 đơn vị, với các mức điểm lần lượt là: 4,69 điểm; 3,88 điểm và 3,03 điểm.

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Ban Quản lý Khu kinh tế) và đơn vị đứng cuối (Sở Xây dựng) là 6,26 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 6,32 điểm, thuộc mức trung bình trong các chỉ số thành phần.

**Hình 29: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN năm 2023 so với 2022**

(\*) Các đơn vị có giá trị 0 được tô màu đỏ là các đơn vị không được xếp hạng năm 2022

Hình 29 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” của các đơn vị khối SBN năm 2023 so với 2022. Chỉ có 5/16 đơn vị có điểm số tăng, trong khi có đến 11/16 đơn vị có điểm số giảm ở chỉ số này. Đồng thời, mức giảm ở các đơn vị là khá cao.

Đối với những đơn vị có điểm số tăng: đơn vị có mức cải thiện điểm đáng kể nhất là Sở Y tế (+1,26 điểm); 3 đơn vị còn lại có mức tăng 0,80 – 1,03 điểm. Ở chiều ngược lại, Sở Xây dựng là đơn vị có điểm số giảm nhiều nhất, ở mức -4,63 điểm. Ngoài ra, Sở NN&PTNT (-2,66 điểm), Cục Thuế (-2,43 điểm), Sở GTVT (-1,98 điểm) và Bảo hiểm xã hội tỉnh (-1,58 điểm) cũng là những đơn vị giảm điểm đáng kể.

**Bảng 10: Các chỉ tiêu của chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
35	Mức độ DN đã tham gia/hưởng các chương trình hỗ trợ của SBN	T		0,19	0,10	0,29
36	Mức độ DN đánh giá thủ tục để tham gia/được hưởng các chương trình hỗ trợ của SBN là dễ dàng	T	0,99	0,99	0,96	1,00

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
37	Tỷ lệ DN đánh giá chương trình hỗ trợ DN của SBN là thực chất	T	0,87	0,90	0,83	1,00
38	Tỷ lệ DN đánh giá hoạt động hỗ trợ DN của SBN đã có cải thiện nhiều	T	0,87	0,87	0,71	0,95
39	Tỷ lệ DN đánh giá cán bộ của SBN hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết TTTC cho DN nhanh chóng, nhiệt tình	T	0,96	0,91	0,78	1,00
40	Tỷ lệ DN được mời tham gia các chương trình đối thoại DN của SBN	T	0,36	0,37	0,23	0,62
41	Chất lượng của hoạt động đối thoại của SBN	T	0,95	0,95	0,88	1,00

Bảng 10 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” của khối SBN năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 7 chỉ tiêu, tất cả đều là chỉ tiêu Thuận và được giữ nguyên như năm 2022.

Liên quan đến hoạt động hỗ trợ DN, 99% DN đánh giá thủ tục để tham gia/hưởng các chương trình hỗ trợ là dễ dàng (Chỉ tiêu 36); 90% DN cho rằng các chương trình hỗ trợ DN của SBN là thực chất (Chỉ tiêu 37); 87% DN đánh giá hoạt động hỗ trợ đã có cải thiện nhiều so với năm trước (Chỉ tiêu 38).

Về công tác phục vụ DN trong xử lý TTTC, 91% DN đánh giá cán bộ của SBN hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết TTTC cho DN nhanh chóng, nhiệt tình (Chỉ tiêu 39).

Liên quan đến hoạt động đối thoại DN, khoảng 37% cho biết DN đã được mời tham gia các chương trình đối thoại DN do SBN tổ chức trong năm 2023 (Chỉ tiêu 40). Trung bình so với số doanh nghiệp đã tham gia hoạt động đối thoại, có 95% DN đánh giá tích cực về chất lượng của những hoạt động đối thoại này (Chỉ tiêu 41), cho rằng: vấn đề, quan ngại của DN được phản ánh đầy đủ; SBN có kế hoạch cụ thể, tiếp thu và thay đổi sau đối thoại.

### **Ý kiến doanh nghiệp**

- Thủ tục làm hồ sơ nhanh chóng
- Quan tâm đến khó khăn của doanh nghiệp

**Doanh nghiệp SBN086 đánh giá Sở Công thương**

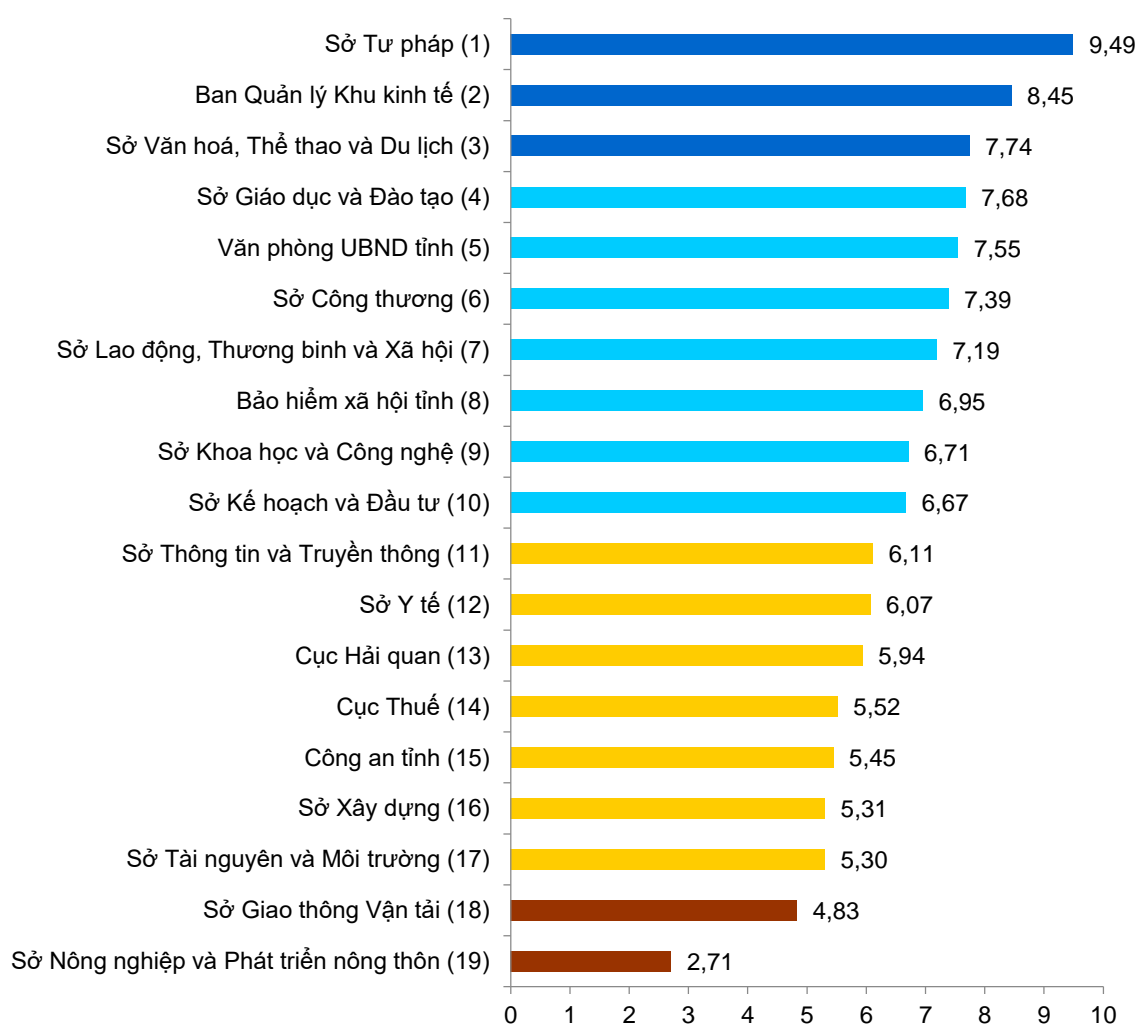
- Cải cách thủ tục hành chính.

- Tạo điều kiện giúp đỡ Doanh Nghiệp về việc thủ tục trong thời gian nhanh nhất có thể.

**Doanh nghiệp SBN096 đánh giá Sở Thông tin và Truyền thông**

## 2.7. CHỈ SỐ THIẾT CHẾ PHÁP LÝ KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

**Hình 30: Xếp hạng và điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023**



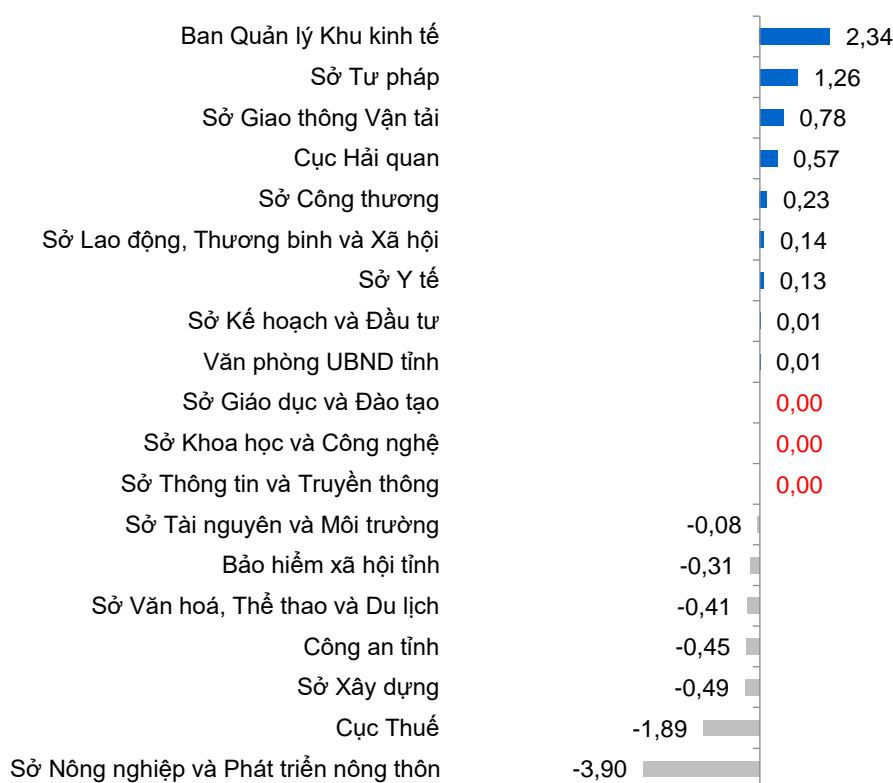
Hình 30 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Thiết chế pháp lý” của các đơn vị khối SBN năm 2023. Đứng đầu bảng xếp hạng là Sở Tư pháp, với 9,49 điểm. Hai vị trí tiếp theo lần lượt thuộc về Ban Quản lý Khu kinh tế (8,45 điểm) và Sở VH TT & DL (7,74 điểm). Đây cũng là 3 đơn vị được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.



Nhóm “Tốt” gồm 7 đơn vị, với điểm số dao động ở mức từ 6,67 đến 7,68 điểm. Nhóm “Khá” gồm 7 đơn vị, với điểm số trong khoảng từ 5,30 đến 6,11 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm 2 đơn vị, với các mức điểm là 4,83 và 2,71 điểm.

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Sở Tư pháp) và đơn vị đứng cuối (Sở NN&PTNT) là 6,78 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 6,67 điểm, thuộc mức khá trong các chỉ số thành phần.

**Hình 31: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023 so với 2022**



(\*) Các đơn vị có giá trị 0 được tô màu đỏ là các đơn vị không được xếp hạng năm 2022

Hình 31 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Thiết chế pháp lý” của các đơn vị khối SBN năm 2023 so với 2022. Có 9/16 đơn vị có điểm số tăng, trong khi 7/16 đơn vị còn lại có điểm số giảm ở chỉ số này.

Đơn vị có mức điểm tăng ấn tượng nhất là Ban Quản lý Khu kinh tế (+2,34 điểm). Sở Tư pháp cũng có điểm số tăng khá mạnh (+1,26 điểm). Ở chiều ngược lại, Sở NN&PTNT là đơn vị giảm điểm đáng kể nhất, ở mức -3,90 điểm.

**Bảng 11: Các chỉ tiêu của chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
42	Tỷ lệ DN đánh giá SBN cung cấp kịp thời và đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành liên quan đến lĩnh vực quản lý	T	0,88	0,89	0,79	1,00
43	Tỷ lệ DN đánh giá văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của SBN do cấp tỉnh ban hành chậm so với nhu cầu thực tiễn	N	0,44	0,44	0,29	0,62
44	Tỷ lệ DN đánh giá văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của SBN do cấp tỉnh ban hành trong năm qua có tính khả thi thấp	N	0,39	0,42	0,19	0,59
45	Tỷ lệ DN đánh giá SBN thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng	T	0,94	0,94	0,79	1,00
46	Tỷ lệ DN đánh giá SBN thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy định, quy trình	T	0,98	0,95	0,86	1,00
47	Tỷ lệ DN tin tưởng việc phản ánh lên cấp trên sẽ được giải quyết đúng nếu gặp cán bộ của SBN làm trái với các quy định của pháp luật hoặc cố tình gây khó khăn cho DN	T	0,69	0,72	0,59	0,86

Bảng 11 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Thiết chế pháp lý” của khối SBN năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 6 chỉ tiêu, trong đó có 4 chỉ tiêu Thuận và 2 chỉ tiêu Nghịch.

Liên quan đến công tác ban hành VBQPPL, trung bình có 89% DN ghi nhận SBN cung cấp kịp thời và đầy đủ các VBQPPL mới ban hành liên quan đến lĩnh vực quản lý (Chỉ tiêu 42). Tuy nhiên, vẫn có tới 44% DN cho rằng các VBQPPL liên quan đến lĩnh vực quản lý của SBN do cấp tỉnh ban hành chậm so với nhu cầu thực tiễn (Chỉ tiêu 43); và 42% DN đánh giá những VBQPPL này trong năm qua có tính khả thi thấp (Chỉ tiêu 44).

Về khía cạnh thực thi văn bản pháp luật, trung bình có khoảng 95% DN đánh giá SBN thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy định, quy trình (Chỉ tiêu 46). Tuy giảm nhẹ so với con số của năm

2022 (98%), nhưng đây vẫn là một tỷ lệ đánh giá tích cực rất cao. Bên cạnh đó, khoảng 94% DN đánh giá SBN thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng (Chỉ tiêu 45); và 72% DN tin tưởng việc phản ánh lên cấp trên sẽ được giải quyết đúng nếu gặp cán bộ của SBN làm trái với các quy định của pháp luật hoặc cố tình gây khó khăn cho DN (Chỉ tiêu 47).

Như vậy, chỉ số Thiết chế pháp lý của khối SBN đã được cộng đồng DN ghi nhận có một số điểm tích cực nhưng vẫn cần cải thiện hơn nữa, đặc biệt là về tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của SBN do cấp tỉnh ban hành và tính thực tiễn của các văn bản quy phạm pháp luật ban hành.

### **Ý kiến doanh nghiệp**

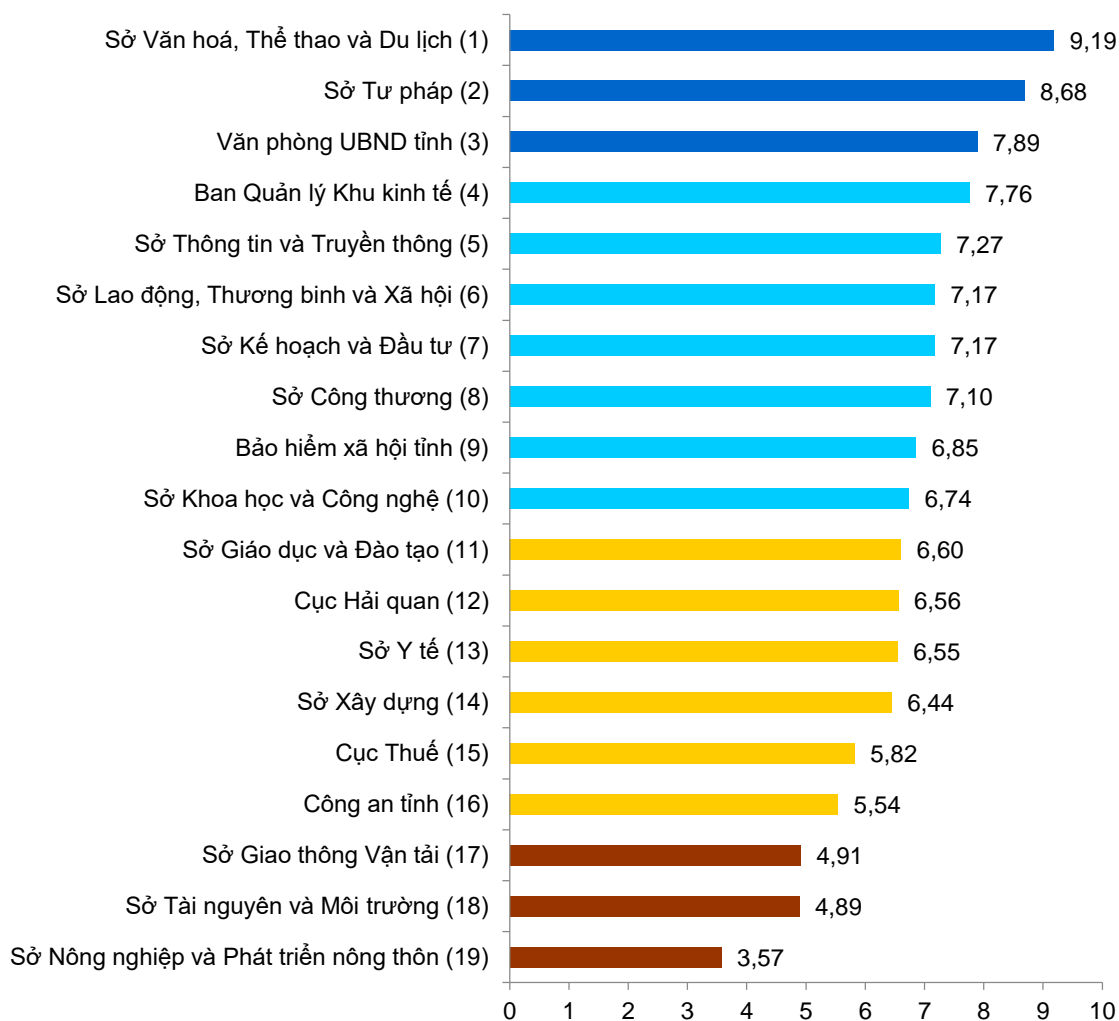
- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, cập nhật các thông tin pháp luật liên quan nhanh nhất có thể để áp dụng thực hiện được đúng và tốt hơn.

- Tiếp tục duy trì tổ chức các buổi hội nghị để tuyên truyền, giải đáp pháp luật liên quan.

**Doanh nghiệp SBN142 đánh giá Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

## 2.8. CHỈ SỐ TÍNH NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

Hình 32: Xếp hạng và điểm số chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN năm 2023

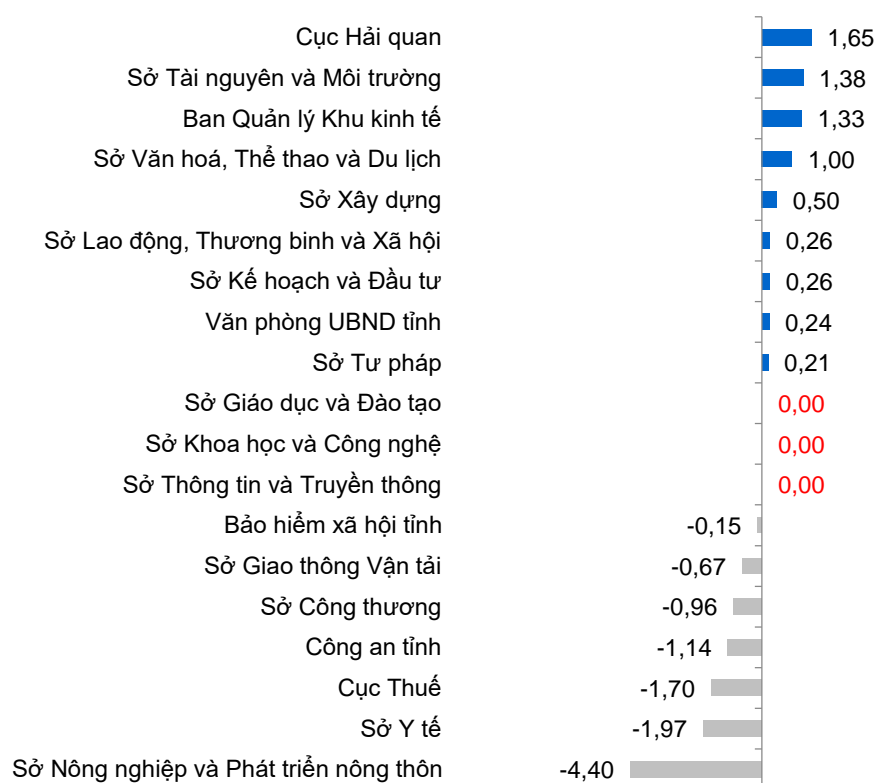


Hình 32 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN” năm 2023. Đơn vị đứng đầu là Sở VH TT & DL, với 9,19 điểm. Theo sau là Sở Tư pháp (8,68 điểm) và Văn phòng UBND tỉnh (7,89 điểm). Đây là 3 đơn vị được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.

Nhóm “Tốt” gồm 7 đơn vị, với mức điểm dao động trong khoảng từ 6,74 đến 7,76 điểm. Nhóm “Khá” gồm 6 đơn vị, với các mức điểm trong khoảng từ 5,54 đến 6,60 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm 3 đơn vị, đều có mức điểm dưới 5,00.

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Sở VH TT & DL) và đơn vị đứng cuối (Sở NN & PTNT) là 5,62 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 6,74 điểm, thuộc mức khá cao trong các chỉ số thành phần.

**Hình 33: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN năm 2023 so với 2022**



(\* Các đơn vị có giá trị 0 được tô màu đỏ là các đơn vị không được xếp hạng năm 2022

Hình 33 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN” năm 2023 so với 2022. Có 9/16 đơn vị có điểm số tăng, trong khi 7/16 đơn vị còn lại có điểm số giảm ở chỉ số này.

Đơn vị có mức điểm tăng ấn tượng nhất là Cục Hải quan (+1,65 điểm). Các đơn vị khác cũng có điểm số tăng đáng kể là Sở TN&MT (+1,38 điểm), Ban Quản lý Khu kinh tế (+1,33 điểm) và Sở VH&DL (+1,00 điểm).

**Bảng 12: Các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
48	Tỷ lệ DN hài lòng về khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn của SBN	T	0,96	0,91	0,83	1,00

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
49	Tỷ lệ DN đánh giá SBN chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất hoặc giải pháp hỗ trợ DN	T	0,94	0,92	0,86	1,00
50	Tỷ lệ DN đánh giá SBN sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN của tỉnh	T	0,94	0,92	0,86	1,00
51	Tỷ lệ DN đánh giá SBN đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ DN	T	0,44	0,73	0,50	1,00
52	Tỷ lệ DN đồng ý với nhận định SBN đã đóng góp tích cực vào việc cải thiện môi trường đầu tư, hoạt động hỗ trợ đầu tư chung của tỉnh	T		0,91	0,76	1,00
53	Tỷ lệ DN đánh giá SBN có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	N	0,30	0,19	0,07	0,43
54	Mức độ hài lòng đối với cổng thông tin điện tử	T	0,68	0,88	0,81	1,00
55	Mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ trong việc thực hiện TTHC	T	0,72	0,89	0,67	1,00

Bảng 12 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN” năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 8 chỉ tiêu, trong đó có 7 chỉ tiêu Thuận và 1 chỉ tiêu Nghịch.

Theo khảo sát, trên 91% DN ghi nhận SBN đã nắm bắt và xử lý tốt những bất cập, vướng mắc của DN; chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất hoặc giải pháp hỗ trợ DN; và sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN (Các chỉ tiêu 48, 49, 50). Đặc biệt, tỷ lệ DN cho rằng SBN có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh (Chỉ tiêu 53) đã giảm mạnh, từ 30% (năm 2022) xuống còn 19% (năm 2023). Đồng thời, khi đánh giá cụ thể, có đến 73% DN cho biết SBN đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ DN (Chỉ tiêu 51), tăng mạnh so với con số của năm 2022 (44%). Ngoài ra, chỉ tiêu mới cũng nhận được tỷ lệ đánh giá tích cực cao, với 91% DN đồng ý rằng SBN đã đóng góp tích cực vào việc cải thiện môi trường đầu tư, hoạt động hỗ trợ đầu tư chung của tỉnh (Chỉ tiêu 52).

Như vậy, có thể thấy, cộng đồng DN đánh giá tương đối kém tích cực về tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của các SBN. Tính chủ động, sáng tạo, và khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn của SBN đều giảm.

**Ý kiến doanh nghiệp**

- Đồng ý với năng lực điều hành của Văn phòng UBND tỉnh
- Đồng ý cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp của Văn phòng UBND tỉnh

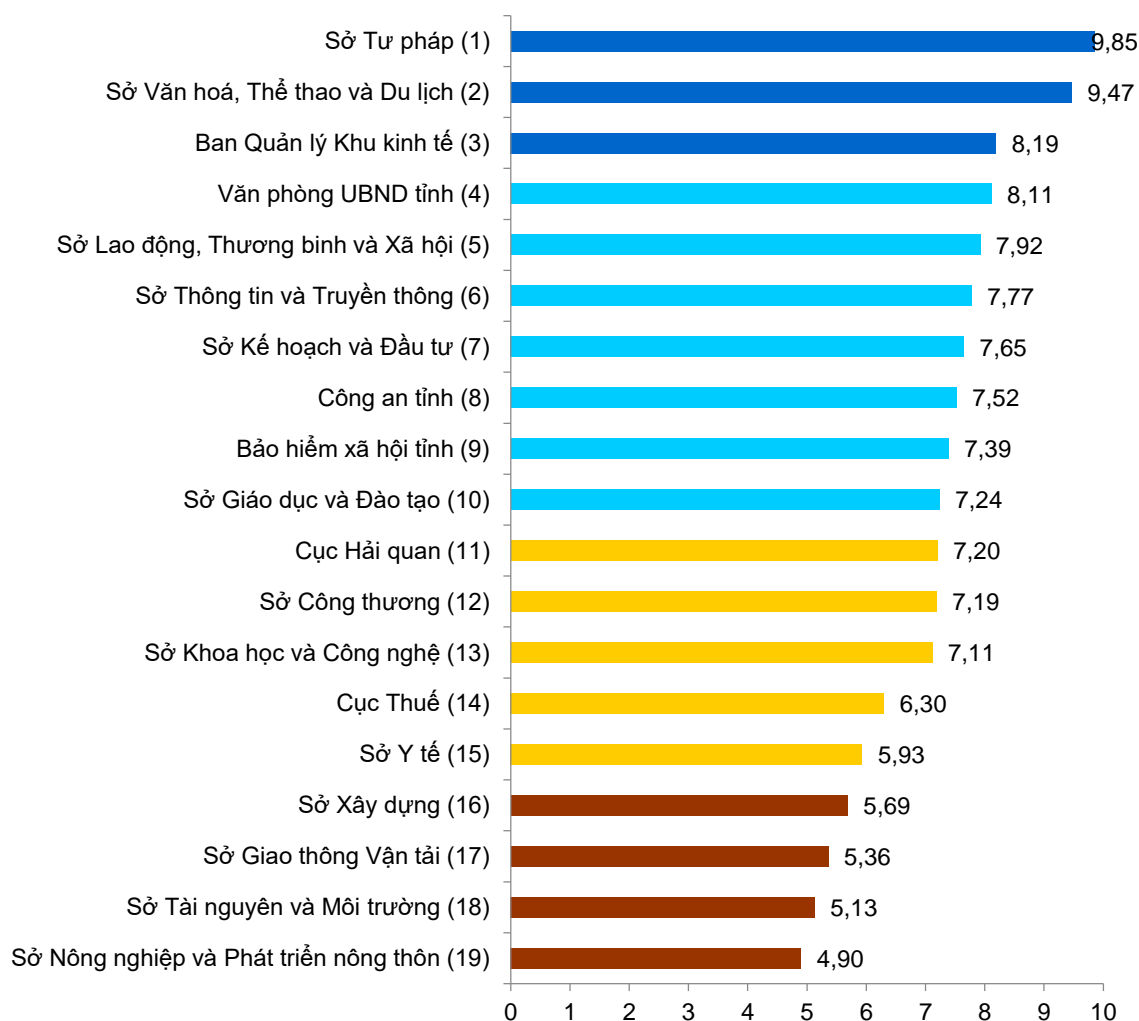
**Doanh nghiệp SBN150 đánh giá Văn phòng UBND tỉnh**

- Tăng cường quảng bá hình ảnh, điểm mạnh của tỉnh Bình Phước đến trong và ngoài nước thông qua các buổi triển lãm có đầu tư bài bản, các lễ hội, các hoạt động thể thao ...
- Tham mưu xây dựng kết nối vùng, các tour tuyến khoa học

**Doanh nghiệp SBN172 đánh giá Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

## 2.9. CHỈ SỐ VAI TRÒ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

Hình 34: Xếp hạng và điểm số chỉ số Vai trò người đứng đầu SBN năm 2023

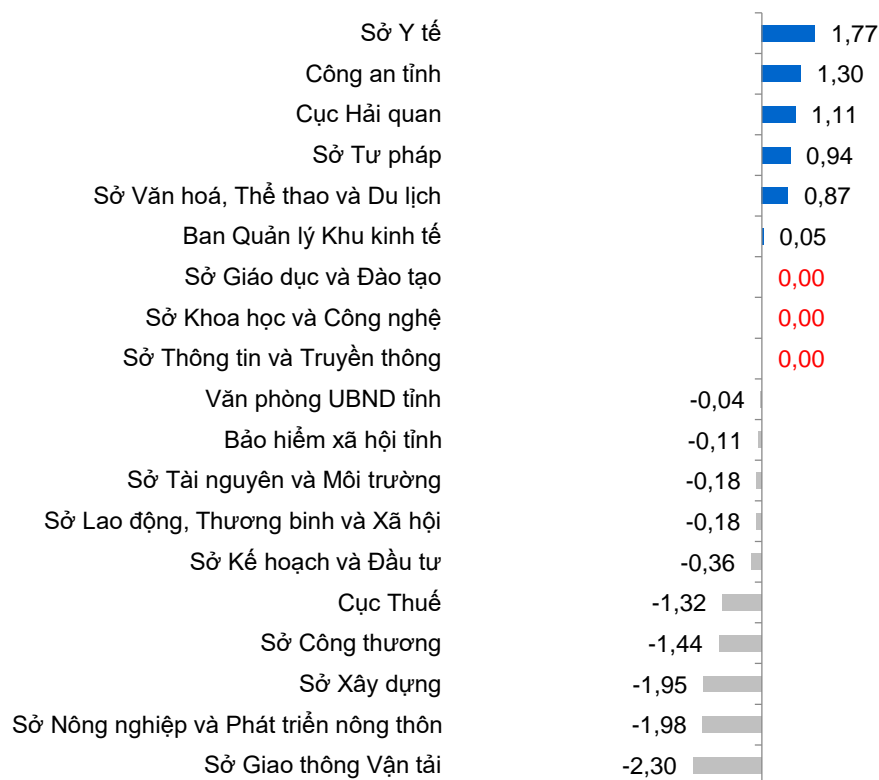


Hình 34 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Vai trò người đứng đầu SBN” năm 2023. Đây là chỉ số có điểm trung bình cao trong các chỉ số thành phần (7,03 điểm).

Sở Tư pháp là đơn vị đứng đầu chỉ số, với 9,85 điểm. Theo sau là Sở VH TT&DL và Ban Quản lý Khu kinh tế, với các mức điểm cũng rất cao, lần lượt là 9,47 và 8,19 điểm. Đây là 3 đơn vị được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.

Nhóm “Tốt” gồm 7 đơn vị, với điểm số dao động từ 7,24 đến 8,11 điểm. Nhóm “Khá” gồm 5 đơn vị, với các mức điểm dao động từ 5,93 đến 7,20 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm 4 đơn vị, với điểm số ở các mức từ 4,90 đến 5,69 điểm. Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Sở Tư pháp) và đơn vị đứng cuối (Sở NN&PTNT) là 4,95 điểm.



**Hình 35: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Vai trò người đứng đầu SBN năm 2023 so với 2022**

(\* Các đơn vị có giá trị 0 được tô màu đỏ là các đơn vị không được xếp hạng năm 2022

Hình 35 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Vai trò người đứng đầu SBN” năm 2023 so với 2022. Có 6/16 đơn vị có điểm số tăng, trong khi 10/16 đơn vị có điểm số giảm ở chỉ số này.

Đơn vị có mức điểm tăng ấn tượng nhất là Sở Y tế (+1,77 điểm). Các đơn vị khác cũng có điểm số tăng đáng kể là Công an tỉnh (+1,30 điểm) và Cục Hải quan (+1,11 điểm). Ở chiều ngược lại, Sở GTVT là đơn vị bị giảm điểm mạnh nhất (-2,30 điểm).

**Bảng 13: Các chỉ tiêu của chỉ số Vai trò người đứng đầu SBN năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
56	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu SBN chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp TTHC tại đơn vị của mình	T	0,98	0,96	0,88	1,00
57	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu SBN quan tâm đến việc cải thiện văn	T	0,97	0,95	0,88	1,00

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
	hóa ứng xử của công chức, viên chức trong đơn vị					
58	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu SBN đề cao và phát huy vai trò của công nghệ	T	0,98	0,96	0,85	1,00
59	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu SBN có trực tiếp tham gia đối thoại với DN	T	0,85	0,86	0,75	1,00
60	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu SBN lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN	T	0,95	0,99	0,92	1,00
61	Tỷ lệ DN đánh giá lãnh đạo của SBN đã giám sát, có nhiều biện pháp kịp thời để ngăn chặn/cải thiện tình trạng những nhiễu tại các cơ quan của SBN	T		0,88	0,65	0,96
62	Tỷ lệ DN nhận định lãnh đạo SBN sát sao trong chỉ đạo, điều hành công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, kiến nghị của DN	T		0,90	0,80	1,00
63	Mức độ ủng hộ của DN với người đứng đầu SBN	T	0,70	0,86	0,78	0,97
64	Tỷ lệ DN cho rằng cần thay đổi người đứng đầu SBN	N	0,16	0,22	0,12	0,38

Bảng 13 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Vai trò người đứng đầu SBN” năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 9 chỉ tiêu, trong đó có 8 chỉ tiêu Thuận và 1 chỉ tiêu Nghịch.

Nhìn chung, hầu hết các chỉ tiêu của chỉ số “Vai trò người đứng đầu SBN” không thay đổi nhiều so với năm trước. Cụ thể, 96% DN đánh giá người đứng đầu SBN chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp TTHC tại đơn vị (chỉ tiêu 56); 95% DN đánh giá người đứng đầu quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức, viên chức (chỉ tiêu 57); 96% DN đánh giá người đứng đầu đề cao và phát huy vai trò của công nghệ (chỉ tiêu 58); 86% DN đánh giá người đứng đầu SBN có trực tiếp tham gia đối thoại với DN (chỉ tiêu 59). Đáng chú ý, 99% DN đánh giá người đứng đầu SBN lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN (Chỉ tiêu 60).

Ngoài ra, những chỉ tiêu mới của chỉ số “Vai trò người đứng đầu SBN” cũng nhận được sự đánh giá tích cực từ cộng đồng DN. Trung bình, khoảng 88% DN ghi nhận lãnh đạo của SBN đã giám sát, có nhiều

biện pháp kịp thời để ngăn chặn/cải thiện tình trạng những nhiễu tại các cơ quan; 90% DN cho rằng lãnh đạo đã sát sao trong chỉ đạo, điều hành công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, kiến nghị của DN (Chỉ tiêu 61, 62).

Về mức độ ủng hộ đối với người đứng đầu SBN (Chỉ tiêu 63): Đánh giá trên thang điểm 7 (với 1 là mức độ ủng hộ thấp nhất, và 7 là mức độ ủng hộ cao nhất), khoảng 65% DN đánh giá các mức điểm 6-7; 30% DN đánh giá mức điểm 4-5.

Như vậy, xét tổng thể, cộng đồng DN đánh giá Vai trò của người đứng đầu khối SBN có nhiều điểm tích cực về đối thoại, lắng nghe ý kiến và nhận được sự ủng hộ cao hơn đáng kể so với năm trước.

### **Ý kiến doanh nghiệp**

*Luôn lắng nghe tâm tư nguyện vọng của doanh nghiệp, kịp thời hỗ trợ những vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động*

**Doanh nghiệp SBN196 đánh giá Sở Công thương**

*1. Mong muốn được Sở quan tâm hơn đến việc kêu gọi đầu tư, xây dựng và phát triển các điểm đến du lịch trong tỉnh. Nhằm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước góp phần thúc đẩy nền kinh tế nói riêng của tỉnh và nói chung của cả nước.*

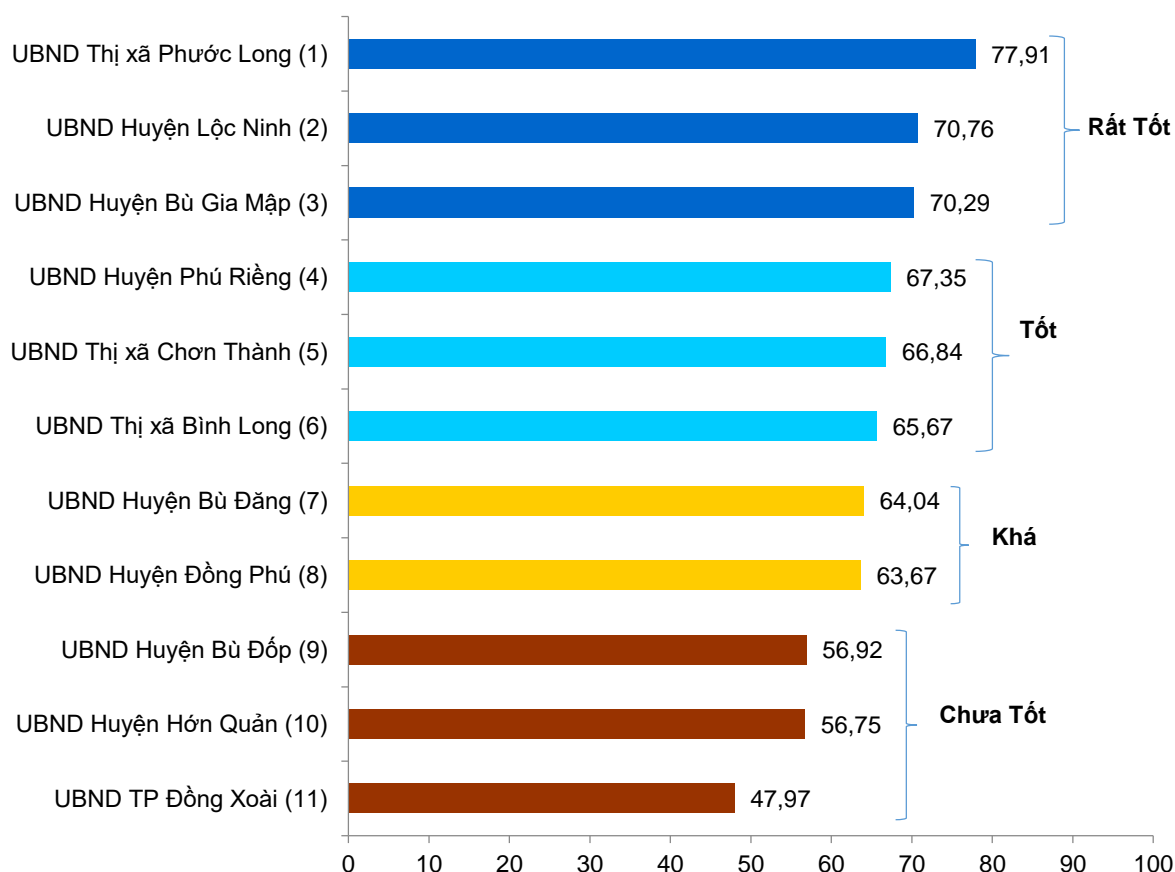
*2. Hỗ trợ các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, giao lưu học hỏi nhiều hơn*

**Doanh nghiệp SBN200 đánh giá Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

# CHƯƠNG III. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG

## 3.1. XẾP HẠNG DDCI 2023 KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

Hình 36: Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2023 khối Địa phương



Hình 36 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số DDCI Bình Phước 2023 của khối Địa phương. Bảng xếp hạng năm nay tiếp tục ghi nhận Thị xã Phước Long là đơn vị đứng đầu, với 77,91 điểm. Huyện Lộc Ninh tiếp tục giữ vị trí thứ 2, với 70,76 điểm. Như vậy, hai vị trí dẫn đầu không có sự thay đổi so với năm 2022. Vị trí thứ 3 thuộc về Huyện Bù Gia Mập, với 70,29 điểm. Tốp 3 cũng là nhóm những đơn vị được xếp hạng “Rất tốt” trên tổng số 11 địa phương của tỉnh Bình Phước.

Tiếp theo là 3 đơn vị thuộc nhóm “Tốt”, bao gồm: Huyện Phú Riềng (67,35 điểm, xếp thứ 4); Thị xã Chơn Thành (66,84 điểm, xếp thứ 5); Thị xã Bình Long (65,67 điểm, xếp thứ 6).

Nhóm “Khá” gồm 2 đơn vị: Huyện Bù Đăng (64,04 điểm, xếp thứ 7); Huyện Đồng Phú (63,67 điểm, xếp thứ 8).

Nhóm “Chưa tốt” gồm 3 đơn vị: Huyện Bù Đốp (56,92 điểm, xếp thứ 9); Huyện Hớn Quản (56,75 điểm, xếp thứ 10); TP Đồng Xoài (47,97 điểm, xếp cuối bảng).

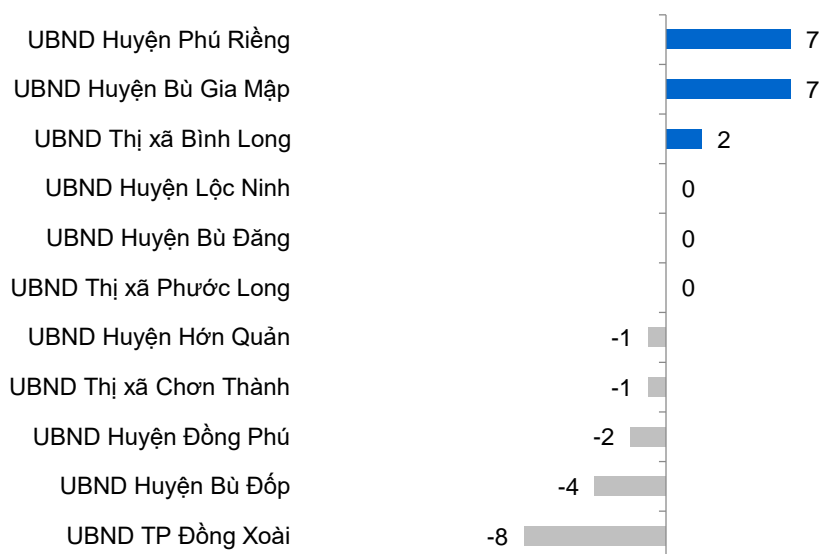
Điểm trung vị DDCI 2023 của khối Địa phương là 65,67 điểm, tăng nhẹ so với năm 2022. Đây là những mức điểm khá, ghi nhận sự đánh giá nhìn chung là tích cực của cộng đồng DN với công tác điều hành của các UBND chính quyền địa phương.

**Hình 37: Mức độ thay đổi điểm số DDCI của khối Địa phương năm 2023 so với năm 2022**

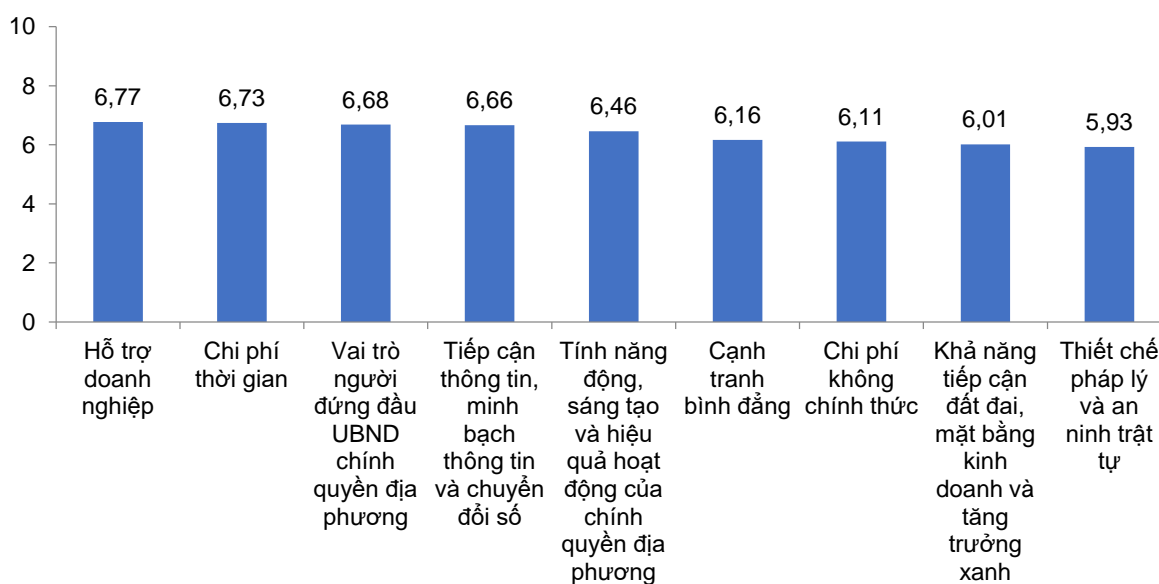


Hình 37 miêu tả mức độ thay đổi điểm số DDCI của các đơn vị khối Địa phương năm 2023 so với 2022. Có thể thấy, Huyện Phú Riềng là đơn vị có điểm số tăng ấn tượng nhất (+13,51 điểm). Tiếp theo là Huyện Bù Gia Mập (+12,29 điểm) và Thị xã Phước Long (+6,92 điểm). Hai đơn vị còn lại cũng có sự cải thiện điểm số là Thị xã Bình Long và Thị xã Chơn Thành, ở các mức +3,45 và +1,52 điểm.

Ở chiều ngược lại, TP Đồng Xoài là đơn vị bị giảm điểm mạnh nhất, ở mức -21,73 điểm. Huyện Bù Đốp cũng bị giảm điểm tương đối đáng kể (-8,22 điểm). Còn lại, Huyện Hớn Quản, Huyện Đồng Phú và Huyện Bù Đăng có mức giảm nhẹ dưới 2,00 điểm.

**Hình 38: Sự thay đổi về thứ hạng của các đơn vị khối Địa phương năm 2023 so với năm 2022**

Những thay đổi điểm số được miêu tả ở trên dẫn tới những biến động nhất định về thứ hạng của các đơn vị trên bảng xếp hạng của khối Địa phương (Hình 38). Trong khi Thị xã Phước Long, Huyện Lộc Ninh vẫn giữ vững được hai vị trí dẫn đầu và Huyện Bù Đăng duy trì vị trí thứ 7, các đơn vị khác đều có những thay đổi về thứ hạng. Huyện Bù Gia Mập và Huyện Phú Riềng cùng tăng 7 bậc, lần lượt từ vị trí thứ 10 và 11 (năm 2022) lên vị trí thứ 3 và 4 (năm 2023). Thị xã Bình Long tăng 2 bậc, vươn lên vị trí thứ 6 trên bảng xếp hạng. Ở chiều ngược lại, TP Đồng Xoài (-8 bậc) và Huyện Bù Đốp (-4 bậc) là hai đơn vị bị giảm bậc mạnh nhất.

**Hình 39: Điểm trung bình các chỉ số thành phần DDCI 2023 của khối Địa phương**

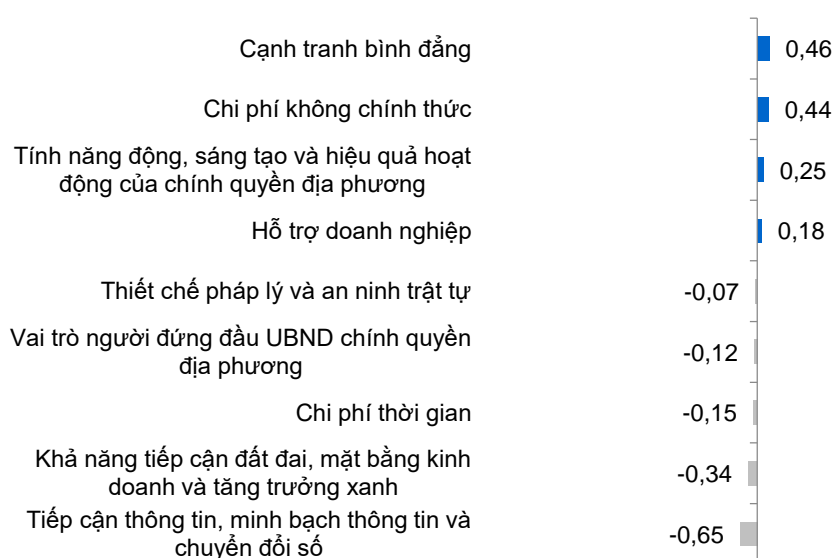
Hình 39 miêu tả điểm trung bình các chỉ số thành phần của khối Địa phương. Có thể thấy, điểm của các chỉ số khá đồng đều. Chênh lệch giữa chỉ số có điểm cao nhất và thấp nhất không đáng kể (0,84 điểm).

“Hỗ trợ doanh nghiệp” là chỉ số có điểm trung bình cao nhất, với 6,77 điểm. Tiếp theo, ba chỉ số “Chi phí thời gian”, “Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền địa phương” và “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số” có mức điểm gần như ngang bằng nhau.

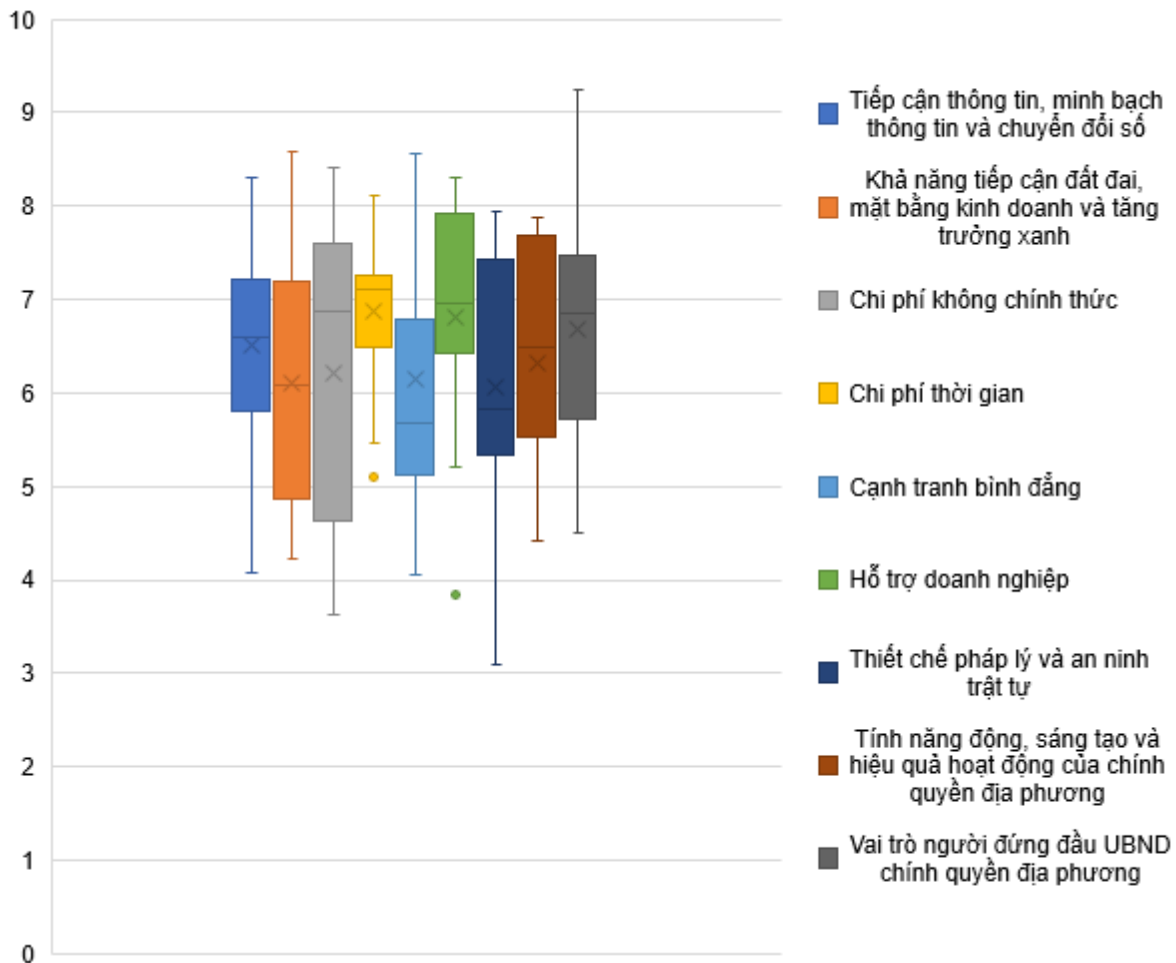
Nhóm các chỉ số “Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương”, “Cạnh tranh bình đẳng”, “Chi phí không chính thức” và “Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh” có điểm số dao động từ 6,01 đến 6,46 điểm.

Chỉ số có điểm trung bình thấp nhất là “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự”, với 5,93 điểm. Như vậy, ở cả khối SBN và Địa phương, chỉ số “Vai trò người đứng đầu” đều có điểm trung bình đứng trong top 3 những chỉ số có điểm trung bình cao nhất. Điều đó cho thấy, đây là khía cạnh mà các đơn vị ở cả hai khối đều có sự thể hiện tốt hơn so với các khía cạnh còn lại.

**Hình 40: Mức độ thay đổi điểm số của 09 chỉ số thành phần khối Địa phương năm 2023 so với năm 2022**



Hình 40 miêu tả mức độ thay đổi điểm trung bình của 09 chỉ số thành phần khối Địa phương năm 2023 so với 2022. Có 4/9 chỉ số có điểm số tăng và 5/9 chỉ số có điểm số giảm so với năm trước. “Cạnh tranh bình đẳng” và “Chi phí không chính thức” là hai chỉ số có sự cải thiện điểm số đáng kể nhất. Ở chiều ngược lại, “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số” là chỉ số bị giảm điểm nhiều nhất (-0,65 điểm). Nhìn chung, điểm trung bình của các chỉ số thành phần khối Địa phương không có nhiều biến động so với năm 2023.

**Hình 41: Mức độ biến thiên của giá trị các chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương năm 2023**

Hình 41 minh họa biểu đồ hộp của các chỉ số thành phần DDCI khối Địa phương năm 2023. Độ dài của các hộp và râu phản ánh mức độ phân tán của dải điểm. Chỉ số có râu càng dài hàm ý sự khác biệt điểm số giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối càng lớn. Theo đó, “Chi phí không chính thức”, “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” và “Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền địa phương” là những chỉ số có sự chênh lệch điểm số lớn nhất, ở mức khoảng 4,8 – 5,0 điểm. “Chi phí thời gian” và “Hỗ trợ doanh nghiệp” là hai chỉ số có sự chênh lệch điểm số thấp nhất, khoảng 3,0 điểm.

Trong khi đó, độ dài của hộp (tứ phân vị) biểu thị mức độ hội tụ của dải điểm: hộp càng ngắn thì mức độ hội tụ càng cao và ngược lại. Chỉ số có độ hội tụ cao nhất là “Chi phí thời gian”, với tứ phân vị khoảng 0,9 điểm. Có mức độ hội tụ thấp nhất là “Chi phí không chính thức”, với tứ phân vị ở mức khoảng 3,0 điểm. Một quan sát ngoại lai ở phía dưới chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” hàm ý rằng chỉ số này có một đơn vị có điểm số thấp hơn hẳn các đơn vị còn lại.



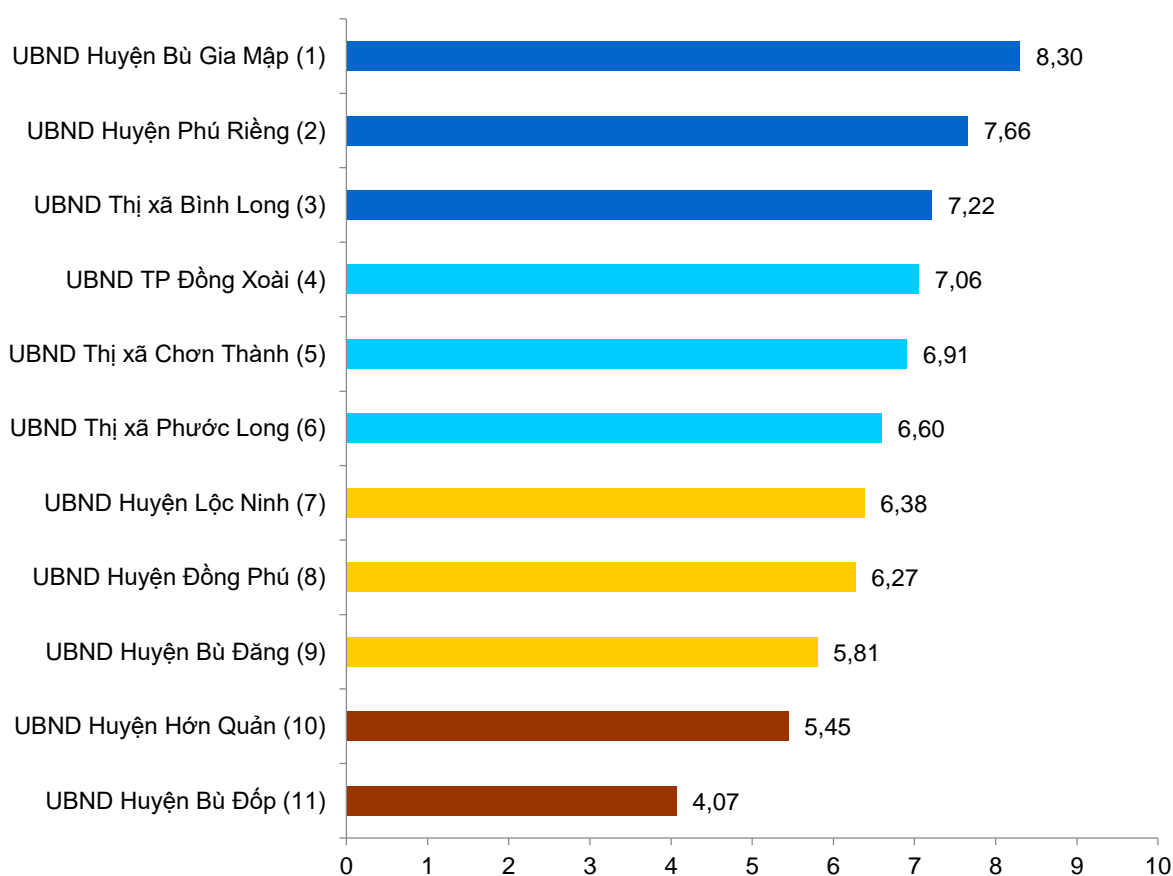
Bảng 14: Vị trí của các đơn vị trên bảng xếp hạng chỉ số tổng hợp và các chỉ số thành phần

STT	Điểm tổng hợp	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số	Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh	Chi phí không chính thức	Chi phí thời gian	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương	Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền địa phương
1	UBND Thị xã Phước Long	UBND Huyện Bù Gia Mập	UBND Thị xã Phước Long	UBND Huyện Hớn Quản	UBND Thị xã Bình Long	UBND Thị xã Phước Long	UBND Huyện Phú Riềng	UBND Huyện Bù Gia Mập	UBND Huyện Bù Gia Mập	UBND Thị xã Phước Long
2	UBND Huyện Lộc Ninh	UBND Huyện Phú Riềng	UBND Huyện Bù Gia Mập	UBND Thị xã Phước Long	UBND Huyện Lộc Ninh	UBND Huyện Lộc Ninh	UBND Huyện Lộc Ninh	UBND Huyện Bù Đẳng	UBND Thị xã Chơn Thành	UBND Huyện Phú Riềng
3	UBND Huyện Bù Gia Mập	UBND Thị xã Bình Long	UBND Thị xã Chơn Thành	UBND Huyện Đồng Phú	UBND Huyện Bù Đẳng	UBND Huyện Bù Đốp	UBND Huyện Bù Gia Mập	UBND Huyện Đồng Phú	UBND Thị xã Phước Long	UBND Thị xã Chơn Thành
4	UBND Huyện Phú Riềng	UBND TP Đồng Xoài	UBND Huyện Phú Riềng	UBND Huyện Bù Đẳng	UBND Thị xã Phước Long	UBND Huyện Đồng Phú	UBND Thị xã Bình Long	UBND Huyện Lộc Ninh	UBND Huyện Phú Riềng	UBND Huyện Lộc Ninh
5	UBND Thị xã Chơn Thành	UBND Thị xã Chơn Thành	UBND Thị xã Bình Long	UBND Huyện Bù Đốp	UBND Thị xã Chơn Thành	UBND Huyện Phú Riềng	UBND Thị xã Chơn Thành	UBND Thị xã Phước Long	UBND Huyện Bù Đẳng	UBND Huyện Bù Gia Mập
6	UBND Thị xã Bình Long	UBND Thị xã Phước Long	UBND Huyện Lộc Ninh	UBND Thị xã Bình Long	UBND Huyện Hớn Quản	UBND Huyện Bù Đẳng	UBND Huyện Bù Đốp	UBND Huyện Hớn Quản	UBND Huyện Lộc Ninh	UBND Huyện Bù Đẳng
7	UBND Huyện Bù Đẳng	UBND Huyện Lộc Ninh	UBND Huyện Đồng Phú	UBND Huyện Lộc Ninh	UBND Huyện Đồng Phú	UBND Huyện Hớn Quản	UBND Thị xã Phước Long	UBND Huyện Phú Riềng	UBND Thị xã Bình Long	UBND Thị xã Bình Long
8	UBND Huyện Đồng Phú	UBND Huyện Đồng Phú	UBND Huyện Bù Đẳng	UBND Huyện Bù Gia Mập	UBND Huyện Bù Đốp	UBND Thị xã Chơn Thành	UBND Huyện Bù Đẳng	UBND Thị xã Chơn Thành	UBND Huyện Bù Đốp	UBND Huyện Hớn Quản
9	UBND Huyện Bù Đốp	UBND Huyện Bù Đẳng	UBND Huyện Hớn Quản	UBND Thị xã Chơn Thành	UBND Huyện Bù Gia Mập	UBND Huyện Bù Gia Mập	UBND Huyện Đồng Phú	UBND Huyện Bù Đốp	UBND Huyện Đồng Phú	UBND Huyện Đồng Phú
10	UBND Huyện Hớn Quản	UBND Huyện Hớn Quản	UBND Huyện Bù Đốp	UBND Huyện Phú Riềng	UBND TP Đồng Xoài	UBND Thị xã Bình Long	UBND TP Đồng Xoài	UBND Thị xã Bình Long	UBND Huyện Hớn Quản	UBND Huyện Bù Đốp
11	UBND TP Đồng Xoài	UBND Huyện Bù Đốp	UBND TP Đồng Xoài	UBND TP Đồng Xoài	UBND Huyện Phú Riềng	UBND TP Đồng Xoài	UBND Huyện Hớn Quản	UBND TP Đồng Xoài	UBND TP Đồng Xoài	UBND TP Đồng Xoài

Bảng 14 miêu tả vị trí của các đơn vị khối Địa phương trên bảng xếp hạng chỉ số tổng hợp và các chỉ số thành phần. Thị xã Phước Long, đơn vị dẫn đầu trên bảng xếp hạng tổng, có 5/9 chỉ số thành phần có điểm số thuộc Tốp 3 đơn vị đứng cao nhất. Ở phía cuối của bảng xếp hạng tổng, TP Đồng Xoài có đến 6/9 chỉ số thành phần được xếp hạng kém nhất so với các đơn vị còn lại.

### 3.2. CHỈ SỐ TIẾP CẬN THÔNG TIN, MINH BẠCH THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

Hình 42: Xếp hạng và điểm số chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số của khối Địa phương năm 2023

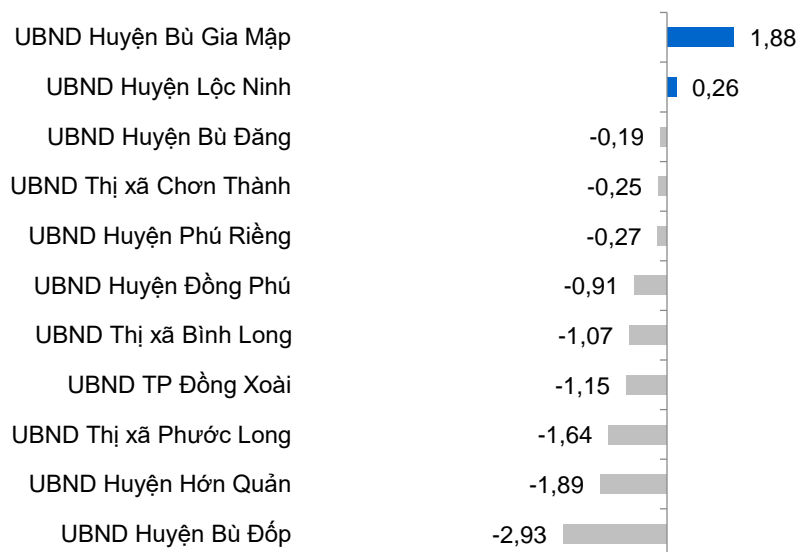


Hình 42 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023. Ba đơn vị thuộc nhóm “Rất Tốt” của chỉ số này bao gồm: Huyện Bù Gia Mập (8,30 điểm); Huyện Phú Riềng (7,66 điểm); Thị xã Bình Long (7,22 điểm).

Nhóm “Tốt” gồm 3 đơn vị với điểm số dao động trong khoảng từ 6,60 đến 7,06 điểm. Nhóm “Khá” cũng gồm 3 đơn vị, với điểm số dao động từ 5,81 đến 6,38 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm 2 đơn vị là Huyện Hớn Quản (5,45 điểm) và Huyện Bù Đốp (4,07 điểm).

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Huyện Bù Gia Mập) và đơn vị đứng cuối (Huyện Bù Đốp) là 4,23 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 6,60 điểm, thuộc mức trung bình trong các chỉ số thành phần.

**Hình 43: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số của khối Địa phương năm 2023 so với 2022**



Hình 43 minh họa mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023 so với 2022. Chỉ có 2/11 đơn vị có điểm số tăng, trong khi có đến 9/11 đơn vị có điểm số giảm so với năm trước. Đơn vị có mức độ cải thiện điểm số nhiều nhất là Huyện Bù Gia Mập (+1,88 điểm). Cũng có điểm số tăng nhưng không đáng kể là Huyện Lộc Ninh (+0,26 điểm). Ở chiều ngược lại, Huyện Bù Đốp là đơn vị giảm điểm mạnh nhất (-2,93 điểm).

**Bảng 15: Các chỉ tiêu của chỉ số Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số của khối Địa phương năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
1	Mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin	T	0,86	0,87	0,75	0,95
2	Tỷ lệ DN cho rằng dễ dàng tiếp cận các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương	T		0,84	0,67	0,94
3	DN nhận được thông tin, văn bản mà DN cần khi yêu cầu chính quyền địa phương cung cấp	T	0,87	0,91	0,83	0,97

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
4	Tỷ lệ DN thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập cổng thông tin điện tử	T	0,43	0,39	0,29	0,50
5	Tỷ lệ DN đánh giá chính quyền công khai, minh bạch lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương	T	0,89	0,90	0,80	0,97
6	Tỷ lệ DN cho biết DN luôn nhận được thông báo về kết quả thanh kiểm tra riêng của chính quyền địa phương	T		0,87	0,72	1,00
7	Tỷ lệ DN cho biết Chính quyền địa phương tuyên truyền, phổ biến, giải thích, hướng dẫn quy trình, thủ tục đấu thầu công khai, rõ ràng, đầy đủ	T		0,91	0,00	1,00
8	Tỷ lệ DN đã thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến	T	0,62	0,52	0,25	0,80
9	Tỷ lệ DN cho biết thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến là đơn giản và dễ dàng hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	T	0,96	0,92	0,75	1,00
10	Tỷ lệ DN cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp DN tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	T	0,96	0,95	0,75	1,00
11	Tỷ lệ DN cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp cho DN tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	T	0,96	0,88	0,63	1,00
12	Tỷ lệ DN cho biết khi thực hiện TTHC trực tuyến, DN không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	T	0,91	0,90	0,80	1,00

Bảng 15 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số” của khối Địa phương năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 12 chỉ tiêu, tất cả đều là chỉ tiêu Thuận.

Trung bình, khoảng 84% DN ghi nhận dễ dàng tiếp cận các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương (Chỉ tiêu 2); 91% DN có thể dễ dàng nhận được các thông tin không được công bố công khai khi có yêu cầu (Chỉ tiêu 3); 90% DN đánh giá chính quyền công khai, minh bạch lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương (Chỉ tiêu 5); 87% DN luôn nhận được thông báo về kết quả thanh kiểm tra riêng (Chỉ tiêu 6); và 91% DN đánh giá chính quyền địa phương tuyên truyền, phổ biến, giải thích, hướng dẫn quy trình, thủ tục đấu thầu công khai, rõ ràng, đầy đủ (Chỉ tiêu 7).

Về tỷ lệ DN thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập cổng thông tin điện tử của các chính quyền địa phương (Chỉ tiêu 4), tỷ lệ trung bình năm nay là 39%, giảm nhẹ so với con số 43% của năm trước.

Liên quan đến việc thực hiện TTHC trực tuyến, tỷ lệ DN đã thực hiện TTHC theo phương thức này trong năm 2023 là 52% (Chỉ tiêu 8), giảm đáng kể so với tỷ lệ 62% của năm 2022. Hầu hết những DN từng thực hiện TTHC trực tuyến đều đánh giá cao các khía cạnh lợi ích của phương thức này. Cụ thể, trên 88% DN ghi nhận thực hiện TTHC trực tuyến là đơn giản hơn, giúp DN tiết kiệm thời gian và chi phí hơn so với phương thức truyền thống (Chỉ tiêu 9, 10, 11). Đồng thời, khoảng 90% DN cho rằng phương thức trực tuyến giúp DN không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh (Chỉ tiêu 12). Những con số trên đã khẳng định lợi ích rõ ràng của phương thức thực hiện TTHC trực tuyến. Mặc dù vậy, đáng lưu ý là ở một số địa phương, tỷ lệ DN thực hiện TTHC trực tuyến còn chưa được cao. Ở đơn vị xếp thấp nhất, tỷ lệ này chỉ đạt 25%.

Như vậy, đối với khối Địa phương, trong khi các chỉ tiêu về tiếp cận và minh bạch thông tin đều có cải thiện so với năm trước, thì các chỉ tiêu liên quan đến chuyển đổi số như cổng thông tin điện tử và thực hiện TTHC trực tuyến lại chưa có chuyển biến tích cực.

### **Ý kiến doanh nghiệp**

- Thường xuyên hướng dẫn thủ tục pháp lý cho người dân
- Cập nhật thông tin quy hoạch sớm cho người dân

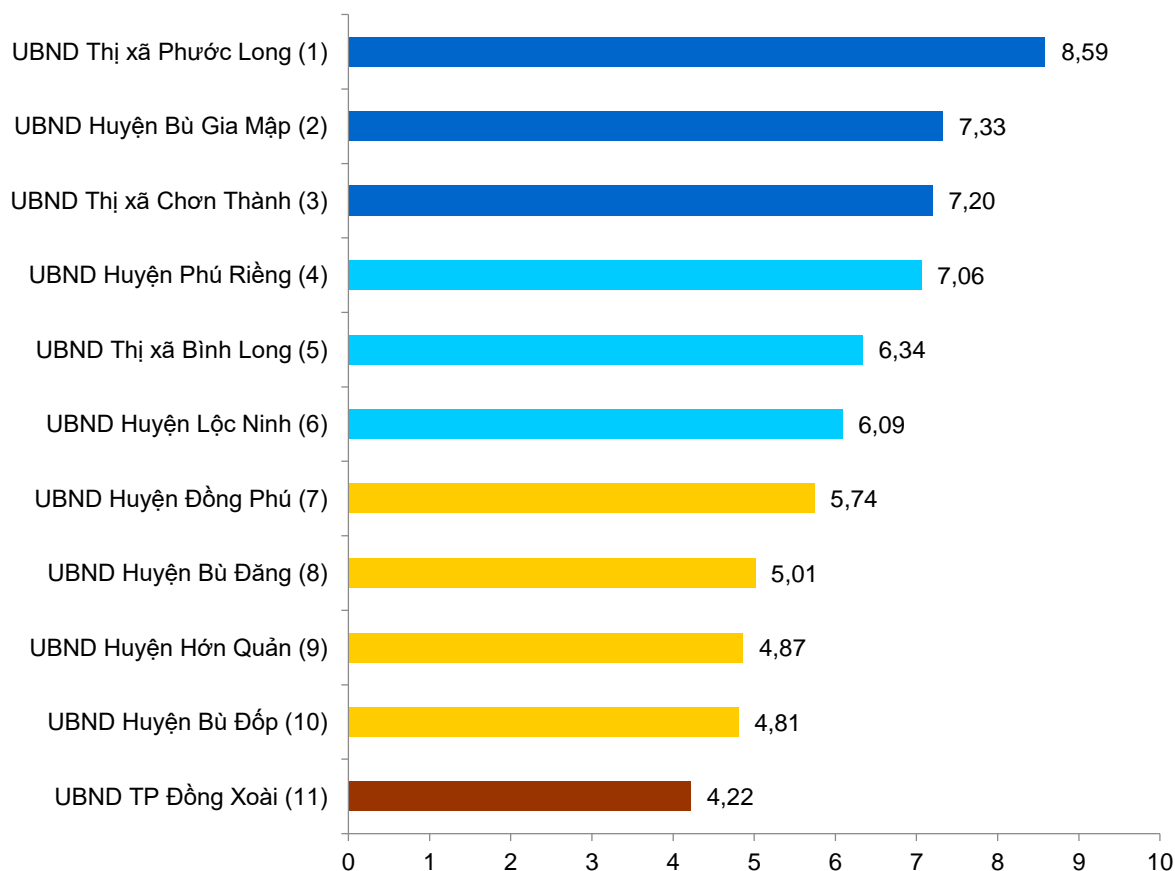
**Doanh nghiệp DP004 đánh giá Thị xã Chơn Thành**

- Công khai minh bạch
- Sâu sát với doanh nghiệp và nhân dân

**Doanh nghiệp DP017 đánh giá Huyện Phú Riềng**

### 3.3. CHỈ SỐ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI, MẶT BẰNG KINH DOANH VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

Hình 44: Xếp hạng và điểm số chỉ số Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh của khối Địa phương năm 2023



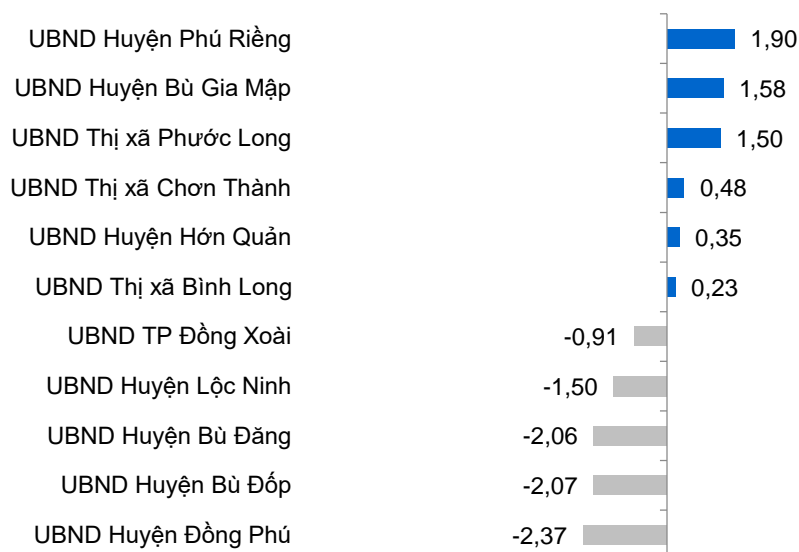
Hình 44 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023. Đây là chỉ số có sự chênh lệch điểm số tương đối lớn giữa các đơn vị, cho thấy sự khác biệt đáng kể trong đánh giá của cộng đồng DN về các khía cạnh liên quan tới “đất đai, mặt bằng và môi trường” của các địa phương trong tỉnh.

Đơn vị đứng đầu chỉ số này là Thị xã Phước Long, với 8,59 điểm, vượt lên đáng kể so với các đơn vị khác. Xếp sau là Huyện Bù Gia Mập và Thị xã Chơn Thành, với điểm số lần lượt là 7,33 và 7,20 điểm. Tốp 3 cũng đồng thời là nhóm các địa phương được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.

Nhóm “Tốt” gồm 3 đơn vị, với điểm số dao động trong khoảng từ 6,09 đến 7,06 điểm. Nhóm “Khá” gồm 4 đơn vị, với điểm số dao động từ 4,81 đến 5,74 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm duy nhất 1 đơn vị, với mức điểm là 4,22 điểm.

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Thị xã Phước Long) và đơn vị đứng cuối (TP Đồng Xoài) là 4,37 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 6,09 điểm, thuộc mức tương đối thấp trong các chỉ số thành phần.

**Hình 45: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh của khối Địa phương năm 2023 so với 2022**



Hình 45 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh” của khối Địa phương năm 2023 so với 2022. Có 6/11 đơn vị có điểm số tăng, trong khi 5/11 đơn vị có điểm số giảm so với năm trước. Đơn vị có mức độ cải thiện điểm số đáng kể nhất là Huyện Phú Riềng (+1,90 điểm), trong khi ở chiều ngược lại, Huyện Đồng Phú là đơn vị bị giảm điểm mạnh nhất (-2,37 điểm).

**Bảng 16: Các chỉ tiêu của chỉ số Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh của khối Địa phương năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
13	Tỷ lệ DN không tìm kiếm được mặt bằng phù hợp với nhu cầu	N		0,33	0,00	0,67
14	Tỷ lệ DN đánh giá khu vực DN tư nhân gặp khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng phù hợp khi có nhu cầu tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh	N		0,28	0,05	0,53
15	Tỷ lệ DN đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng có cải thiện nhiều	T	0,72	0,74	0,65	0,81
16	Tỷ lệ DN đánh giá mức độ rủi ro khi sử dụng đất của DN tại địa phương	N	0,11	0,13	0,03	0,20

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
17	Tỷ lệ DN đánh giá mức bồi thường cho mặt bằng kinh doanh của DN là thỏa đáng nếu như bị thu hồi	T	0,94	0,69	0,59	0,75
18	Mức độ DN đánh giá tích cực tiến độ và chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai tại địa phương	T		0,67	0,58	0,88
19	Mức độ DN đánh giá tích cực về nỗ lực hỗ trợ của chính quyền huyện/thành phố trong công tác giải phóng mặt bằng	T		0,78	0,70	0,87
20	Chất lượng môi trường tại địa phương theo đánh giá của DN	T		0,81	0,69	0,93
21	Mức độ ô nhiễm tại địa phương theo đánh giá của DN	N		0,19	0,16	0,23
22	Hiệu quả xử lý tình trạng DN gây ô nhiễm môi trường của chính quyền	T		0,81	0,70	0,86
23	Tỷ lệ DN đã thụ hưởng các chính sách khuyến khích và hỗ trợ DN thực hiện kinh doanh xanh/thân thiện với môi trường của chính quyền	T		0,20	0,13	0,28
24	Mức độ thuận lợi khi thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ thực hiện kinh doanh xanh/thân thiện với môi trường của chính quyền	T		0,90	0,83	1,00

Bảng 16 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 12 chỉ tiêu, trong đó có 8 chỉ tiêu Thuận và 4 chỉ tiêu Nghịch.

Trung bình toàn tỉnh, 33% DN cho biết không tìm kiếm được mặt bằng phù hợp với nhu cầu (Chỉ tiêu 13). 28% DN đánh giá khu vực DN tư nhân gặp khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng phù hợp khi có nhu cầu tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh (Chỉ tiêu 14). Khoảng 74% DN đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng tại địa phương có cải thiện nhiều (Chỉ tiêu 15). Bên cạnh đó, chỉ 69% DN cho rằng mức bồi thường cho mặt bằng kinh doanh của DN là thỏa đáng nếu như bị thu hồi (Chỉ tiêu 17). Tiến độ và chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai tại địa phương (Chỉ tiêu 18) cũng là khía cạnh nhận được đánh giá kém tích cực từ cộng đồng DN trong tỉnh, với chỉ 0,67 điểm. Có điểm số khả quan hơn là



mức độ DN đánh giá tích cực về nỗ lực hỗ trợ của chính quyền trong công tác giải phóng mặt bằng, với 0,78 điểm (Chỉ tiêu 19).

Về chất lượng môi trường tại địa phương, 94% DN đánh giá chất lượng môi trường tại địa phương ở mức trên trung bình. Về mức độ ô nhiễm, chỉ 23% DN cho rằng địa phương “Không ô nhiễm”; 73% đánh giá “Hơi ô nhiễm” hoặc ô nhiễm “Ở mức chấp nhận được”; 4% đánh giá ô nhiễm ở mức “Nghiêm trọng” hoặc “Rất nghiêm trọng”. Những con số trên được phản ánh trong điểm số của các chỉ tiêu 20 và 21.

Liên quan đến các chính sách khuyến khích và hỗ trợ DN thực hiện kinh doanh xanh/thân thiện với môi trường của chính quyền, tỷ lệ DN đã thụ hưởng những chính sách này trong năm 2023 là 20% (Chỉ tiêu 23). Đối với những DN đã tham gia, 90% DN đánh giá quá trình thực hiện thủ tục để được hưởng là thuận lợi (Chỉ tiêu 24).

Do chỉ số Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh năm 2023 có nhiều chỉ tiêu mới nên việc so sánh với năm trước chỉ mang tính tương đối. Dù vậy, có thể thấy, tuy các địa phương đã có nhiều nỗ lực cải thiện cơ sở hạ tầng, mức độ rủi ro liên quan đến thu hồi đất có xu hướng tăng. Đây là điều các cơ quan ban, ngành của Tỉnh cần lưu ý vì nếu không giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến đất đai, tiến độ triển khai các dự án đầu tư sẽ bị chậm, làm ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh chung của Tỉnh.

### **Ý kiến doanh nghiệp**

*Xử lý rác thải tốt hơn nữa*

**Doanh nghiệp DP020 đánh giá Thị xã Bình Long**

*Thúc đẩy cơ sở hạ tầng đường xá thuận lợi hơn để doanh nghiệp lưu thông thuận tiện và phát triển rộng hơn trên địa bàn các tỉnh*

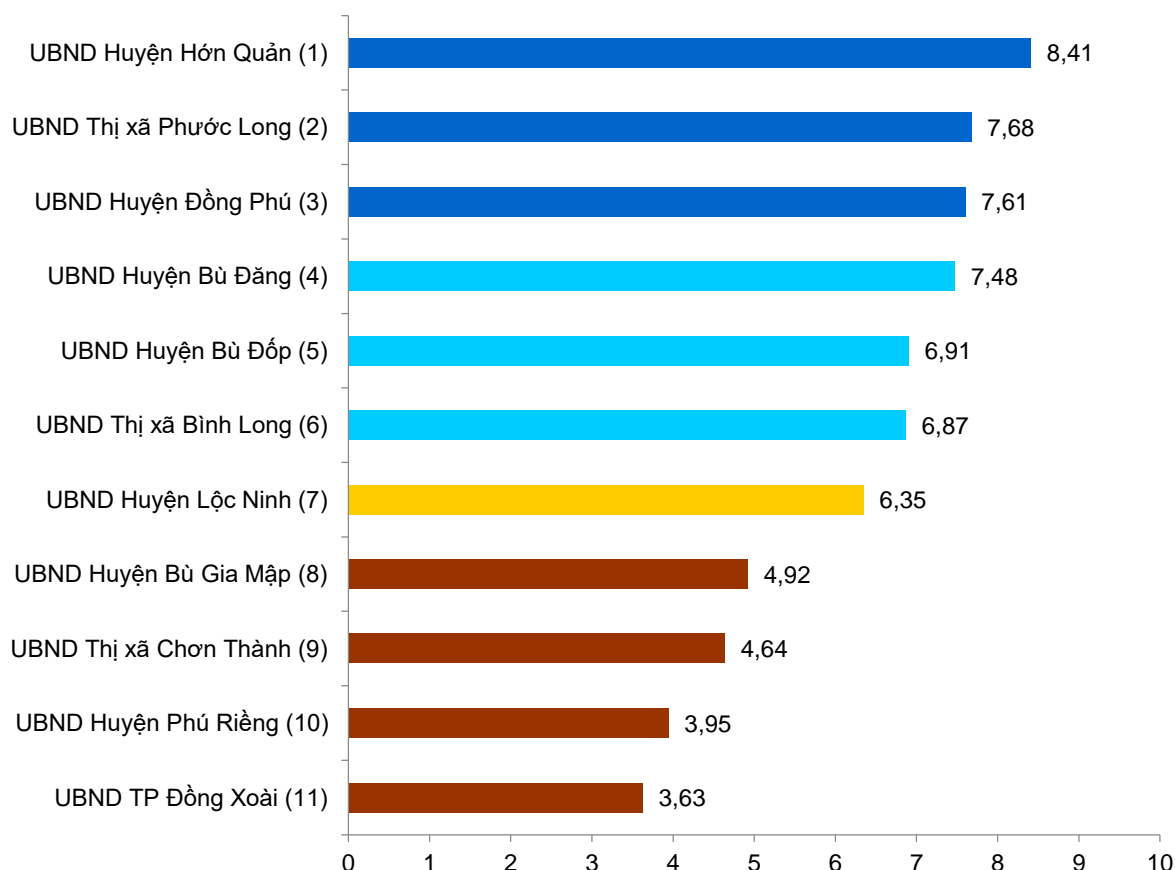
**Doanh nghiệp DP028 đánh giá Huyện Bù Gia Mập**

- Cải thiện đường xá.
- Cải thiện môi trường nước.

**Doanh nghiệp DP037 đánh giá Huyện Phú Riềng**

### 3.4. CHỈ SỐ CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

Hình 46: Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối Địa phương năm 2023



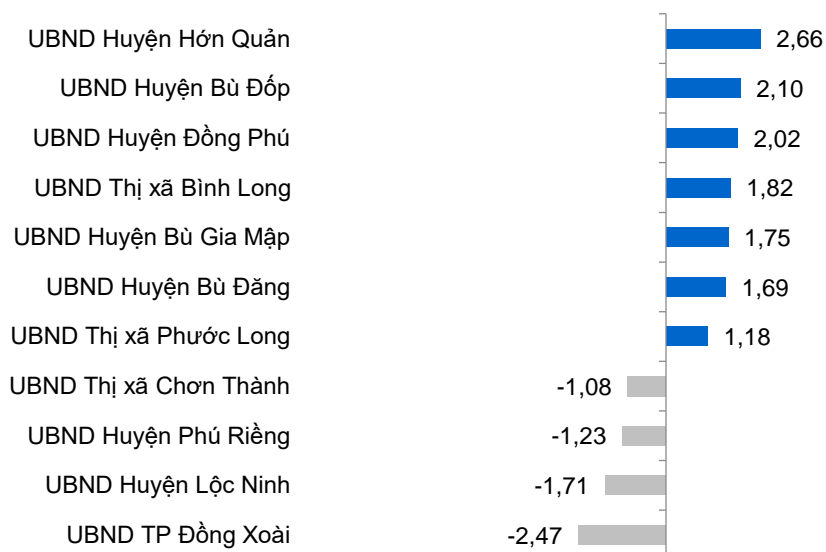
Hình 46 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Chi phí không chính thức” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023.

Đơn vị đứng đầu chỉ số này là Huyện Hón Quận, với 8,41 điểm. Tiếp theo là Thị xã Phước Long (7,68 điểm) và Huyện Đồng Phú (7,61 điểm). Đây cũng là 3 đơn vị được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.

Nhóm “Tốt” gồm 3 đơn vị, với điểm số dao động trong khoảng từ 6,87 đến 7,48 điểm. Nhóm “Khá” gồm duy nhất 1 đơn vị là Huyện Lộc Ninh, với 6,35 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm 4 đơn vị, với điểm số dao động từ 3,63 đến 4,92 điểm.

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Huyện Hón Quận) và đơn vị đứng cuối (TP Đồng Xoài) là 4,78 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 6,87 điểm, thuộc mức khá cao trong các chỉ số thành phần.

**Hình 47: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối Địa phương năm 2023 so với 2022**



Hình 47 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Chi phí không chính thức” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023 so với 2022. Có 7/11 đơn vị có điểm số tăng, trong khi 4/11 đơn vị có điểm số giảm so với năm trước. Đơn vị có mức độ cải thiện điểm số ấn tượng nhất là Huyện Hớn Quản (+2,66 điểm). Huyện Bù Đốp và Huyện Đồng Phú cũng có điểm số tăng đáng kể, ở các mức +2,10 và +2,02 điểm. Ở chiều ngược lại, TP Đồng Xoài là đơn vị bị giảm điểm mạnh nhất (-2,47 điểm).

**Bảng 17: Các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí không chính thức của khối Địa phương năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
25	Tỷ lệ DN đánh giá hiện tượng nhũng nhiễu còn phổ biến	N	0,20	0,25	0,14	0,37
26	Tỷ lệ DN đánh giá DN không cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong việc tiếp cận thông tin và giải quyết TTHC tại địa phương	T		0,80	0,71	0,90
27	Tỷ lệ DN đánh giá "có mối quan hệ" sẽ thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của chính quyền địa phương	N	0,54	0,55	0,46	0,68

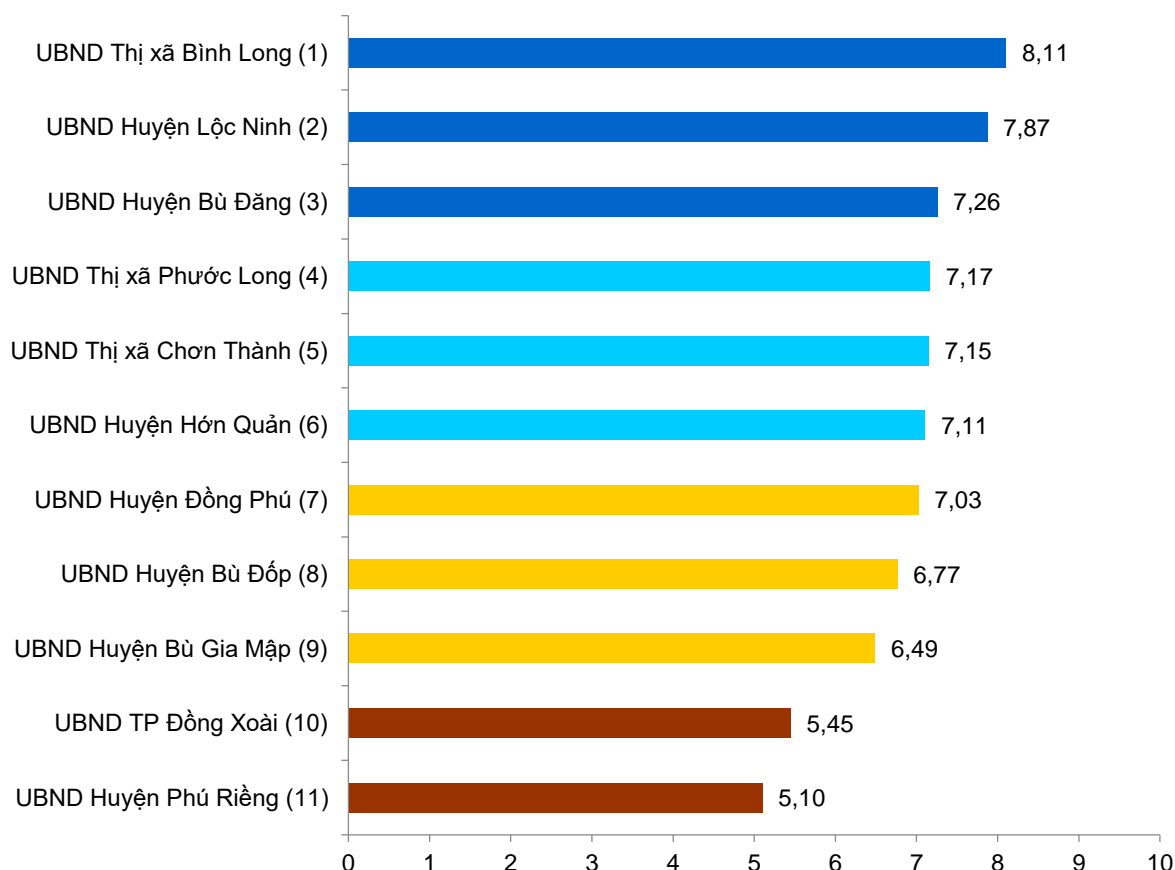
Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
28	Tỷ lệ DN đánh giá cán bộ gây khó khăn để trực lợi	N	0,07	0,07	0,00	0,18
29	Tỷ lệ DN cho rằng chi phí không chính thức là đương nhiên tại chính quyền địa phương	N	0,26	0,25	0,13	0,41
30	Tình trạng DN phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ các cơ quan chính quyền địa phương	N		0,06	0,02	0,11
31	Tỷ lệ DN cho rằng xu hướng chi phí không chính thức tăng so với năm trước	N	0,42	0,49	0,00	0,67

Bảng 17 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Chi phí không chính thức” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 7 chỉ tiêu, trong đó có 6 chỉ tiêu Nghịch và 1 chỉ tiêu Thuận.

Nhìn chung, điểm số các chỉ tiêu biến động không đáng kể so với năm 2022. Cụ thể, năm nay có khoảng 25% DN đánh giá hiện tượng những nhiễu còn phổ biến tại các địa phương (Chỉ tiêu 25), tăng 5% so với năm 2022. Đồng thời, khoảng 20% DN đánh giá “có mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp DN thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC (Chỉ tiêu 26); 55% DN đồng ý rằng “có mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” cũng giúp DN thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của chính quyền địa phương (Chỉ tiêu 27). Bên cạnh đó, vẫn còn khoảng 25% DN cho rằng “Chi phí không chính thức là đương nhiên tại đơn vị được đánh giá” (Chỉ tiêu 29). Tiếp theo, có khoảng 6% DN phản ánh về việc phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ địa phương để giải quyết được công việc (Chỉ tiêu 30) và 49% DN cho rằng chi phí không chính thức có xu hướng tăng so với năm trước (Chỉ tiêu 31). Ngoài ra, khoảng 7% DN phản ánh có hiện tượng cán bộ gây khó khăn để trực lợi (Chỉ tiêu 28), giữ nguyên so với tỷ lệ của năm 2022.

### 3.5. CHỈ SỐ CHI PHÍ THỜI GIAN KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

Hình 48: Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối Địa phương năm 2023

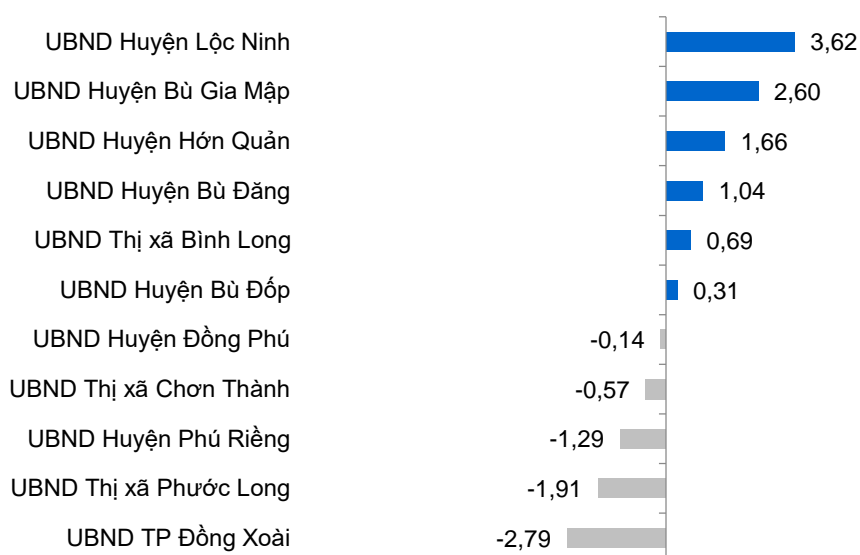


Hình 48 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Chi phí thời gian” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023. Đứng đầu bảng xếp hạng là Thị xã Bình Long, với 8,11 điểm. Hai vị trí tiếp theo lần lượt thuộc về Huyện Lộc Ninh (7,87 điểm) và Huyện Bù Đăng (7,26 điểm). Đây là 3 đơn vị được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.

Nhóm “Tốt” gồm 3 đơn vị, với điểm số khá ngang bằng, dao động trong khoảng từ 7,11 đến 7,17 điểm. Nhóm “Khá” cũng gồm 3 đơn vị, với các mức điểm trong khoảng từ 6,49 đến 7,03 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm TP Đồng Xoài (5,45 điểm) và Huyện Phú Riềng (5,10 điểm).

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Thị xã Bình Long) và đơn vị đứng cuối (Huyện Phú Riềng) là 3,01 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 7,11 điểm, thuộc mức cao trong các chỉ số thành phần.

**Hình 49: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối Địa phương năm 2023 so với 2022**



Hình 49 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Chi phí thời gian” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023 so với 2022. Có 6/11 đơn vị có điểm số tăng, trong khi 5/11 đơn vị có điểm số giảm so với năm trước. Đơn vị có mức độ cải thiện điểm số ấn tượng nhất là Huyện Lộc Ninh (+3,62 điểm). Huyện Bù Gia Mập và Huyện Hớn Quản cũng có điểm số tăng đáng kể, ở các mức +2,60 và +1,66 điểm.

**Bảng 18: Các chỉ tiêu của chỉ số Chi phí thời gian của khối Địa phương năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
32	Tỷ lệ DN phản ánh còn mất nhiều thời gian chờ đợi đến lượt giải quyết TTHC	N	0,13	0,36	0,17	0,60
33	Thời gian nhận được phản hồi "Hồ sơ đã được tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ" khi gửi hồ sơ trực tuyến	N	0,27	0,30	0,10	0,45
34	Tỷ lệ DN gặp phải tình trạng hồ sơ TTHC đã được chấp nhận hợp lệ nhưng bị trả lại để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	N	0,15	0,29	0,00	0,47
35	Số lần DN phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sau khi đã được tiếp nhận hợp lệ	N	0,07	0,15	0,00	0,30

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
36	Tỷ lệ DN cho biết Trung tâm hành chính công có cán bộ đón tiếp, hướng dẫn	T	0,93	0,95	0,82	1,00
37	Tỷ lệ DN cho rằng Cơ sở vật chất của Trung tâm hành chính công có chất lượng tốt	T	0,98	0,96	0,89	1,00
38	Tỷ lệ DN đánh giá cán bộ tại trung tâm hành chính công (hoặc các bộ phận có giao dịch với DN) ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực	T	0,93	0,91	0,73	1,00
39	Số lần thanh kiểm tra riêng trong 1 năm	N	0,19	0,19	0,10	0,32
40	Thời gian của lần thanh tra, kiểm tra riêng kéo dài nhất	N	0,10	0,11	0,06	0,21
41	Tỷ lệ DN đánh giá thời gian làm việc trong những lần thanh, kiểm tra riêng là hợp lý hoặc chấp nhận được	T		0,98	0,91	1,00
42	Tỷ lệ DN đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh	N	0,11	0,09	0,00	0,21

Bảng 18 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Chi phí thời gian” khối Địa phương năm 2023. Chỉ số này bao gồm 11 chỉ tiêu, trong đó có 4 chỉ tiêu Thuận và 7 chỉ tiêu Nghịch.

Trung bình toàn tỉnh có khoảng 36% DN phản ánh phải mất nhiều thời gian chờ đợi đến lượt giải quyết TTHC tại địa phương (Chỉ tiêu 32), một tỷ lệ khá cao. Ở địa phương được đánh giá thấp nhất, tỷ lệ này lên tới 60%.

Đối với các DN thực hiện TTHC trực tuyến, có 46% DN trả lời cho biết nhận được phản hồi “Hồ sơ đã được tiếp nhận” trong vòng 8 giờ làm việc hoặc trong ngày; 49% DN nhận được phản hồi trong vòng từ 2 đến 5 ngày; và 5% DN nhận được phản hồi sau 5 ngày làm việc. Những con số này được phản ánh trong điểm số của Chỉ tiêu 33.

Liên quan đến tình trạng DN phải chỉnh sửa hồ sơ, 29% DN cho biết trong năm qua đã gặp phải tình trạng hồ sơ TTHC đã được chấp nhận hợp lệ nhưng bị trả lại để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện (Chỉ tiêu 34), tăng mạnh so với con số 15% của năm 2022. Ở một số địa phương, tỷ lệ này thậm chí còn lên tới 47%.

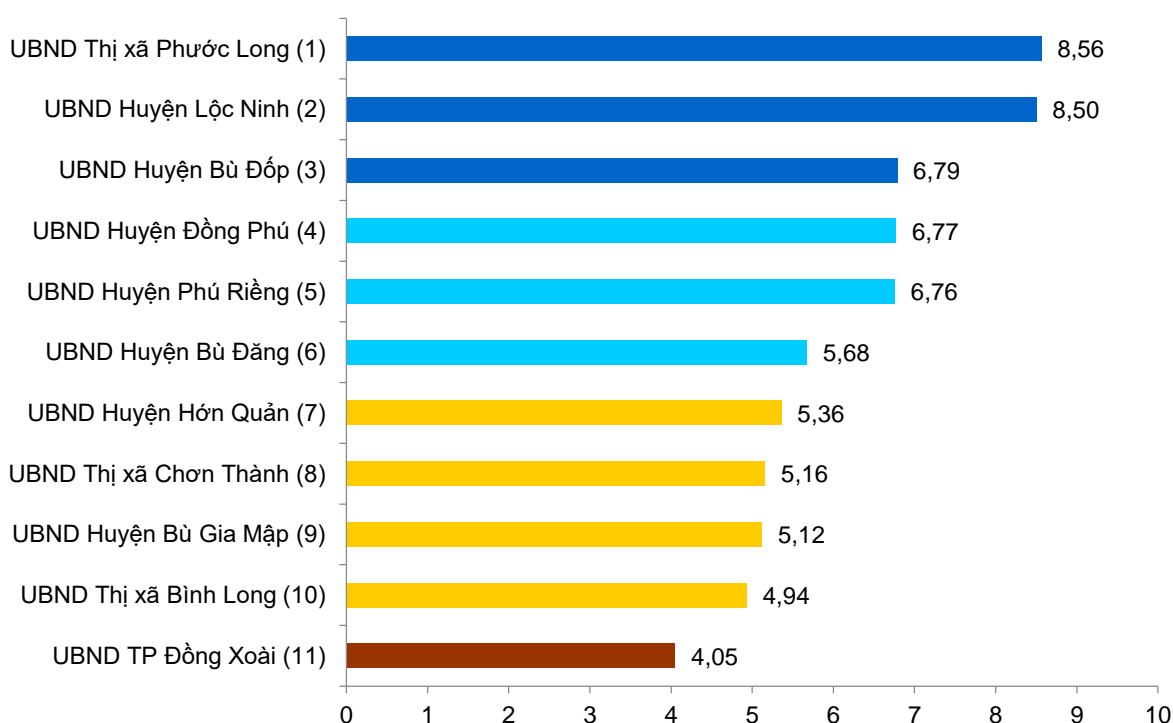
Đánh giá về trung tâm hành chính công tại các địa phương, có tới 96% DN cho rằng các trung tâm có chất lượng cơ sở vật chất tốt (Chỉ tiêu 37); trên 91% DN ghi nhận trung tâm luôn có cán bộ đón tiếp, hướng dẫn và cán bộ tại trung tâm ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực (Chỉ tiêu 36, 38).

Liên quan tới hoạt động thanh kiểm tra, chỉ tiêu về số lần thanh kiểm tra riêng (Chỉ tiêu 39) và thời gian của lần thanh tra, kiểm tra riêng kéo dài nhất (Chỉ tiêu 40) không thay đổi nhiều so với năm 2022. Tỷ lệ DN đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh giảm nhẹ từ 11% (năm 2022) xuống 9% (năm 2023).

Có thể thấy, ở khối Địa phương, Chi phí thời gian vẫn chưa được cải thiện. Đây cần được coi là một nút thắt quan trọng cần được các UBND cấp huyện tháo gỡ trong thời gian tới.

### 3.6. CHỈ SỐ CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

Hình 50: Xếp hạng và điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối Địa phương năm 2023



Hình 50 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023. Đứng đầu là Thị xã Phước Long, với 8,56 điểm. Hai vị trí còn lại trong Tốp 3 lần lượt thuộc về Huyện Lộc Ninh (8,50 điểm) và Huyện Bù Đốp (6,79 điểm). Đây cũng là những đơn vị được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.

Nhóm “Tốt” gồm 3 đơn vị, với điểm số dao động trong khoảng từ 5,68 đến 6,77 điểm. Nhóm “Khá” gồm 4 đơn vị, với các mức điểm trong khoảng từ 4,94 đến 5,36 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm duy nhất 1 đơn vị là TP Đồng Xoài, với 4,05 điểm.



Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Thị xã Phước Long) và đơn vị đứng cuối (TP Đồng Xoài) là 4,51 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 5,68 điểm, thuộc mức thấp trong các chỉ số thành phần.

**Hình 51: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối Địa phương năm 2023 so với 2022**



Hình 51 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023 so với 2022. Có 6/11 đơn vị có điểm số tăng, trong khi 5/11 đơn vị có điểm số giảm so với năm trước. Đơn vị có mức độ cải thiện điểm số ấn tượng nhất là Huyện Phú Riềng (+2,49 điểm). Cũng có mức điểm tăng đáng kể là Thị xã Phước Long (+2,31 điểm). Ở chiều ngược lại, Thị xã Chơn Thành là đơn vị giảm điểm nhiều nhất (-0,86 điểm). Các đơn vị còn lại có mức tăng/giảm trong khoảng  $\pm 1,0$  điểm.

**Bảng 19: Các chỉ tiêu của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối Địa phương năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
43	Tỷ lệ DN phản ánh Hồ sơ mời thầu dường như có “cài cắm” nhiều tiêu chí, điều kiện hạn chế sự tham gia của các DN có năng lực	N		0,58	0,00	1,00
44	Mức độ hiện diện của DN sâu sau và DN thân hữu của chính quyền địa phương	N	0,29	0,25	0,12	0,40
45	Tỷ lệ DN nhận định chính quyền địa phương ưu tiên thu hút đầu tư từ các	N	0,41	0,43	0,26	0,57

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
	DN lớn hơn là phát triển DN nhỏ và vừa					
46	Tỷ lệ DN đánh giá việc chính quyền địa phương dành ưu tiên cho các DN lớn gây khó khăn cho DN nhỏ và vừa	N	0,35	0,33	0,17	0,50
47	Tỷ lệ DN phản ánh chính quyền địa phương có thái độ tích cực với hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân	T	0,71	0,84	0,75	0,91
48	Tỷ lệ DN cho rằng sự quan tâm của chính quyền chính quyền địa phương dành cho DN không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của DN	T	0,76	0,81	0,76	0,83
49	Tỷ lệ DN cho rằng hoạt động đối thoại DN chủ yếu tập hợp DN lớn	N	0,43	0,42	0,10	1,00

Bảng 19 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 7 chỉ tiêu, trong đó có 2 chỉ tiêu Thuận và 5 chỉ tiêu Nghịch.

Về khía cạnh ưu ái cho DN thân hữu và DN lớn, 25% DN đánh giá có sự hiện diện của DN thân hữu và DN thân hữu với cán bộ của chính quyền địa phương (Chỉ tiêu 44); 43% DN nhận định chính quyền địa phương ưu tiên thu hút đầu tư từ các DN lớn hơn là phát triển DN nhỏ và vừa (Chỉ tiêu 45); và 33% DN đánh giá sự ưu tiên đó gây khó khăn cho DN nhỏ và vừa (Chỉ tiêu 46).

Về khía cạnh đối xử bình đẳng, trung bình có: 84% DN phản ánh chính quyền địa phương có thái độ tích cực với hoạt động kinh doanh của khu vực kinh tế tư nhân (Chỉ tiêu 47); 81% DN cho rằng sự quan tâm của chính quyền địa phương dành cho DN không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của DN (Chỉ tiêu 48). Tuy nhiên, vẫn có đến 42% DN cho biết hoạt động đối thoại chủ yếu tập hợp DN lớn (Chỉ tiêu 49) và 58% phản ánh hồ sơ mời thầu dường như có “cài cắm” nhiều tiêu chí, điều kiện hạn chế sự tham gia của các DN có năng lực (Chỉ tiêu 43).

Như vậy, có thể thấy, ở khối Địa phương, mức độ hiện diện của DN thân hữu có đã có những cải thiện. Tuy vậy, khu vực DNNVV vẫn mong muốn nhận được sự quan tâm tốt hơn từ chính quyền địa phương.

**Ý kiến doanh nghiệp**

- Cần đẩy mạnh môi trường đầu tư trong huyện
- Có chính sách ủng hộ các doanh nghiệp vừa và nhỏ

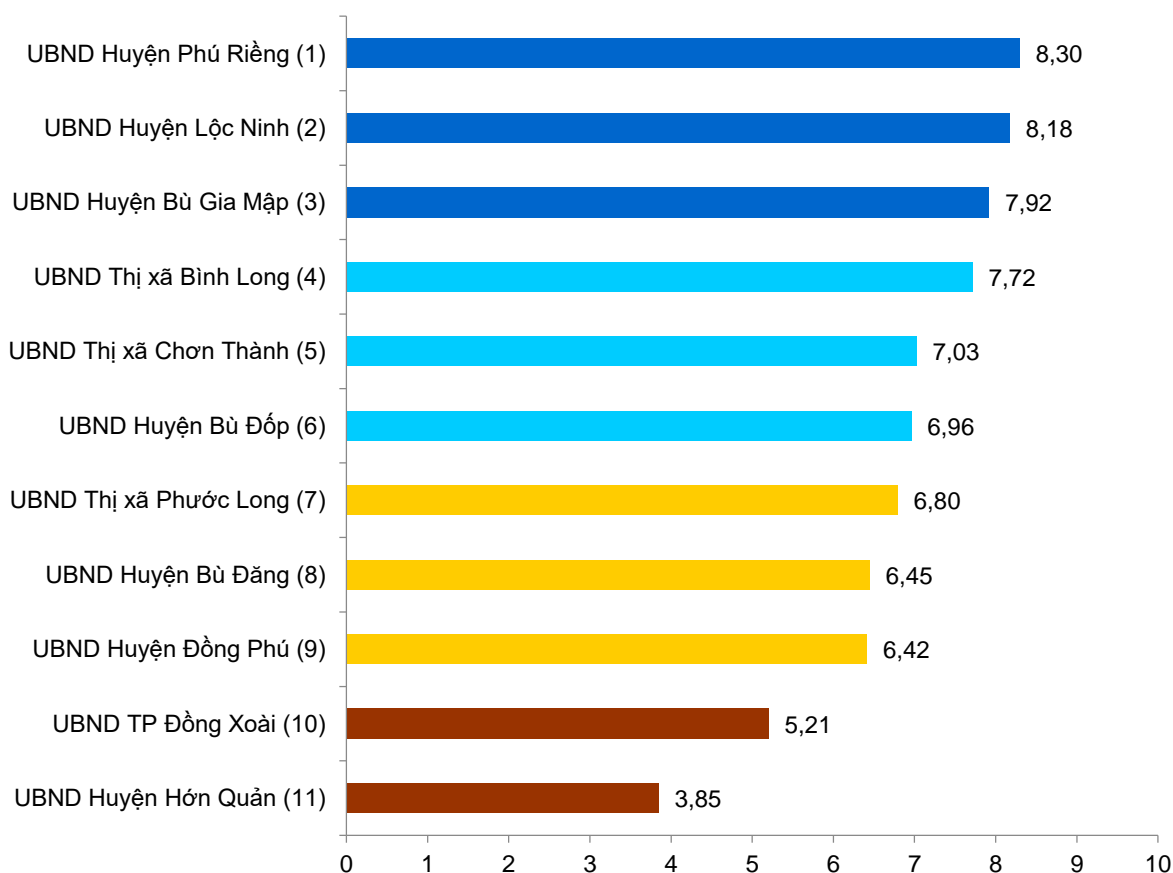
**Doanh nghiệp DP041 đánh giá Huyện Bù Đốp**

1. Cần công khai minh bạch các gói thầu mua sắm công
2. Cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ được tham gia đấu thầu mua sắm công

**Doanh nghiệp DP043 đánh giá Huyện Hớn Quản**

**3.7. CHỈ SỐ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỎI ĐỊA PHƯƠNG**

**Hình 52: Xếp hạng và điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối Địa phương năm 2023**

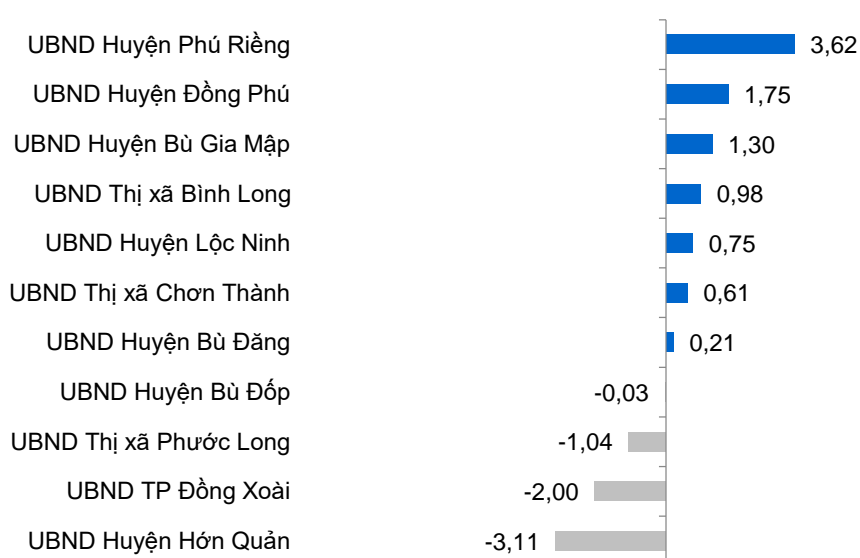


Hình 52 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023. Đứng đầu là Huyện Phú Riềng, với 8,30 điểm. Huyện Lộc Ninh (8,18 điểm) và Huyện Bù Gia Mập (7,92 điểm) lần lượt xếp ở hai vị trí tiếp theo. Đây là 3 đơn vị được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.

Nhóm “Tốt” gồm 3 đơn vị, với điểm số dao động trong khoảng từ 6,96 đến 7,72 điểm. Nhóm “Khá” cũng gồm 3 đơn vị, với các mức điểm nằm trong khoảng từ 6,42 đến 6,80 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm TP Đồng Xoài (5,21 điểm) và Huyện Hớn Quản (3,85 điểm).

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Huyện Phú Riềng) và đơn vị đứng cuối (Huyện Hớn Quản) là 4,45 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 6,96 điểm, thuộc mức khá cao trong các chỉ số thành phần.

**Hình 53: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối Địa phương năm 2023 so với 2022**



Hình 53 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023 so với 2022. Có 7/11 đơn vị có điểm số tăng, trong khi 4/11 đơn vị có điểm số giảm so với năm trước. Đơn vị có mức độ cải thiện điểm số ấn tượng nhất là Huyện Phú Riềng (+3,62 điểm). Ở chiều ngược lại, Huyện Hớn Quản là đơn vị bị giảm điểm mạnh nhất, ở mức -3,11 điểm. Các đơn vị còn lại có mức tăng/giảm điểm trong khoảng  $\pm 2,0$  điểm.

**Bảng 20: Các chỉ tiêu của chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối Địa phương năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
50	Mức độ DN đã tham gia/hưởng các chương trình hỗ trợ của chính quyền địa phương	T		0,11	0,04	0,19

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
51	Mức độ DN đánh giá thủ tục để tham gia/được hưởng các chương trình hỗ trợ của chính quyền địa phương là dễ dàng	T	0,96	0,97	0,80	1,00
52	Tỷ lệ DN đánh giá chương trình hỗ trợ DN của chính quyền địa phương là thực chất	T	0,84	0,82	0,60	0,92
53	Tỷ lệ DN đánh giá hoạt động hỗ trợ DN của chính quyền địa phương đã có cải thiện nhiều	T	0,72	0,82	0,70	0,94
54	Tỷ lệ DN đánh giá cán bộ của chính quyền địa phương hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết TTHC cho DN nhanh chóng, nhiệt tình	T	0,91	0,90	0,73	1,00
55	Tỷ lệ DN được mời tham gia các chương trình đối thoại DN của chính quyền địa phương	T	0,39	0,39	0,26	0,50
56	Chất lượng của hoạt động đối thoại của chính quyền địa phương	T	0,95	0,95	0,85	1,00

Bảng 20 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Hỗ trợ doanh nghiệp” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 7 chỉ tiêu, tất cả đều là chỉ tiêu Thuận.

Khảo sát cho thấy, về tổng thể, hoạt động hỗ trợ DN tại khối Địa phương chưa có nhiều thay đổi so với năm trước. Cụ thể, trung bình toàn tỉnh, mức độ tham gia/được hưởng các chương trình hỗ trợ của chính quyền địa phương là 0,11 (Chỉ tiêu 50). Trong số những DN được tham gia, 97% DN đánh giá thủ tục để tham gia/được hưởng các chương trình hỗ trợ này là dễ dàng (Chỉ tiêu 51); khoảng 82% DN ghi nhận các chương trình hỗ trợ DN của chính quyền địa phương là thực chất (Chỉ tiêu 52) và hoạt động hỗ trợ DN đã có cải thiện nhiều (Chỉ tiêu 53). Ngoài ra, khoảng 90% DN đánh giá cán bộ của chính quyền địa phương hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết TTHC cho DN nhanh chóng, nhiệt tình (Chỉ tiêu 54).

Liên quan đến hoạt động đối thoại DN, năm 2023 có khoảng 39% DN cho biết đã được mời tham gia các chương trình đối thoại DN của chính quyền địa phương (Chỉ tiêu 55), tương đương năm 2022. Về chất lượng của hoạt động đối thoại, 94% DN cho rằng các vấn đề, quan ngại của DN được phản ánh đầy đủ trong các cuộc đối thoại và 96% DN đánh giá chính quyền địa phương tiếp thu ý kiến và có kế hoạch thay đổi cụ thể sau đối thoại.

**Ý kiến doanh nghiệp**

*Cán bộ Thị xã hỗ trợ doanh nghiệp rất nhiệt tình trong mọi công việc. Doanh nghiệp chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!*

**Doanh nghiệp DP048 đánh giá Thị xã Bình Long**

- Quan tâm đến khó khăn của doanh nghiệp
- Hồ sơ thủ tục hành chính cần nhanh chóng hơn

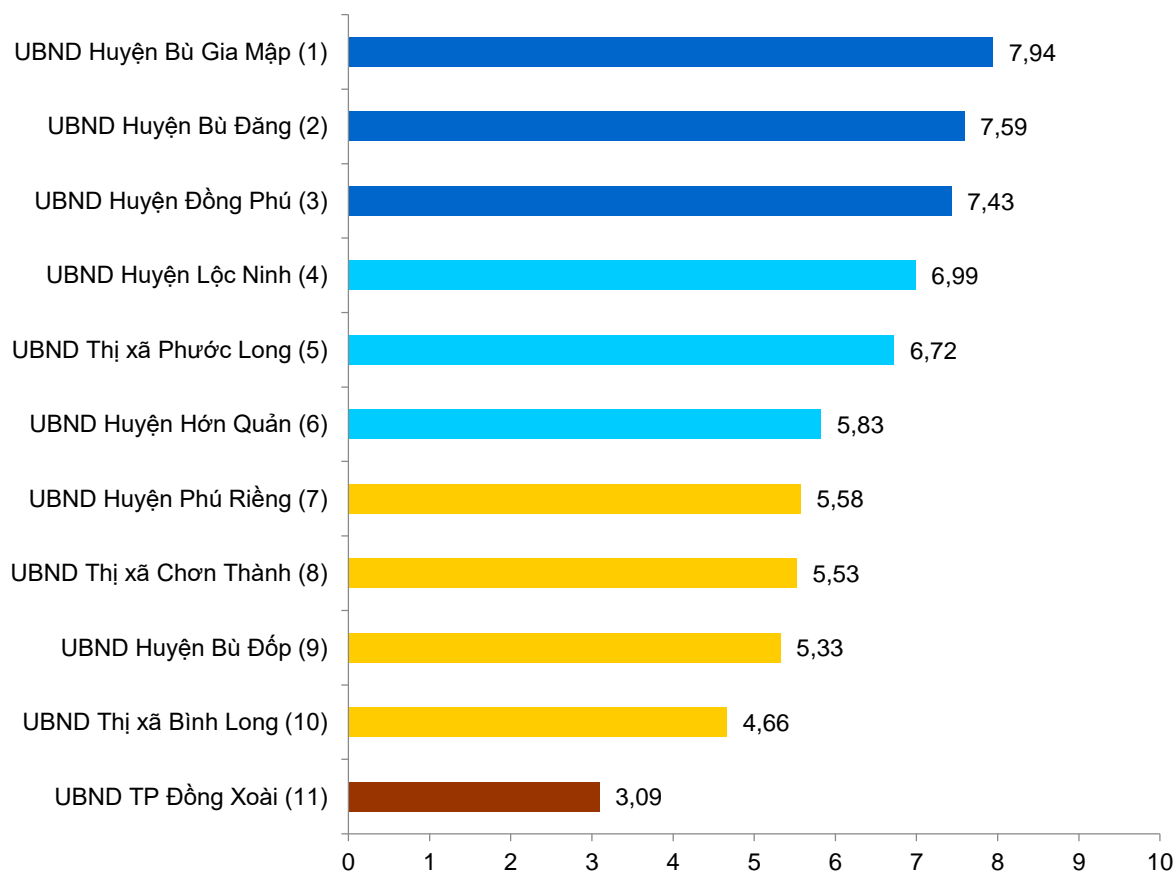
**Doanh nghiệp DP049 đánh giá Thị xã Chợ Thành**

- Có thêm đầu tư về cơ sở hạ tầng vùng sâu vùng xa

**Doanh nghiệp DP057 đánh giá Huyện Bù Gia Mập**

### 3.8. CHỈ SỐ THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

Hình 54: Xếp hạng và điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối Địa phương năm 2023

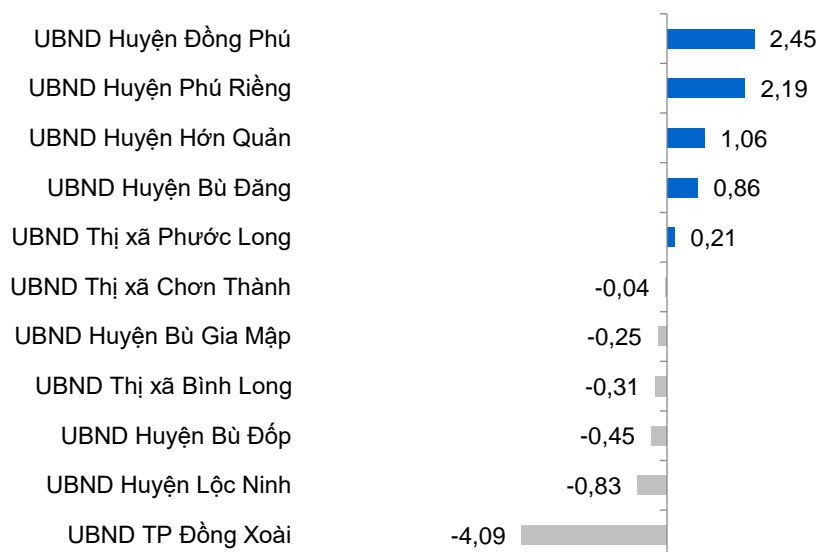


Hình 54 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” của các đơn vị khối Địa phương năm 2023. Bảng xếp hạng ghi nhận Huyện Bù Gia Mập có năm thứ hai liên tiếp dẫn đầu ở chỉ số này, với 7,94 điểm. Các vị trí còn lại trong Top 3 lần lượt thuộc về Huyện Bù Đăng (7,59 điểm) và Huyện Đồng Phú (7,43 điểm). Đây cũng là nhóm những đơn vị được xếp hạng “Rất tốt”.

Nhóm “Tốt” gồm 3 đơn vị với điểm số dao động trong khoảng từ 5,83 đến 6,99 điểm. Nhóm “Khá” gồm 4 đơn vị, với các mức điểm trong khoảng từ 4,66 đến 5,58 điểm. TP Đồng Xoài là đơn vị đứng cuối bảng, với 3,09 điểm, đồng thời cũng là đơn vị duy nhất được xếp hạng “Chưa tốt”.

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Huyện Bù Gia Mập) và đơn vị đứng cuối (TP Đồng Xoài) là 4,85 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 5,83 điểm, thuộc mức thấp trong các chỉ số thành phần.

**Hình 55: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối Địa phương năm 2023 so với 2022**



Hình 55 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” của khối Địa phương năm 2023 so với 2022. Có 5/11 đơn vị có điểm số tăng, trong khi 6/11 đơn vị có điểm số giảm so với năm trước. Hai đơn vị có mức độ cải thiện điểm số ấn tượng nhất là Huyện Đồng Phú (+2,45 điểm) và Huyện Phú Riềng (+2,19 điểm). Huyện Hớn Quản cũng có điểm số tăng đáng kể (+1,06 điểm). Ở chiều ngược lại, TP Đồng Xoài là đơn vị bị giảm điểm mạnh nhất, ở mức -4,09 điểm.

**Bảng 21: Các chỉ tiêu của chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối Địa phương năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
57	Tỷ lệ DN đánh giá hiện tượng trộm cắp, đột nhập trái phép còn phổ biến trên địa bàn	N	0,57	0,60	0,41	0,77
58	Tỷ lệ DN đánh giá chính quyền chính quyền địa phương giải quyết có hiệu quả các vụ việc mất cắp, thiệt hại tài sản trên địa bàn	T	0,76	0,83	0,71	0,94
59	Tỷ lệ DN đánh giá hiện tượng lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép còn phổ biến trên địa bàn	N		0,35	0,20	0,49
60	Tỷ lệ DN đánh giá chính quyền huyện/thành phố kiên quyết xử lý các	T		0,89	0,78	1,00



Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
	vụ lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép					
61	Tỷ lệ DN đánh giá phải bỏ nhiều chi phí để thuê các dịch vụ bảo vệ, an ninh trật tự	N	0,53	0,48	0,31	0,60
62	Tỷ lệ DN đánh giá phải trả các chi phí bảo kê	N	0,14	0,17	0,06	0,27
63	Tỷ lệ DN phản ánh hiện tượng bảo kê còn phổ biến trên địa bàn	N	0,15	0,17	0,06	0,33
64	Tỷ lệ DN tin tưởng việc phản ánh lên cấp trên sẽ được giải quyết đúng nếu gặp cán bộ của chính quyền địa phương làm trái với các quy định của pháp luật hoặc cố tình gây khó khăn cho DN	T	0,71	0,79	0,68	0,91
65	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án cấp huyện để phân xử trong trường hợp có tranh chấp	T	0,93	0,93	0,90	0,97

Bảng 21 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” khối Địa phương năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 9 chỉ tiêu, trong đó có 4 chỉ tiêu Thuận và 5 chỉ tiêu Nghịch.

Về tình hình an ninh trật tự tại các địa phương, khảo sát cho thấy, 60% DN đánh giá hiện tượng trộm cắp, đột nhập trái phép còn phổ biến trên địa bàn (Chỉ tiêu 57), tăng nhẹ so với mức 57% của năm 2022. Tuy nhiên, tỷ lệ DN ghi nhận chính quyền địa phương giải quyết có hiệu quả các vụ việc mất cắp, thiệt hại tài sản trên địa bàn (Chỉ tiêu 58) lại có sự cải thiện, đạt 83%, tăng đáng kể so với con số 76% của năm 2022. Ở một khía cạnh khác, khoảng 35% DN đánh giá hiện tượng lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép còn phổ biến trên địa bàn (Chỉ tiêu 59); và 89% DN ghi nhận chính quyền địa phương kiên quyết xử lý các vụ lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép (Chỉ tiêu 60).

Về chi phí để đảm bảo an ninh trật tự, vẫn có tới 48% DN phản ánh phải bỏ nhiều chi phí để thuê các dịch vụ bảo vệ, an ninh trật tự (Chỉ tiêu 61). Tỷ lệ này tuy đã giảm một chút so với năm 2022, song vẫn khá cao. Bên cạnh đó, tỷ lệ DN phản ánh hiện tượng bảo kê còn phổ biến trên địa bàn (Chỉ tiêu 63) và tỷ lệ DN cho biết phải trả các chi phí bảo kê (Chỉ tiêu 62) cũng tăng nhẹ, từ 2% đến 3% so với năm 2022. Đáng lưu ý là ở những địa phương có điểm số kém tích cực về an ninh trật tự, những con số do DN phản ánh ở mức rất đáng lo ngại.

Về niềm tin vào thiết chế pháp lý, 79% DN cho rằng chính quyền sẽ tiếp nhận và xem xét nghiêm túc việc tố cáo của DN trong trường hợp có cán bộ chính quyền làm trái với quy định của pháp luật (Chỉ tiêu

64). Mặc dù vậy, ở một số địa phương bị đánh giá kém tích cực, con số này chỉ đạt khoảng 68%. Trong khi đó, 93% DN cho biết họ sẵn sàng sử dụng tòa án cấp huyện để phân xử trong trường hợp có tranh chấp (Chỉ tiêu 65), giữ nguyên so với năm 2022.

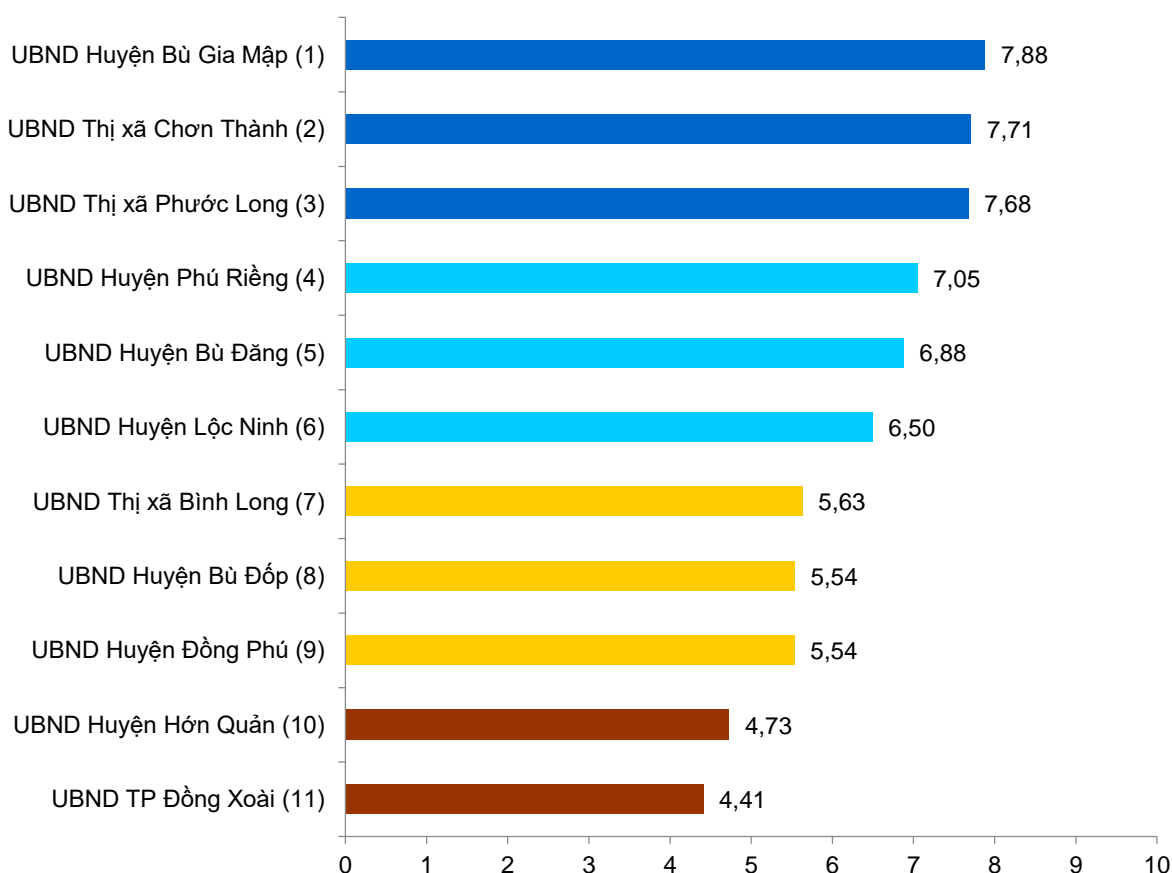
### Ý kiến doanh nghiệp

*Cần biện pháp giảm thiểu việc trộm cắp trên khu vực*

**Doanh nghiệp DP071 đánh giá Huyện Lộc Ninh**

## 3.9. CHỈ SỐ TÍNH NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

**Hình 56: Xếp hạng và điểm số chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền Địa phương năm 2023**



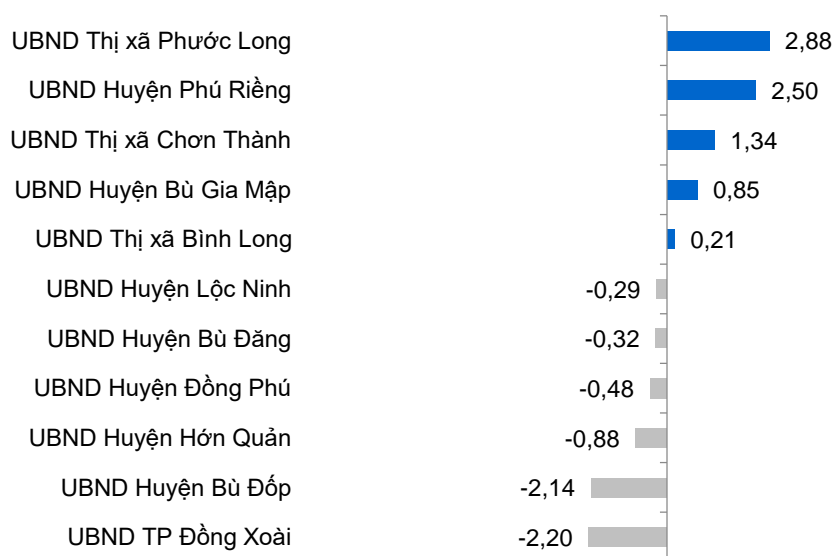
Hình 56 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương” năm 2023. Đứng đầu bảng xếp hạng là Huyện Bù Gia Mập, với 7,88 điểm. Theo sau

là Thị xã Chơn Thành (7,71 điểm) và Thị xã Phước Long (7,68 điểm). Đây là 3 đơn vị được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.

Nhóm “Tốt” gồm 3 đơn vị với điểm số dao động trong khoảng từ 6,50 đến 7,05 điểm. Nhóm “Khá” cũng gồm 3 đơn vị, với các mức điểm trong khoảng 5,54 đến 5,63 điểm. Huyện Hớn Quản (4,73 điểm) và TP Đồng Xoài (4,41 điểm) là 2 đơn vị được xếp hạng “Chưa tốt”.

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Huyện Bù Gia Mập) và đơn vị đứng cuối (TP Đồng Xoài) là 3,47 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 6,50 điểm, thuộc mức trung bình trong các chỉ số thành phần.

**Hình 57: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền Địa phương năm 2023 so với 2022**



Hình 57 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương” năm 2023 so với 2022. Có 5/11 đơn vị có điểm số tăng, trong khi 6/11 đơn vị có điểm số giảm so với năm trước. Hai đơn vị có mức độ cải thiện điểm số ấn tượng nhất là Thị xã Phước Long (+2,88 điểm) và Huyện Phú Riềng (+2,50 điểm). Thị xã Chơn Thành cũng có điểm số tăng đáng kể, ở mức +1,34 điểm. Ở chiều ngược lại, TP Đồng Xoài và Huyện Bù Đốp là hai đơn vị bị giảm điểm mạnh nhất, ở các mức -2,20 và -2,14 điểm.

**Bảng 22: Các chỉ tiêu của chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền Địa phương năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
66	Tỷ lệ DN hài lòng về khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc	T	0,92	0,91	0,79	1,00

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
	của DN trong phạm vi quyền hạn của chính quyền địa phương					
67	Tỷ lệ DN đánh giá chính quyền địa phương chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất hoặc giải pháp hỗ trợ DN	T	0,91	0,90	0,79	1,00
68	Tỷ lệ DN đánh giá Chính quyền địa phương chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương	T		0,89	0,78	0,97
69	Tỷ lệ DN đánh giá chính quyền địa phương sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	T	0,90	0,91	0,78	0,97
70	Tỷ lệ DN đánh giá chính quyền địa phương đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho DN	T		0,63	0,38	1,00
71	Tỷ lệ DN đánh giá chính quyền địa phương có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	N	0,28	0,26	0,13	0,38
72	Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của địa phương năm 2023	T	0,78	0,76	0,42	0,91
73	Mức độ hài lòng đối với cổng thông tin điện tử	T	0,61	0,85	0,77	0,94
74	Mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ trong việc thực hiện TTHC	T	0,64	0,85	0,71	0,98
75	Tỷ lệ DN đồng ý với nhận định môi trường đầu tư và kinh doanh của địa phương đã có những cải thiện đáng kể	T		0,90	0,77	0,97

Bảng 22 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương” năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 10 chỉ tiêu, trong đó có 9 chỉ tiêu Thuận và duy nhất 1 chỉ tiêu Nghịch.

Trung bình toàn tỉnh, khoảng 90% DN thể hiện sự hài lòng đối với chính quyền địa phương về các khía cạnh: nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn; chủ động tham mưu

và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất hoặc giải pháp hỗ trợ DN; chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương; sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh (Chỉ tiêu 66,67, 68, 69). Bên cạnh đó, khoảng 63% DN đánh giá chính quyền địa phương đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho DN (Chỉ tiêu 70). Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 26% DN cho rằng chính quyền địa phương có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh (Chỉ tiêu 71).

Bên cạnh đó, mức độ hài lòng của DN đối với cổng thông tin điện tử (Chỉ tiêu 73) có điểm số cao, đạt 0,85 điểm. Đây đồng thời cũng là mức điểm thể hiện sự hài lòng của DN về chất lượng phục vụ trong việc thực hiện TTHC (Chỉ tiêu 74). Đặc biệt, cả hai chỉ tiêu này đều có điểm số tăng mạnh so với năm 2022. Ngoài ra, 90% DN ghi nhận môi trường đầu tư và kinh doanh của địa phương đã có những cải thiện đáng kể.

Liên quan đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023, trung bình toàn tỉnh đạt mức 76,4%, giảm nhẹ so với tỷ lệ 77,8% của năm 2022. Trong đó, ở địa phương bị đánh giá thấp nhất, tỷ lệ này thậm chí chỉ đạt khoảng 42,0%. (Bảng 23)

**Bảng 23: Tình hình giải ngân vốn đầu tư công các địa phương của Bình Phước năm 2023**

STT	Đơn vị	Tỷ lệ thực tế với kế hoạch năm 2023
1	Thành Phố Đồng Xoài	69,62%
2	Thị xã Phước Long	90,65%
3	Thị xã Bình Long	82,95%
4	Thị xã Chơn Thành	41,99%
5	Huyện Đồng Phú	84,83%
6	Huyện Bù Đăng	77,58%
7	Huyện Bù Đốp	70,77%
8	Huyện Bù Gia Mập	89,16%
9	Huyện Lộc Ninh	88,43%
10	Huyện Hớn Quản	73,54%
11	Huyện Phú Riềng	70,97%
	<b>Trung bình</b>	<b>76,41%</b>

Nhìn chung, chỉ số Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của khối Địa phương đã có một số cải thiện so với năm 2022. Tuy nhiên, tình trạng giải ngân vốn đầu tư công đạt tỷ lệ chưa cao là một chỉ báo đáng lưu ý của chỉ số này.

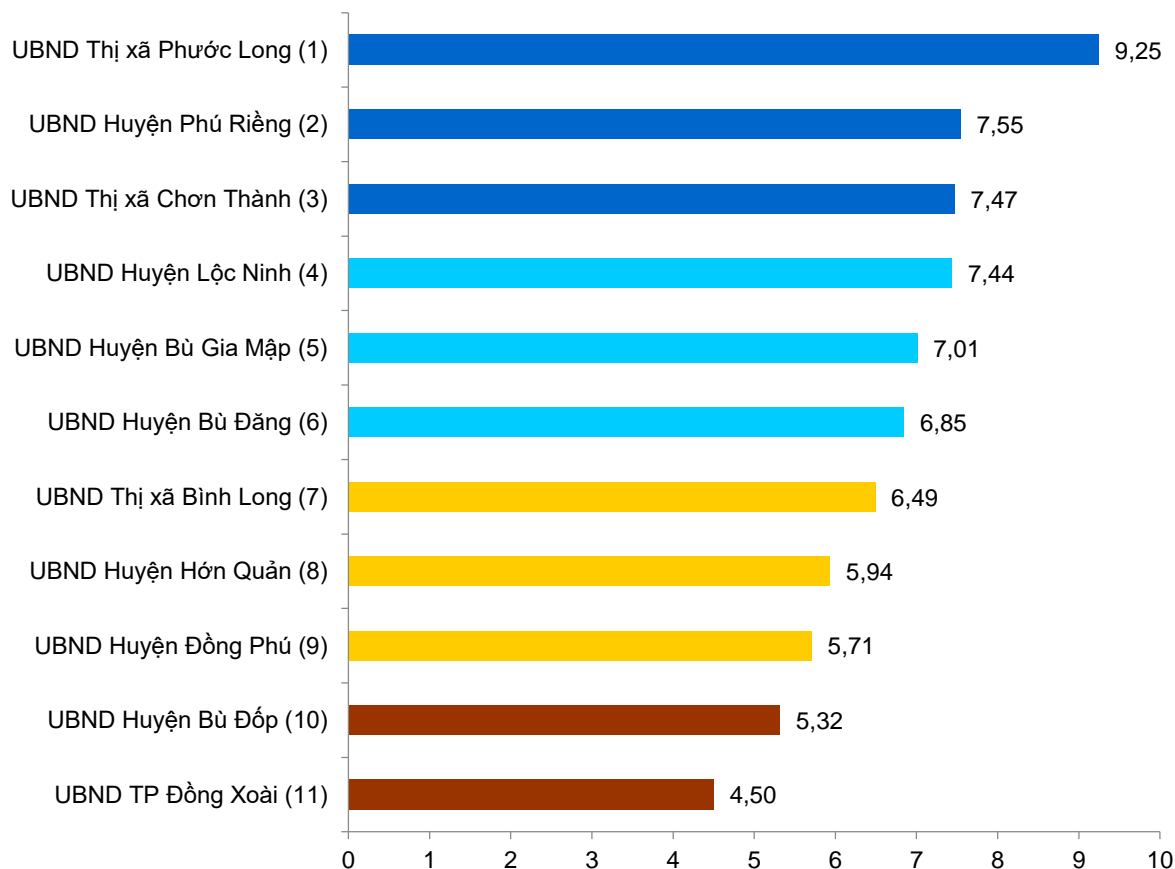
**Ý kiến doanh nghiệp**

1. *Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.*
2. *Tạo môi trường kinh doanh lành mạnh.*
3. *Trung gian kết nối doanh nghiệp trong và ngoài địa phương.*

**Doanh nghiệp DP077 đánh giá Thị xã Phước Long**

**3.10. CHỈ SỐ VAI TRÒ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU UBND CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

**Hình 58: Xếp hạng và điểm số chỉ số Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền Địa phương năm 2023**

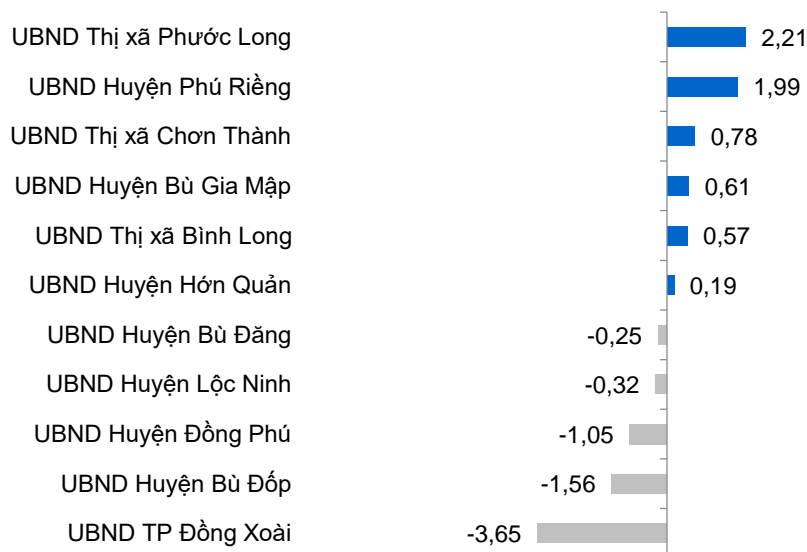


Hình 58 miêu tả thứ hạng và điểm số chỉ số “Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền địa phương” năm 2023. Bảng xếp hạng ghi nhận vị trí cao nhất thuộc về Thị xã Phước Long, với 9,25 điểm. Xếp sau lần lượt là Huyện Phú Riềng (7,55 điểm) và Thị xã Chơn Thành (7,47 điểm). Đây cũng là 3 đơn vị được xếp hạng “Rất tốt” ở chỉ số này.

Nhóm “Tốt” gồm 3 đơn vị, với điểm số dao động trong khoảng từ 6,85 đến 7,44 điểm. Nhóm “Khá” cũng gồm 3 đơn vị, với điểm số nằm trong khoảng từ 5,71 đến 6,49 điểm. Nhóm “Chưa tốt” gồm 2 đơn vị là Huyện Bù Đốp (5,32 điểm) và TP Đồng Xoài (4,50 điểm).

Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu (Thị xã Phước Long) và đơn vị đứng cuối (TP Đồng Xoài) là 4,75 điểm. Điểm trung vị của chỉ số này là 6,85 điểm, thuộc mức khá cao trong các chỉ số thành phần.

**Hình 59: Mức độ thay đổi điểm số chỉ số Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền Địa phương năm 2023 so với 2022**



Hình 59 miêu tả mức độ thay đổi điểm số chỉ số “Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền địa phương” năm 2023 so với 2022. Có 6/11 đơn vị có điểm số tăng. Đơn vị có mức độ cải thiện điểm số ấn tượng nhất là Thị xã Phước Long (+2,21 điểm). Huyện Phú Riềng cũng có điểm số tăng đáng kể, ở mức +1,99 điểm. Ở chiều ngược lại, TP Đồng Xoài là đơn vị giảm điểm mạnh nhất (-3,65 điểm).

**Bảng 24: Các chỉ tiêu của chỉ số Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền Địa phương năm 2023**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
76	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu chính quyền địa phương chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp TTTC tại địa phương	T	0,95	0,97	0,91	1,00
77	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử	T	0,92	0,97	0,93	1,00

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Loại chỉ tiêu	Điểm trung bình toàn khối năm 2022	Điểm trung bình toàn khối năm 2023	Điểm đơn vị thấp nhất năm 2023	Điểm đơn vị cao nhất năm 2023
	của công chức và hệ thống chính quyền					
78	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương đề cao và phát huy vai trò của công nghệ	T	0,95	0,95	0,89	1,00
79	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu UBND chính quyền địa phương trực tiếp tham gia đối thoại với DN	T	0,82	0,84	0,50	1,00
80	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu chính quyền địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN	T	0,96	1,00	1,00	1,00
81	Tỷ lệ DN đánh giá lãnh đạo của chính quyền địa phương đã giám sát, có nhiều biện pháp kịp thời để ngăn chặn/cải thiện tình trạng nhũng nhiễu tại các cơ quan của Chính quyền địa phương	T		0,85	0,81	0,89
82	Tỷ lệ DN nhận định lãnh đạo chính quyền địa phương sát sao trong chỉ đạo, điều hành công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, kiến nghị của DN	T		0,88	0,81	0,94
83	Mức độ ủng hộ của DN với người đứng đầu UBND chính quyền địa phương	T	0,67	0,83	0,78	0,89
84	Tỷ lệ DN cho rằng cần thay đổi người đứng đầu UBND chính quyền địa phương	N	0,24	0,23	0,09	0,30

Bảng 24 trình bày điểm số các chỉ tiêu của chỉ số “Vai trò người đứng đầu của UBND chính quyền địa phương” năm 2023. Chỉ số này được cấu thành từ 9 chỉ tiêu, trong đó có 8 chỉ tiêu Thuận và 1 chỉ tiêu Nghịch.

Trung bình toàn tỉnh, trên 95% DN đánh giá người đứng đầu chính quyền địa phương chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp TTHC; quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền; đề cao và phát huy vai trò của công nghệ; lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN (Chỉ tiêu 76, 77, 78, 80). Đồng thời, khoảng 84% DN ghi nhận người đứng đầu UBND chính quyền địa phương trực tiếp tham gia đối thoại với DN (Chỉ tiêu 79). Tuy nhiên, tỷ lệ này ở đơn vị có điểm số thấp nhất chỉ đạt 50%.



Bên cạnh đó, trung bình có khoảng 85% DN đánh giá lãnh đạo của chính quyền địa phương đã giám sát, có nhiều biện pháp kịp thời để ngăn chặn/cải thiện tình trạng những nhiễu tại các cơ quan (Chỉ tiêu 81). Khoảng 88% DN ghi nhận lãnh đạo chính quyền địa phương sát sao trong chỉ đạo, điều hành công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, kiến nghị của DN (Chỉ tiêu 82).

### **Ý kiến doanh nghiệp**

*Lãnh đạo quan tâm hơn, tạo nhiều thuận lợi cho các doanh nghiệp*

**Doanh nghiệp DP096 đánh giá Huyện Bù Gia Mập**

*Doanh nghiệp có ý kiến với lãnh đạo chính quyền huyện như sau:*

*Tiếp tục hoàn thiện thể chế về chính quyền địa phương, tiếp tục xây dựng bộ máy chính quyền địa phương tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả và xây dựng đội ngũ nhân sự liêm chính.*

**Doanh nghiệp DP097 đánh giá Huyện Lộc Ninh**

*- Luôn luôn lắng nghe tình hình hoạt động của doanh nghiệp để biết doanh nghiệp đang gặp những khó khăn gì*

**Doanh nghiệp DP101 đánh giá Huyện Phú Riềng**

# CHƯƠNG IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

## 4.1. KẾT LUẬN

### *Về triển khai khảo sát*

Báo cáo DDCI Bình Phước 2023 là kết quả triển khai hoạt động đánh giá thường niên năm thứ 3 của tỉnh Bình Phước theo Đề án “Xây dựng bộ chỉ số và triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 – DDCI” (Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh). Đây được xem như là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

Trong năm thứ 3 triển khai khảo sát DDCI, chương trình đã thu hút được 622 DN tham gia, đạt tỷ lệ 32,7% trên quy mô khảo sát (1.900 DN), thấp hơn một chút so với tỷ lệ 34,8% của năm 2022. Khoảng 30% DN tham gia khảo sát là các DN trẻ, mới được thành lập từ năm 2021 trở lại đây; 48,4% DN được thành lập trong giai đoạn 2011-2020; còn lại là các DN được thành lập từ năm 2010 trở về trước (khoảng 21,6%). Về loại hình doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng lớn nhất là công ty TNHH (61,1%); công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân lần lượt chiếm tỷ lệ 14,1% và 11,3%; còn lại, các loại hình như hộ kinh doanh, hợp tác xã và công ty hợp danh chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ. Về cơ cấu lĩnh vực hoạt động, các DN ở khu vực Dịch vụ chiếm tỷ lệ lớn nhất (70,2%); Nông, lâm nghiệp, và thủy sản chiếm tỷ lệ 16,4%; còn lại là các công ty hoạt động trong lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng (13,4%).

Trong năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN trên địa bàn tỉnh tiếp tục gặp nhiều khó khăn và kém tích cực hơn so với năm 2022. Khảo sát cho thấy, có tới 68% DN có doanh thu giảm; 73,2% DN có lợi nhuận giảm; 53,6% DN có số lượng lao động giảm; 54,5% DN có số lượng khách hàng mới giảm và khoảng 35,9% DN cắt giảm đầu tư CNTT. Những mức giảm này đều cao hơn đáng kể so với năm 2022. Tuy nhiên, triển vọng kinh doanh của các DN khảo sát trong năm 2024 tương đối tích cực, với 38,6% DN dự kiến tăng quy mô, cao hơn so với tỷ lệ 37% của năm trước. Những con số này cho thấy cộng đồng DN tỉnh Bình Phước tiếp tục trải qua một năm khó khăn nhưng đang có nhiều kỳ vọng tích cực vào môi trường kinh doanh của Tỉnh.

Khảo sát năm nay cũng đã dành một phần nội dung để tìm hiểu những khó khăn và nhu cầu cần hỗ trợ của cộng đồng doanh nghiệp. Kết quả cho thấy Tiếp cận vay vốn, Tìm kiếm thông tin thị trường, Xây dựng thương hiệu và Tìm kiếm đối tác kinh doanh là những khía cạnh mà các DN gặp nhiều khó khăn và có nhu cầu hỗ trợ cao từ phía chính quyền.

Đây là năm đầu tiên DDCI Bình Phước khảo sát ý kiến doanh nghiệp liên quan đến các khía cạnh phát triển xanh. Liên quan đến chất lượng môi trường tại địa phương, tính trung bình, 81% DN đánh giá chất lượng tốt, 19% DN đánh giá còn ô nhiễm, và 81% DN đánh giá chính quyền địa phương xử lý hiệu quả tình trạng DN gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, chỉ có 20% DN phản ánh được thụ hưởng các chính

sách khuyến khích và hỗ trợ DN thực hiện kinh doanh xanh/thân thiện với môi trường của chính quyền; đa số những DN nhận được hỗ trợ đều phản ánh quá trình thực hiện thủ tục là khá thuận lợi.

### ***Về kết quả các chỉ số tổng hợp***

Về các chỉ số tổng hợp DDCI năm nay, khối SBN ghi nhận Sở Tư pháp và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có năm thứ hai liên tiếp lần lượt nắm giữ hai vị trí dẫn đầu. Ba vị trí còn lại trong Top 5 thuộc về Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và Sở Giáo dục và Đào tạo. Ở khối Địa phương, Thị xã Phước Long và Huyện Lộc Ninh tiếp tục là hai đơn vị đứng đầu bảng xếp hạng năm thứ ba liên tiếp. Các vị trí tiếp theo trong Top 5 lần lượt thuộc về Huyện Bù Gia Mập, Huyện Phú Riềng và Thị xã Chơn Thành.

So sánh với năm 2022, cả hai khối SBN và Địa phương đều có những biến động nhất định về điểm số và thứ hạng của các đơn vị. Đối với khối SBN, Ban Quản lý Khu kinh tế, Cục Hải quan và Công an tỉnh là ba đơn vị có điểm số tăng nhiều nhất; trong khi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế và Sở Công thương là những đơn vị bị giảm điểm mạnh nhất. Đối với khối Địa phương, Huyện Phú Riềng và Huyện Bù Gia Mập là hai đơn vị có sự cải thiện điểm số và thứ hạng tăng ngoạn mục nhất; trong khi TP Đồng Xoài và Huyện Bù Đốp là những địa phương bị giảm điểm đáng kể nhất.

Về các chỉ số thành phần, khối SBN ghi nhận sự gia tăng điểm số ở 2/8 chỉ số so với năm 2022. Hai chỉ số có điểm số tăng là “Chi phí không chính thức” và “Chi phí thời gian”. Trong khi đó, “Hỗ trợ doanh nghiệp” là chỉ số có sự sụt giảm điểm mạnh nhất. Đối với khối Địa phương, có 4/9 chỉ số có điểm số tăng, trong khi 5/9 chỉ số còn lại giảm điểm. Các chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” và “Chi phí không chính thức” có mức điểm tăng đáng kể nhất; trong khi bị giảm điểm đáng kể nhất là chỉ số “Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số”. Đối với cả hai khối SBN và Địa phương, chỉ số liên quan tới “Vai trò người đứng đầu” đều có điểm số cao, trong khi chỉ số liên quan tới “Thiết chế pháp lý” đều có điểm số thấp.

### ***Về các điểm tích cực được và kém tích cực so với năm trước***

#### ***Đối với khối SBN:***

- Những điểm tích cực là:
  - Thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến đạt tỷ lệ cao hơn.
  - Giảm bớt tình trạng phải trả chi phí không chính thức, có “mối quan hệ” để được thuận tiện trong giải quyết công việc.
  - Đã giảm được thời gian chờ làm TTHC cho các DN (có lẽ là thành quả của việc áp dụng TTHC trực tuyến).
- Những điểm chưa tích cực là:
  - Chất lượng cổng thông tin điện tử chậm được cải thiện.
  - Văn hoá coi chi phí không chính thức là đương nhiên trong giải quyết công việc vẫn còn hiện diện khá cao ở nhiều đơn vị.
  - Tình trạng mất thời gian do phải chỉnh sửa hồ sơ chưa được cải thiện.
  - Vẫn còn hiện tượng “sân sau” ở một số đơn vị; khu vực DNNVV chưa được quan tâm đúng mức.

- Tính thực tiễn và tính khả thi của một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của SBN do cấp tỉnh ban hành vẫn chưa được khắc phục.
- Tính chủ động, sáng tạo, và khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn của SBN đều có xu hướng giảm so với năm trước.

**Đối với khối Địa phương:**

- Những điểm tích cực là:
  - Đã có nhiều cải thiện về chỉ tiêu liên quan đến Tiếp cận và minh bạch thông tin.
  - Chất lượng môi trường của địa phương được đánh giá tương đối tốt.
  - Tình trạng thanh kiểm tra gây cản trở đến hoạt động kinh doanh của DN có xu hướng giảm
  - Chất lượng hỗ trợ DN đã có nhiều chuyển biến tích cực.
  - Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sâu sau có xu hướng giảm; chính quyền được đánh giá có thái độ tích cực với khu vực kinh tế tư nhân.
  - Tình trạng người dân tin tưởng vào tính nghiêm minh của chính quyền gia tăng.
- Những điểm chưa tích cực là:
  - Công tác chuyển đổi số như cổng thông tin điện tử và làm TTHC trực tuyến có phần chững lại so với năm trước.
  - Chất lượng cơ sở hạ tầng chưa có cải thiện nhiều so với năm trước; mức độ rủi ro liên quan đến đất đai tăng .
  - Tình trạng chi phí không chính thức hầu như không được cải thiện.
  - Tình trạng chỉnh sửa hồ sơ khi làm TTHC tăng so với năm trước.
  - Tình trạng mất an ninh trật tự mặc dù đã có nhiều cải thiện nhưng vẫn còn diễn ra ở một số địa phương.
  - Tính chủ động, sáng tạo, và khả năng nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn của chính quyền địa phương đều có xu hướng giảm so với năm trước.
  - Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chưa được cải thiện, thậm chí kém hơn so với năm trước.

## **4.2. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH**

Qua kết quả khảo sát được trình bày ở những phần trên của báo cáo này và tham khảo các ý kiến của DN, chúng tôi đưa ra những khuyến nghị sau:

### ***Khuyến nghị chung***

**Thứ nhất**, tình hình sản xuất kinh doanh của các DN tại tỉnh Bình Phước được phản ánh qua khảo sát 2023 nhìn chung vẫn tiếp tục khó khăn. Có thể thấy, phần lớn các DN đều ghi nhận kết quả kinh doanh kém khả quan: lợi nhuận, doanh thu, khách hàng, lao động đều sụt giảm so với năm trước. Tình hình này đã kéo dài trong suốt vài năm qua và chưa có dấu hiệu cải thiện. Theo khảo sát của cộng đồng DN, những

khía cạnh khó khăn cần được sự giúp đỡ là: tiếp cận vốn, phát triển thương hiệu, tìm kiếm thông tin thị trường, và tìm kiếm đối tác kinh doanh.

Để hỗ trợ các DN một cách hiệu quả, tỉnh Bình Phước cân nhắc thành lập một tổ công tác đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư như mô hình của tỉnh Quảng Ninh. Tổ công tác sẽ trực tiếp tiếp cận, nắm bắt, tiếp nhận thông tin, tổng hợp, xử lý các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và nhà đầu tư có dự án trên địa bàn tỉnh và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho DN.

**Thứ hai**, sau 3 năm triển khai DDCI, tỉnh Bình Phước đã phần nào tạo dựng được hình ảnh chính quyền năng động, thân thiện, đồng hành trong con mắt của cộng đồng doanh nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều DN trong quá trình khảo sát vẫn chưa biết đến DDCI/PCI. Các nội dung về DDCI/PCI chỉ hiện diện trên các kênh thông tin của Tỉnh trong một vài thời điểm trong năm.

Vì thế, chúng tôi khuyến nghị Tỉnh cần tổ chức hoạt động truyền thông xuyên suốt trong năm cho cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng doanh nghiệp tỉnh về PCI/DDCI. Tỉnh Bình Phước cần nâng cấp/đẩy mạnh hoạt động của Tổ công tác PCI tỉnh Bình Phước; học tập kinh nghiệm của Bắc Giang về tổ chức hoạt động thi tìm hiểu PCI/DDCI trong cán bộ công nhân viên chức; v.v.; cần có sự tham gia mạnh mẽ của các tổ chức xã hội gắn với doanh nghiệp như Hội doanh nhân trẻ Bình Phước, Hội nữ doanh nhân tỉnh Bình Phước, Hội doanh nhân CCB v.v. để tuyên truyền sâu rộng về PCI/DDCI cho các hội viên; tuyên truyền cho các DN “nói không” với các loại chi phí không chính thức khi làm việc với các cán bộ cơ quan nhà nước trên địa bàn Tỉnh.

**Thứ ba**, cần đẩy mạnh triển khai các kênh truyền thông hiện đại như zalo, facebook fanpage, tiktok, họp/hội nghị trực tuyến, v.v. để tăng kết nối giữa các cơ quan chính quyền của tỉnh với doanh nghiệp. Hiện tại, tương tác giữa các cơ quan chính quyền với các doanh nghiệp của tỉnh vẫn chủ yếu qua các kênh gặp mặt trực tiếp, khiến cho tần suất tương tác với DN ít và số lượng DN tham gia tương tác ít.

**Thứ tư**, tính chủ động, sáng tạo của nhiều SBN và chính quyền địa phương có phần giảm sút so với năm trước. Trong bối cảnh nhiều tỉnh thành trên cả nước có dấu hiệu chững lại về tính chủ động, sáng tạo của chính quyền địa phương, lãnh đạo tỉnh Bình Phước cần có các giải pháp khuyến khích, động viên cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo để đạt tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của Tỉnh đạt cao hơn; hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Bình Phước nhiều hơn nữa.

**Thứ năm**, bên cạnh việc tổ chức hội thảo công bố, tỉnh Bình Phước có thể xem xét tổ chức các buổi trao đổi/thảo luận chuyên sâu về kết quả chỉ số DDCI 2023 trong tương quan với những bộ chỉ số như PCI, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) v.v. để giúp lãnh đạo tỉnh rút ra những nhận định xác thực hơn nhằm đề ra các giải pháp hữu hiệu, cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư - kinh doanh của tỉnh.

**Thứ sáu**, đẩy mạnh các chương trình số hoá, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC; đẩy mạnh đồng bộ hoá, kết nối và chia sẻ hệ thống CSDL giữa các cơ quan trên toàn tỉnh, để giảm bớt việc người dân và DN phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được xác nhận trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp Tỉnh. Như kết quả khảo sát DDCI đã chỉ ra, tỷ lệ các DN thực hiện TTHC trực tuyến tại một số SBN và Địa phương còn thấp (ở các mức dưới 50%). Đồng thời, tỷ lệ DN phản ánh dù thực hiện TTHC trực tuyến nhưng vẫn phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được xác nhận trước đó tại nhiều đơn vị vẫn còn ở mức cao (ở mức trên 60% tại một số địa phương và sở, ban, ngành).

**Thứ bảy**, là một trong những tỉnh được đánh giá cao về chỉ số PGI, Bình Phước cần coi môi trường là thế mạnh của mình trong hoạt động truyền thông để thu hút đầu tư. Chất lượng môi trường tại các địa phương cần tiếp tục được quan tâm và cải thiện để đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc tại DN. Các đơn vị cần ban hành chế tài để xử phạt nghiêm khắc những DN gây ô nhiễm môi trường, tạo tác dụng răn đe và ngăn chặn sự tái diễn về sau; đồng thời, khuyến khích và hỗ trợ DN thực hiện kinh doanh xanh (tái chế rác thải, sử dụng năng lượng tái tạo, tái trồng rừng, v.v...).

### **Khuyến nghị cho khối SBN**

**Thứ tám**, các SBN cần nâng cao tính công bằng trong việc thực thi chính sách và trong hoạt động tương tác với DN. Sự hiện diện của những DN sâu sau, có liên kết thân hữu với chính quyền còn hiện diện ở một số SBN. Nhiều DN tham gia khảo sát cũng cho biết có sự ưu tiên của cơ quan SBN dành cho các DN lớn trong hoạt động thu hút đầu tư. Điều này đã gây ra khó khăn đáng kể cho nhóm DN nhỏ và vừa, khiến những DN này phải chịu thiệt thòi trong quá trình sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

**Thứ chín**, khảo sát DDCI 2023 chứng kiến nhiều DN đánh giá tích cực về chất lượng của các chương trình hỗ trợ từ SBN đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng DN trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, tỷ lệ DN được tham gia những chương trình hỗ trợ và hoạt động đối thoại được tổ chức bởi SBN là rất thấp (ở mức dưới 20% tại một số đơn vị). Điều đó cho thấy các đơn vị SBN đã nỗ lực nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động hỗ trợ DN, song sự nhiệt tình ấy vẫn là chưa đủ khi giá trị của những hoạt động này chưa thể lan tỏa đến với nhiều DN. Vì vậy, khối SBN cần đẩy mạnh hơn nữa hoạt động hỗ trợ DN; đồng thời, thực hiện tuyên truyền, phổ biến thông tin rộng rãi đến với đông đảo mọi đối tượng để cả những DN lớn và DN nhỏ đều được hưởng lợi từ những chương trình này.

Như khuyến nghị ở phần khuyến nghị chung, các SBN cần mạnh dạn áp dụng các hình thức hỗ trợ, chia sẻ, đối thoại trực tuyến với cộng đồng doanh nghiệp để số lượng DN có thể tham gia được nhiều hơn và thường xuyên hơn.

**Thứ mười**, liên quan đến vấn đề thiết chế pháp lý và hiệu quả thực thi chính sách, văn bản pháp luật: Trong năm 2023, rất nhiều DN phản ánh văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của SBN do cấp tỉnh ban hành chậm so với nhu cầu thực tiễn và có tính khả thi thấp (ở mức trên 50% DN, tính trung bình trên toàn tỉnh). Vì vậy, các đơn vị SBN cần xem xét, đánh giá lại quy trình nghiên cứu những vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của đơn vị mình, kết hợp với tiếp thu ý kiến từ cộng đồng DN, từ đó ban hành những văn bản, chính sách một cách kịp thời và bám sát với nhu cầu thực tiễn.

### **Khuyến nghị cho khối Địa phương**

**Thứ mười một**, liên quan đến tình hình an ninh trật tự tại các địa phương: Theo phản ánh của nhiều DN, những hiện tượng như trộm cắp, đột nhập trái phép, lấn chiếm đất đai và xây dựng trái phép còn phổ biến ở một số địa bàn. Tuy đây có thể là những vấn đề cục bộ của một số địa phương, địa bàn nhất định, nhưng vẫn cần được các cơ quan chính quyền của tỉnh nhìn nhận, đánh giá nghiêm túc để có giải pháp khắc phục, giúp các DN trong tỉnh yên tâm sản xuất kinh doanh.

**Thứ mười hai**, liên quan đến vấn đề tiếp cận đất đai và cơ sở hạ tầng: Khảo sát DDCI 2023 cho thấy nhiều DN gặp khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng phù hợp nếu có nhu cầu tiếp cận hoặc mở rộng diện tích sản xuất kinh doanh. Tiến độ và chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại các địa phương cũng được đánh giá rất thấp, có đến 1/3 DN phản hồi kém tích cực về khía cạnh này. Bên cạnh đó, nhiều DN cho rằng: chính quyền không thể hiện sự hỗ trợ tích cực đối với DN trong công tác giải phóng mặt bằng;

và mức bồi thường đối với mặt bằng kinh doanh bị thu hồi là không thỏa đáng. Do vậy, các đơn vị khối Địa phương cần nghiêm túc đánh giá lại chất lượng quy hoạch đất đai tại địa phương mình; đồng thời, nâng cao hoạt động hỗ trợ dành cho DN trong quá trình giải phóng mặt bằng để hạn chế sự gián đoạn đối với quá trình sản xuất kinh doanh của DN.

# PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC 1: BẢNG TRỌNG SỐ CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DDCI KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

STT	Chỉ số thành phần	Trọng số
1	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số	15%
2	Chi phí không chính thức	15%
3	Chi phí thời gian	15%
4	Cạnh tranh bình đẳng	10%
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	15%
6	Thiết chế pháp lý	5%
7	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của Sở ban ngành	10%
8	Vai trò người đứng đầu Sở ban ngành	15%



**PHỤ LỤC 2: BẢNG TRỌNG SỐ CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DDCI KHỐI ĐỊA PHƯƠNG**

<b>STT</b>	<b>Chỉ số thành phần</b>	<b>Trọng số</b>
1	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số	15%
2	Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh	15%
3	Chi phí không chính thức	10%
4	Chi phí thời gian	10%
5	Cạnh tranh bình đẳng	10%
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	10%
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	5%
8	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương	10%
9	Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền địa phương	15%

**PHỤ LỤC 3: TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DDCI KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH**

Sở Ban Ngành	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số	Chi phí không chính thức	Chi phí thời gian	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN	Vai trò người đứng đầu SBN	DDCI 2023
Văn phòng UBND tỉnh	7,58	4,14	8,33	4,54	5,50	7,55	7,89	8,11	66,70
Sở Kế hoạch và Đầu tư	7,22	6,98	7,90	5,22	5,42	6,67	7,17	7,65	68,51
Sở Công thương	6,09	6,58	6,31	5,52	5,92	7,39	7,10	7,19	64,43
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,61	3,90	4,40	3,82	4,69	2,71	3,57	4,90	39,49
Sở Giao thông Vận tải	7,43	5,82	5,92	5,32	5,58	4,83	4,91	5,36	57,80
Sở Xây dựng	4,99	6,00	6,40	4,67	3,03	5,31	6,44	5,69	52,93
Sở Tài nguyên và Môi trường	5,94	5,76	5,66	5,04	3,88	5,30	4,89	5,13	52,13
Sở Thông tin và Truyền thông	8,04	7,74	6,93	6,33	6,82	6,11	7,27	7,77	72,61
Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	9,21	8,11	7,68	5,52	8,43	7,74	9,19	9,47	82,92
Sở Khoa học và Công nghệ	6,78	6,33	6,92	4,53	6,52	6,71	6,74	7,11	65,13
Sở Giáo dục và Đào tạo	9,27	9,23	7,34	7,43	7,06	7,68	6,60	7,24	78,08

Sở Ban Ngành	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyên đổi số	Chi phí không chính thức	Chi phí thời gian	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN	Vai trò người đứng đầu SBN	DDCI 2023
Sở Y tế	7,17	4,48	6,98	4,32	7,03	6,07	6,55	5,93	61,28
Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	8,37	8,77	7,77	7,87	6,86	7,19	7,17	7,92	78,18
Ban Quản lý Khu kinh tế	8,63	8,29	7,66	7,35	9,29	8,45	7,76	8,19	82,43
Sở Tư pháp	8,80	8,36	6,73	8,29	7,85	9,49	8,68	9,85	84,12
Cục Thuế	7,72	6,74	5,41	5,36	6,32	5,52	5,82	6,30	62,68
Bảo hiểm xã hội tỉnh	7,78	7,76	7,66	6,56	5,77	6,95	6,85	7,39	71,43
Cục Hải quan	6,71	5,14	7,41	5,40	6,90	5,94	6,56	7,20	64,98
Công an tỉnh	6,10	6,12	7,53	6,99	5,70	5,45	5,54	7,52	64,71
<b>TB toàn tỉnh</b>	<b>7,32</b>	<b>6,80</b>	<b>6,90</b>	<b>5,85</b>	<b>6,18</b>	<b>6,43</b>	<b>6,58</b>	<b>7,03</b>	<b>66,99</b>

**PHỤ LỤC 4: TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DDCI KHỐI ĐỊA PHƯƠNG**

Địa phương	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số	Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh	Chi phí không chính thức	Chi phí thời gian	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương	Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền địa phương	DDCI 2023
UBND TP Đồng Xoài	7,06	4,22	3,63	5,45	4,05	5,21	3,09	4,41	4,50	47,97
UBND Thị xã Phước Long	6,60	8,59	7,68	7,17	8,56	6,80	6,72	7,68	9,25	77,91
UBND Thị xã Bình Long	7,22	6,34	6,87	8,11	4,94	7,72	4,66	5,63	6,49	65,67
UBND Thị xã Chơn Thành	6,91	7,20	4,64	7,15	5,16	7,03	5,53	7,71	7,47	66,84
UBND Huyện Đồng Phú	6,27	5,74	7,61	7,03	6,77	6,42	7,43	5,54	5,71	63,67
UBND Huyện Bù Đăng	5,81	5,01	7,48	7,26	5,68	6,45	7,59	6,88	6,85	64,04
UBND Huyện Bù Đốp	4,07	4,81	6,91	6,77	6,79	6,96	5,33	5,54	5,32	56,92
UBND Huyện Bù Gia Mập	8,30	7,33	4,92	6,49	5,12	7,92	7,94	7,88	7,01	70,29

Địa phương	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số	Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh	Chi phí không chính thức	Chi phí thời gian	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương	Vai trò người đứng đầu UBND chính quyền địa phương	DDCI 2023
UBND Huyện Lộc Ninh	6,38	6,09	6,35	7,87	8,50	8,18	6,99	6,50	7,44	70,76
UBND Huyện Hớn Quản	5,45	4,87	8,41	7,11	5,36	3,85	5,83	4,73	5,94	56,75
UBND Huyện Phú Riềng	7,66	7,06	3,95	5,10	6,76	8,30	5,58	7,05	7,55	67,35
<b>TB toàn khối</b>	<b>6,66</b>	<b>6,01</b>	<b>6,11</b>	<b>6,73</b>	<b>6,16</b>	<b>6,77</b>	<b>5,93</b>	<b>6,46</b>	<b>6,68</b>	<b>64,23</b>

**PHỤ LỤC 5: CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐƯỢC TÍNH ĐIỂM CHO KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH****Bảng 25: Các chỉ tiêu không được tính điểm cho tất cả các đơn vị ở khối Sở Ban Ngành**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu
5	Tỷ lệ DN cho biết SBN tuyên truyền, phổ biến, giải thích, hướng dẫn quy trình, thủ tục đấu thầu công khai, rõ ràng, đầy đủ
17	Tỷ lệ DN cho rằng xu hướng chi phí không chính thức tăng so với năm trước
28	Tỷ lệ DN phản ánh Hồ sơ mời thầu dường như có “cài cắm” nhiều tiêu chí, điều kiện hạn chế sự tham gia của các DN có năng lực

**Bảng 26: Các chỉ tiêu không được tính điểm cho một số đơn vị do không đảm bảo số quan sát ở khối Sở Ban Ngành**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Tên chỉ số	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Giao thông Vận tải	Sở Xây dựng	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Tỷ lệ DN cho biết DN luôn nhận được thông báo về kết quả thanh kiểm tra riêng của SBN	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số	N		N		
6	Tỷ lệ DN đã thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số					
7	Tỷ lệ DN cho rằng việc thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến là không khó khăn	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số		N			N
8	Tỷ lệ DN cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp DN tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số		N			N
9	Tỷ lệ DN cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp cho DN tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số		N			N

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Tên chỉ số	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Giao thông Vận tải	Sở Xây dựng	Sở Thông tin và Truyền thông
10	Khi thực hiện TTHC trực tuyến, DN không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số		N			N
14	Tỷ lệ DN đánh giá có hiện tượng cán bộ gây khó khăn để trực lợi	Chi phí không chính thức					
18	Tỷ lệ DN phản ánh còn mất nhiều thời gian chờ đợi đến lượt giải quyết TTHC	Chi phí thời gian					
19	Thời gian nhận được phản hồi "Hồ sơ đã được tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ" khi gửi hồ sơ trực tuyến	Chi phí thời gian		N			
20	Tỷ lệ DN gặp phải tình trạng hồ sơ TTHC đã được chấp nhận hợp lệ nhưng bị trả lại để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	Chi phí thời gian					
21	Số lần DN phải chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ sau khi đã được tiếp nhận hợp lệ	Chi phí thời gian					
23	Tỷ lệ DN đánh giá cán bộ tại trung tâm hành chính công (hoặc các bộ phận có giao dịch với DN) ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực	Chi phí thời gian					N
26	Tỷ lệ DN đánh giá thời gian làm việc trong những lần thanh, kiểm tra riêng là hợp lý hoặc chấp nhận được	Chi phí thời gian	N		N		

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Tên chỉ số	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Giao thông Vận tải	Sở Xây dựng	Sở Thông tin và Truyền thông
27	Tỷ lệ DN đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh	Chi phí thời gian	N		N		
33	Tỷ lệ DN cho rằng hoạt động đối thoại DN chủ yếu tập hợp DN lớn	Cạnh tranh bình đẳng				N	
39	Tỷ lệ DN đánh giá cán bộ của SBN hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết TTHC cho DN nhanh chóng, nhiệt tình	Hỗ trợ doanh nghiệp					N
41	Chất lượng của hoạt động đối thoại của SBN	Hỗ trợ doanh nghiệp				N	
51	Tỷ lệ DN đánh giá SBN đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ DN	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN					
55	Mức độ hài lòng đối với chất lượng phục vụ trong việc thực hiện TTHC	Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động của SBN					
59	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu SBN có trực tiếp tham gia đối thoại với DN	Vai trò người đứng đầu SBN				N	
60	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu SBN lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN	Vai trò người đứng đầu SBN				N	



**PHỤ LỤC 6: CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐƯỢC TÍNH ĐIỂM CHO KHỐI ĐỊA PHƯƠNG****Bảng 27: Các chỉ tiêu không được tính điểm cho tất cả các đơn vị ở khối Địa phương**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu
7	Tỷ lệ DN cho biết Chính quyền địa phương tuyên truyền, phổ biến, giải thích, hướng dẫn quy trình, thủ tục đấu thầu công khai, rõ ràng, đầy đủ
31	Tỷ lệ DN cho rằng xu hướng chi phí không chính thức tăng so với năm trước
43	Tỷ lệ DN phản ánh Hồ sơ mời thầu dường như có “cài cắm” nhiều tiêu chí, điều kiện hạn chế sự tham gia của các DN có năng lực
80	Tỷ lệ DN đánh giá người đứng đầu chính quyền địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN

**Bảng 28: Các chỉ tiêu không được tính điểm cho một số đơn vị do không đảm bảo số quan sát ở khối Địa phương**

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Tên chỉ số	UBND TP Đồng Xoài	UBND Thị xã Phước Long	UBND Thị xã Bình Long	UBND Thị xã Chơn Thành	UBND Huyện Đồng Phú	UBND Huyện Bù Đăng	UBND Huyện Bù Đốp	UBND Huyện Bù Gia Mập	UBND Huyện Lộc Ninh	UBND Huyện Hớn Quản	UBND Huyện Phú Riềng
9	Tỷ lệ DN cho biết thực hiện TTHC theo phương thức trực tuyến là đơn giản và dễ dàng hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số		N					N		N	N	
10	Tỷ lệ DN cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp DN tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và		N					N		N	N	

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Tên chỉ số	UBND TP Đồng Xoài	UBND Thị xã Phước Long	UBND Thị xã Bình Long	UBND Thị xã Chơn Thành	UBND Huyện Đồng Phú	UBND Huyện Bù Đăng	UBND Huyện Bù Đốp	UBND Huyện Bù Gia Mập	UBND Huyện Lộc Ninh	UBND Huyện Hớn Quản	UBND Huyện Phú Riềng
	(nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	chuyển đổi số											
11	Tỷ lệ DN cho biết thực hiện TTHC trực tuyến giúp cho DN tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số		N					N		N	N	
12	Tỷ lệ DN cho biết khi thực hiện TTHC trực tuyến, DN không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	Tiếp cận thông tin, minh bạch thông tin và chuyển đổi số		N					N		N	N	
13	Tỷ lệ DN không tìm kiếm được mặt bằng phù hợp với nhu cầu	Khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng kinh doanh và tăng trưởng xanh		N					N	N			



